



LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
VŨ THANH (Chủ biên) – BUI MINH ĐỨC
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẦN

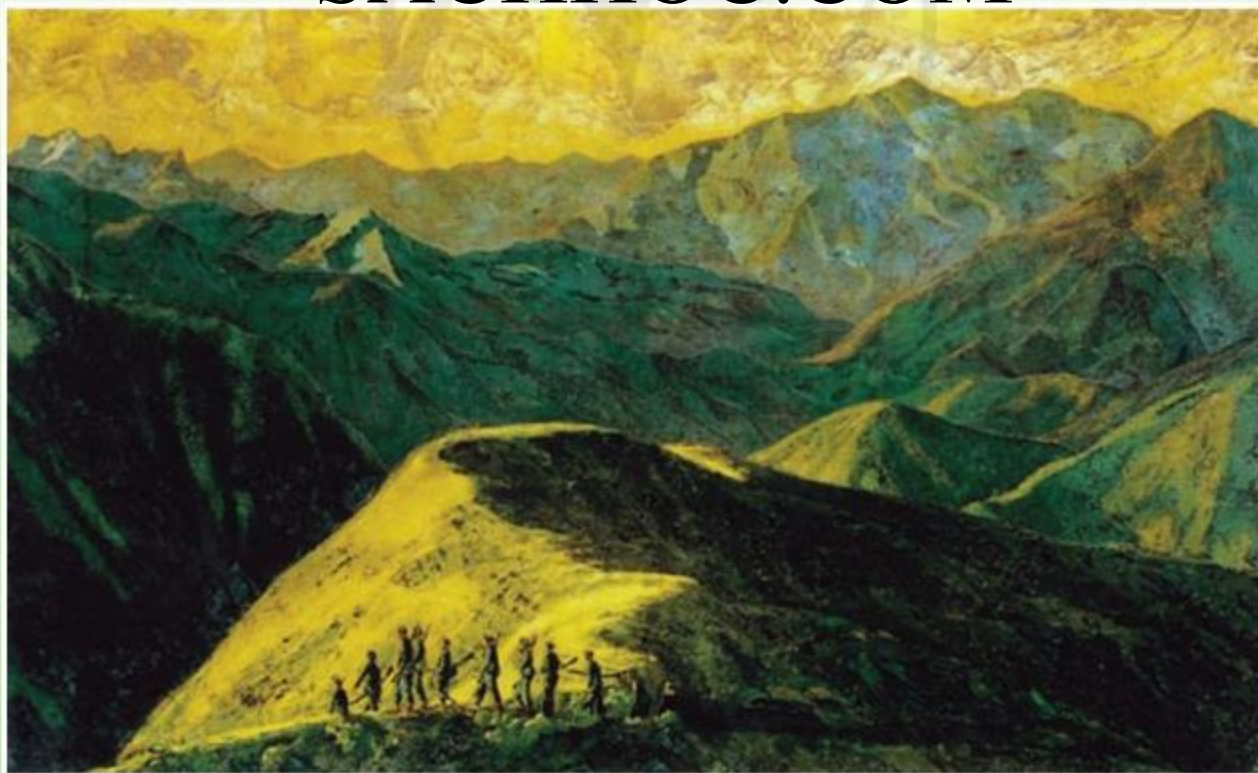
Ngữ văn

10

TẬP HAI

BẢN MẪU

SACHHOC.COM



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên) – VŨ THANH (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẤN

Ngữ văn 10

TẬP HAI

BẢN MẪU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết, phân tích được giá trị nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng,...) và một số yếu tố hình thức (điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri và người kể chuyện toàn tri, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...) của tiểu thuyết và truyện ngắn.
- ▶ Nhận biết được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ chêm xen.
- ▶ Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.
- ▶ Biết giới thiệu, đánh giá một tác phẩm truyện.
- ▶ Biết quý trọng giá trị của hoà bình; xúc động trước những tình cảm cao quý, phẩm chất tốt đẹp và cảm thông, chia sẻ với những người đã chịu nhiều mất mát, hi sinh.

KIẾN THỨC NGŨ VĂN

1. Tiểu thuyết và truyện ngắn

Tiểu thuyết và truyện ngắn đều thuộc loại tác phẩm truyện.

– Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn. Tiểu thuyết có khả năng phản ánh đời sống rộng lớn, không bị giới hạn về không gian và thời gian; cốt truyện phức tạp, được xây dựng trên nhiều sự kiện, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chống chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. Tiểu thuyết có nhiều loại, ở Bài 5 tập trung vào tiểu thuyết chương hồi.

– Truyện ngắn là thể loại tự sự cỡ nhỏ. Truyện ngắn hướng tới khắc hoạ một hiện tượng trong đời sống; cốt truyện thường diễn ra trong thời gian, không gian hạn chế; kết cấu không nhiều tầng, nhiều tuyến; thường có ít nhân vật. Truyện ngắn thu hút người đọc bởi nội dung cô đúc, chi tiết có sức ám ảnh, ý tưởng sắc sảo được thể hiện qua tình huống bất ngờ, lời văn hàm súc, mang nhiều ẩn ý.

2. Điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri, người kể chuyện toàn tri⁽¹⁾

– Điểm nhìn nghệ thuật là thuật ngữ dùng để chỉ vị trí quan sát của người kể chuyện trong tương quan với nhân vật, sự việc được trần thuật.

– Người kể chuyện hạn tri thường là người kể chuyện theo ngôi kể thứ nhất. Người kể chuyện hạn tri thường trực tiếp tham dự hoặc chứng kiến các sự việc xảy ra trong truyện nên có vị trí quan sát, miêu tả, trần thuật,... bị giới hạn. Vì người kể chuyện đồng thời là một nhân vật trong truyện nên không biết được những diễn biến trong suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật khác; thường bày tỏ quan điểm và thái độ chủ quan khi thuật chuyện. Ví dụ trong truyện *Ngày cuối cùng của chiến tranh* (Vũ Cao Phan), phần lớn thông tin cung cấp cho người đọc đến từ trải nghiệm cá nhân và khả năng quan sát, cảm nghĩ của người kể chuyện xưng “tôi”.

Trần thuật từ điểm nhìn hạn tri có ưu điểm là tạo được hiệu quả về tính trực tiếp như đang chứng kiến các sự việc xảy ra ở hiện trường, có cơ hội để đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật – người kể. Tuy nhiên, điểm nhìn này lại rất hạn chế trong việc phản ánh toàn cảnh bức tranh xã hội, môi trường hoạt động và tâm lí của các nhân vật khác.

– Người kể chuyện toàn tri thường là người kể chuyện theo ngôi thứ ba. Người kể chuyện toàn tri không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng, biết hết tất cả mọi việc; biết rõ hoàn cảnh, lai lịch, cảm giác, suy nghĩ và hành động của các nhân vật. Ví dụ: Người kể chuyện trong các tiểu thuyết chương hồi như *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung) biết rất rõ sự việc, diễn biến và kết cục tất yếu của mọi chuyện và thường tự tin đưa ra các nhận xét, bình luận về nhân vật, sự việc,... Trong truyện *Người ở bến sông Châu* (Sương Nguyệt Minh), người kể chuyện có khả năng di chuyển điểm nhìn linh hoạt, thâm nhập vào đời sống nội tâm phức tạp của các nhân vật. Ở truyện ngắn này, người kể chuyện toàn tri thường mượn quan điểm, thái độ, cảm giác của nhân vật Mai để kể chuyện. Bằng cách này, điểm nhìn nghệ thuật có sự đan xen, chuyển đổi từ điểm nhìn bên ngoài (tác giả) sang điểm nhìn bên trong (nhân vật Mai) và ngược lại.

Trần thuật từ điểm nhìn toàn tri rất linh hoạt và được dùng rất rộng rãi. Bởi lẽ, trần thuật từ điểm nhìn toàn tri giúp người đọc biết được nhiều thông tin hơn, rõ hơn về nhân vật và sự việc so với việc kể chuyện từ điểm nhìn hạn tri. Tuy nhiên, người đọc ít có được cảm giác kết nối trực tiếp, gần gũi với nhân vật như trần thuật từ điểm nhìn hạn tri.

3. Biện pháp tu từ chêm xen

Chêm xen là biện pháp tu từ, theo đó, tác giả xen thêm một thành phần biệt lập ngay sau bộ phận thể hiện thông tin chính trong câu để bổ sung ý nghĩa hoặc gia tăng tính hình tượng, sắc thái biểu cảm cho câu. Bộ phận chêm xen thường được tách biệt bằng các dấu phẩy, dấu gạch ngang hay dấu ngoặc đơn. Ví dụ:

(1) *Hạn tri*, *toàn tri*: tri (biết); *hạn tri*: biết có hạn; *toàn tri*: biết hết.

Cô bé nhà bên (có ai ngờ)
Cũng vào du kích.
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!).

(Giang Nam)

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



KIỀU BÌNH NỖI LOẠN

(Trích *Hoàng Lê nhất thống chí*)

NGÔ GIA VĂN PHẢI(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Cần lưu ý: Tiểu thuyết chương hồi xuất hiện đầu tiên và thịnh hành ở Trung Quốc khoảng từ thế kỉ XIV đến cuối thế kỉ XVIII. Đặc điểm nổi bật của tiểu thuyết chương hồi là sự phân chia tác phẩm thành những hồi khác nhau. Mỗi hồi đều có tiêu đề khái quát nội dung được trình bày trong hồi. Kết thúc mỗi hồi thường có câu thơ mang tính chất bình luận. Sau những câu thơ là những lời gắn kết hồi trước với hồi sau, kích thích sự quan tâm, chú ý của người đọc. Tiểu thuyết chương hồi thường chú ý đến các sự kiện, tình huống bất ngờ, gây hồi hộp, căng thẳng, thú vị. Trong tiểu thuyết chương hồi, tính cách nhân vật được thể hiện tương đối nhất quán, rõ ràng thông qua đối thoại và hành động.

– Khi đọc văn bản *Kiều bình nổi loạn*, các em cần chú ý:(***)

+ Đoạn trích có những nhân vật và sự kiện nào nổi bật? Các nhân vật và sự kiện đó có liên quan đến lịch sử hay được tác giả hư cấu?

+ Nội dung (đề tài, chủ đề) và những hình thức nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích là gì?

(*) *Ngô gia văn phái*: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thị làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam Thượng (nay thuộc Hà Nội), trong đó, Ngô Thị Chi (1753 – 1788), Ngô Thị Du (1772 – 1840) là hai tác giả chính.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản tiểu thuyết chương hồi trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

- + Nội dung đoạn trích mang lại cho em những hiểu biết, suy nghĩ và tình cảm gì?
- Đọc trước văn bản *Kiều binh nổi loạn* và tìm hiểu thêm thông tin về nhóm tác giả Ngô gia văn phái, tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*.
- Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Hoàng Lê nhất thống chí⁽¹⁾ là tác phẩm viết bằng chữ Hán theo hình thức tiểu thuyết chương hồi. Nội dung chính của *Hoàng Lê nhất thống chí* phản ánh thời kì lịch sử khoảng 30 năm, từ khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa (1768) đến lúc Gia Long lên ngôi vua (1802). Tác phẩm tái hiện một cách phong phú, sinh động bức tranh xã hội trong thời kì khủng hoảng triền miên, dẫn đến sự sụp đổ của các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh và khi thế quật khởi, tinh thần quyết liệt chống thù trong giặc ngoài của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Huệ đứng đầu.

Đoạn trích *Kiều binh nổi loạn* dưới đây thuộc *Hồi thứ hai* của tác phẩm, kể chuyện kiêu binh nổi loạn, giết Quận Huy Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông lên ngôi chúa.

2) Đọc hiểu

①^(*) Thế tử⁽²⁾ có người đầu bếp tên là Dụ Vũ, vốn là người cơ trí⁽³⁾, nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dụ Vũ đáp:

Người kể chuyện là ai? (**)

– Nhà chúa bỏ con cả, lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ, trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, Quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần⁽⁴⁾ tên là Gia Thọ. Thọ người làng Bát Trảng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn, hẳn nói với thế tử:

Người kể chuyện nhận xét gì về đầu bếp, gia thần của Trịnh Tông?

– Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phò⁽⁵⁾, thì việc lớn ắt thành.

(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(**) Các câu gợi ý bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật, ... trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) *Hoàng Lê nhất thống chí*: ghi chép về công cuộc thống nhất của vương triều nhà Lê.

(2) *Thế tử*: con trai được chọn để nối nghiệp chúa, ở đây chỉ Trịnh Tông.

(3) *Cơ trí*: người có nhiều mưu trí, biết ứng phó linh hoạt.

(4) *Gia thần*: người giúp việc trong gia đình vua chúa, quan lại, ở đây chỉ thuộc hạ thân tín của Trịnh Tông.

(5) *Tôn phò*: (tôn: kính trọng; phò: giúp đỡ) ở đây chỉ việc phe Trịnh Tông mong muốn kiêu binh xem trọng và giúp đỡ để đoạt lấy ngôi chúa từ phe Trịnh Cán.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dư Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại⁽¹⁾ trong đám thân quân⁽²⁾ tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

– Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mù đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa⁽³⁾, vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn Quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng vương tử⁽⁴⁾ Cản bé dại, dễ kiểm chế, nên hãm mới vào hùa với mù mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hãm làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ? Ba quân đều là người ở đất “thang mộc”⁽⁵⁾ và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây, nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt⁽⁶⁾ lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

– Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhớ có điều gì kinh động, người lại đổ trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Chú ý động cơ và thái độ của đầu bếp, thân quân.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn.

② Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế Quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thoả. Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt lên nói:

– Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bắt quả chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong, đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu rồi kéo ừa cả vào, nắm chặt hãm, vút chổng gọng xuống dưới thềm một cái là xong thôi mà!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiệp bảo⁽⁷⁾ tên là Bằng Vũ.

(1) *Biện lại*: người giữ việc biên chép trong tổ chức hành chính thời phong kiến, thường kiêm việc biên bác, tranh tụng.

(2) *Thân quân*: binh lính thân cận, gần gũi.

(3) *Tiên chúa*: chúa trước (đã qua đời), ở đây chỉ chúa Trịnh Sâm.

(4) *Vương tử*: con trai của người được phong tước vương.

(5) *Đất “thang mộc”*: quê hương của vua chúa, ở đây chỉ Thanh Hoá – quê hương của vua Lê, chúa Trịnh.

(6) *Sách son, khoán sắt*: văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng được hưởng phú quý lâu dài với nhà vua, lưu truyền muôn đời.

(7) *Đội Tiệp bảo*: đội thân binh hầu hạ.

Gã Bằg Vũ này là người huyện Thanh Chương, Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê trung hưng. Về sau tập ảm⁽¹⁾ đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn.

Ai là người kể chuyện về nhân vật Bằg Vũ?

Bằg Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh nhả như học trò. Sau khi vào đội Tiếp bảo, nhờ biết đả ba chữ, gã được làm chân biện lại. Ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điều toa trong việc xúi nguyên giục bị⁽²⁾.

Lúc này, Bằg Vũ thủ xướng⁽³⁾ ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân.

Bằg Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau, hễ nghe hiệu trống của Bằg Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

③ [...] Bấy giờ, Quận Huy cũng biết tai hoạ sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

Chú ý lời nói, thái độ và hành động của Quận Huy.

– Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có đả ba mạng đi theo.

Các quan nói:

– Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khải⁽⁴⁾ nói là Huy Bá tố cáo Quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà Quận Huy có kẻ khuyển hản nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyển hản nên đưa nghĩa sĩ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng Quận Huy đều gạt đi mà rằng:

– Xưa nay, thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thông thả rồi cũng tra ra, chừng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc gấp quá không thể trì hoãn, thì ta đây vâng mệnh của đấng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy, Quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằg Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi, chín tiếng trống. Các quan ngơ ngác nhìn nhau.

(1) *Tập ảm*: trong chế độ phong kiến, những người làm quan, tùy theo thứ bậc, con cháu đều được nối nghiệp, gọi là tập ảm; *tập ảm đã hết* tức là đến lúc con cháu không được hưởng tập ảm nữa.

(2) *Xúi nguyên giục bị*: xúi bẩy, kích động cả người kiện (nguyên đơn) lẫn người bị kiện (bị cáo), làm cho hai bên thêm mâu thuẫn, chịu thiệt hại còn mình thì đứng giữa hưởng lợi.

(3) *Thủ xướng*: (như *khởi xướng*) đề ra, nêu ra đầu tiên cho mọi người hưởng ứng, làm theo.

(4) *Tờ khải*: giấy tờ của các quan đệ trình lên vua chúa.

Quận Huy sai người đóng chặt cửa các⁽¹⁾, bắt trời Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trời rồi, Thủy trung hầu bảo Quận Huy rằng:

– Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiết hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lẫn nhau mà vào trong phủ.

Khí thế của kiêu binh được miêu tả như thế nào?

Lúc ấy, cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo, quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi Quận Châu ra bảo:

– Cậu⁽²⁾ giữ chức binh phiên⁽³⁾, làm sao không biết rắn đe chừng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải⁽⁴⁾ rằng:

“Lí tôi kính khải như sau: Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chùa. Nay ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa, đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương dưới âm cung.”

Khải làm xong, Quận Huy giao cho quan xuất nạp⁽⁴⁾ dâng trình và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc. Khi bảo kiếm tới, Quận Huy quý gồi lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận. Lúc ấy, Quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

– Làm linh phải biết lễ phép. Nay từ cung⁽⁵⁾ còn quân ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có gì muốn nói, cứ viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính thét lên:

– Cậu cũng định theo Quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi treo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào. Quận Huy chống kiếm lên voi, cười ra giữa sân phủ, trở ba quân quát:

Chú ý hành động và thái độ của Quận Châu trước đám kiêu binh.

(1) Các: nơi làm việc của các quan trong một Bộ.

(2) Cậu: Quận Châu là bà con họ ngoại của chúa Trịnh, do đó gọi là cậu.

(3) Binh phiên: một cơ quan quyền lực do chúa Trịnh đặt ra để trông coi việc binh bị, quốc phòng, ... tồn tại song song và tương đương với Binh bộ của triều đình vua Lê.

(4) Xuất nạp: một chức quan hầu cận của vua chúa, chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ và truyền đạt mệnh lệnh.

(5) Từ cung: quan tài của vua chúa. Ở đây chỉ quan tài của chúa Trịnh Sâm chưa được an táng.

– Bớ ba quân, các người ở đâu về đây ngay, không được làm ầm ĩ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hấn cười voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới. Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khi giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ra ném tới tấp, voi co vòi mà gằm, không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liềm⁽¹⁾ lôi viên quân tượng⁽²⁾ xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống làm bị thương vài người. Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên Vũ xông vào, đứng chặn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng yên không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liềm móc cổ Quận Huy kéo xuống, rồi đánh đắm túi bụi giết chết ngay tại chỗ. [...]

Tình thế bất lực, thảm hại và bi đát của Quận Huy được miêu tả qua những chi tiết nào?

Em ruột Quận Huy là Lý Vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến vội vàng chạy bỏ vào phủ đường⁽³⁾. Nhưng mới đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thủy Quân⁽⁴⁾.

④ Anh em Quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò thể tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thể tử lên vai, rồi đứng xúm xung quanh, gào lên vui sướng:

– Xin ngồi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thỏa lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kĩ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vãn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thể tử ngồi lên, rồi tám người kê vai vào khiêng. Chốc chốc, họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỗi lại hạ xuống vai, rồi vai mỗi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giốn quả cầu hoặc rước pho tượng Phật. Mỗi lần thể tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chập. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem mặt chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Những hình ảnh so sánh trong lời kể có tác dụng gì?

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phất ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

(1) *Câu liềm*: tên một loại vũ khí gồm một lưỡi quắm hình lưỡi liềm lắp vào cán dài, dùng để móc vào mà giật, cắt những vật ở trên cao.

(2) *Quân tượng*: người trông nom và điều khiển voi.

(3) *Phủ đường*: nơi làm việc của các quan tri phủ thời xưa.

(4) *Hồ Thủy Quân*: hồ Hoàn Kiếm bây giờ.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy, tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kê qua người lại trên đường đều hí hửng nói: “Chúa ta lập rồi!”. Thế rồi, họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kì hôm ấy vì thế mà phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều diu thể tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dân ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn. [...]



Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em Quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thể tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của Quận Huy. Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

– Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh Quận Huy, anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của Quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thể hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bề đảng của Thị Huệ và Quận Huy, cùng những người dự vào việc tổ giặc vụ án năm Canh Tí⁽¹⁾, những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Kiểu binh lộng hành bức ép chúa cũ, trả thù các đại thần như thế nào?

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

(1) *Vụ án năm Canh Tí*: chỉ việc thể tử Tông mưu cướp ngôi năm 1780 không thành, bị Trịnh Sâm phế truất xuống làm con út.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kì, lên đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau, việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết vẫn chưa dứt.

Chi tiết nào cho thấy Trịnh Tông bất lực, không kiểm soát được kiêu binh?

(Hoàng Lê nhất thống chí,

NGUYỄN ĐỨC VÂN và KIỀU THU HOẠCH dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1964)

?

1. Hãy nêu những sự kiện chính được kể trong văn bản *Kiêu binh nổi loạn* và cho biết mâu thuẫn ở đây là gì?
2. Tìm những chi tiết miêu tả hành động của đám kiêu binh. Em có nhận xét gì về những hành động ấy?
3. Những chi tiết, hình ảnh nào cho thấy sự bất lực và thất bại của phe cánh Quận Huy?
4. Cảnh Trịnh Tông lên ngôi chúa có gì đặc biệt? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của tác giả.
5. Hãy dẫn ra một số bình luận, đánh giá của người kể chuyện đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử trong văn bản. Theo em, quan điểm và thái độ của người kể chuyện có khách quan và đáng tin cậy không? Vì sao?
6. Người xưa từng nói về năm nguy cơ làm mất nước: “Một, trẻ không kính già; hai, trò không trọng thầy; ba, binh kiêu tướng thoái; bốn, tham nhũng tràn lan; năm, sĩ phu ngoảnh mặt.” (Lê Quý Đôn). Sau khi đọc đoạn trích *Kiêu binh nổi loạn*, em suy nghĩ gì về ý kiến này?



NGƯỜI Ở BÊN SÔNG CHÂU

SƯƠNG NGUYỆT MINH^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này^(**).
- Khi đọc truyện *Người ở bên sông Châu*, các em cần chú ý^(***):

(*) Tác giả Sương Nguyệt Minh, tên khai sinh là Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1958, quê ở Ninh Bình.
(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản truyện ngắn trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Nhân vật chính trong truyện là ai? Có số phận như thế nào? Tính cách của nhân vật được thể hiện qua những tình huống nào?

+ Thông điệp tư tưởng mà tác giả muốn nhắn gửi qua truyện ngắn này là gì? Người kể chuyện có thái độ như thế nào đối với các nhân vật trong truyện? Dựa vào đâu để biết được điều đó?

+ Em biết gì về hậu quả của chiến tranh? Hãy chuẩn bị để chia sẻ những hiểu biết ấy.

– Tìm hiểu thêm về tác giả Sương Nguyệt Minh và truyện *Người ở bên sông Châu*, lựa chọn những thông tin liên quan giúp em hiểu thêm truyện ngắn này.

2 Đọc hiểu

① Ngày đi Mây khoác ba lô về làng, chú San đi lấy vợ.

Hôm ấy, nước sông Châu đỏ quạch. Sóng lớp lớp đập tung vào mố cầu⁽¹⁾ đỏ đứng lơ lửng giữa dòng nước từ thời bom Mỹ thả. Hoàng hôn màu đỏ ối. Mây đen trắng lẫn lộn bay cuộn cuộn. Nước sông Châu mỗi lúc một lên cao, chảy xiết. Đám rước dâu ngồi trên đò bảo nhau: Lũ mạn ngược đỏ về...

Chú San lấy cô Thanh giáo viên ở xóm Bãi bên kia sông. Đám rước đông, Mai phải phụ với ông chèo đò chở mấy chuyến mới hết. Chú San đi học nghề ở nước ngoài về mấy tháng nay, chưa xin được việc. Chú mặc áo sơ vin, thắt ca ra vát, đứng ngay ở mũi đò. Các cô mặc áo cổ lá sen, các bà, các ông mặc áo nâu sồng ngồi ở khoang đò, miệng nhai trầu bồm bồm. Mặt chú San tươi, rạng rỡ, lúc nào cũng cười cười, răng trắng lấp lánh.

Tóm tắt sự việc chính của phần này.

Đám rước dâu qua sông một lúc thì đi Mây về. Di đeo chiếc ba lô bạc màu toong teng ở một bên vai. Di đứng ở bờ đê xóm Bãi gọi ông. Giọng di nghèn nghèn lẫn trong rặng chiều lúc hiện lên rất rõ, lúc nhoè đi. Ông đứng ở cửa lều cô đồng tai nghe. Trong tiếng gió và sóng, Mai cảm nhận tiếng vọng của một thời xa lắc và loáng thoáng cả tiếng bọn trẻ chăn trâu: “Cô... ô... ời. Lỡ đò rồi.”

Mai cứ ngỡ mình trong mơ. Khi bình tĩnh, Mai đã thấy ông chèo đò ra giữa dòng sông. Di Mây bước tập tễnh, tập tễnh xuống bến. Ông quấy chèo gấp gáp. Mắt ông nhoè đi. Đò kịch bến. Di Mây nhào xuống đò. Đò ngang trông tránh, trông tránh. Ông ôm lấy di. Đôi vai rung lên. Ông nói từng hơi đứt quãng: “Mây ơi! Sao đến hôm nay mới về... Chậm mất rồi! Con ơi!... Cha cứ tưởng...”

Chập tối.

Gió ở bên sông Châu thổi quần quần. Sau túp lều cỏ, tàu lá chuối rung lật bật. Nước sông Châu chảy xa xa⁽²⁾, vài con kết đi ăn về muộn thỉnh thoảng kêu lạc loài

(1) *Mố cầu*: công trình xây dựng tựa vào nền đường để đỡ rầm cầu.

(2) *Chảy xa xa*: (từ địa phương Ninh Bình) dòng chảy mạnh tạo thành các lớp sóng xô vào nhau nhưng không dữ dội.

giữa không trung. Mai rón lại neo chặt đò. Ông đi trước, di Mây tập tễnh theo sau về xóm Trại. [...]

Cổ cười vẫn chưa tàn. Người ra, vào tấp nập, cười nói, chúc tụng vang một góc làng. Cô Thanh mặc quần lửng Nam Định, áo pơ lin trắng loá đi từng bàn tiếp thức ăn. [...] Hàng xóm vẫn chưa biết di Mây về. Cả nhà nói chuyện chùng chằng. Ông hỏi băng quơ những chuyện xưa xa lắc. Bỏ an ủi di Mây cao số. Chuyện trò chẳng biết vui hay buồn. Mẹ đừng phải cái gì cũng rơi, cũng vỡ. Tim Mai đập thon thót. Thình thoảng bố hỏi, di Mây miễn cưỡng trả lời, bụng dạ cứ để ở bên nhà chú San. [...]

Bên nhà chú San có tiếng quát tắt nhạc. Thím Ba hồn hển đến ghé sát tai chú San thì thầm. Hình như chưa hết câu chú đã ngồi phịch xuống ghế ôm đầu. Tiếng ồn ào lắng lại chỉ còn tiếng thu dọn bát đĩa kêu lách cách.

Một lát sau, chú San rẽ hàng râm bụt, bỏ sang. Người chú quần đầy dây tơ hồng. Bố ngồi bó gối quay mặt đi nơi khác. Mẹ ngại ngừng chào đãi bôi⁽¹⁾. Ông tra thuốc vào nõ điều, rít liên tục. Chú San nhận lỗi, xin phép được nói chuyện với di. Di Mây nuốt nước mắt vào trong: “Bây giờ không còn gì để nói nữa. Anh về đi!”. Di chồng nạng gỗ, lộc cộc bỏ ra ngoài ngõ. Chú San đứng phắt dậy đi theo: “Cho anh nói một câu”. “Không!”. “Anh chỉ xin nói một câu thôi.”. Di Mây thở hồn hển, tay vịn cành dựa hẳn vào cây bưởi. “Anh có lỗi. Anh tệ quá. Mây cứ chửi mắng anh đi.”. Chú San nắm hai tay đập liên hồi vào thân cây. Lá bưởi xào xạc. Vài con chim giạt mình bay vút lên không trung. Di Mây tức tưởi: “Hôm nay là ngày gì? Anh nhớ không? Có ngờ đâu ngày ấy tiễn anh đi cũng là ngày li biệt.”.

Chú ý lời đối thoại giữa các nhân vật và lời bình luận của người kể chuyện.

Họ lặng im, không ai nói gì nữa. Trong mắt hai người không phải màn đêm dưới tán lá bưởi thoang thoảng mùi hương thuần khiết mà là bến sông. Bến sông Châu năm ấy giữa mùa hoa gạo cháy. Từng cánh, từng cánh hoa đỏ tươi rắc đầy lối xuống đò. Phía ga Ghềnh xa xa i ùng tiếng bom Mỹ thả. Đạn cao xạ lụp bụp nổ. Từng đám khói tròn đen trắng lẫn vẩn trên nền trời xanh ngắt. Nhịp cầu bị bom đánh sập tro ở bến sông. Người con gái chèo đò đưa người con trai đi nước ngoài học. Đò ngang bồng bênh, bồng bênh. Bồng máy bay rẹt qua đầu. Người con gái bỏ chèo ôm chặt, nép đầu vào ngực người yêu. Con đò cứ trôi đi, chỡ hai người lặng im ôm nhau như không hề có chiến tranh, không có cuộc chia li.

Chú ý tác dụng của biện pháp điệp từ trong đoạn này.

(1) *Đãi bôi*: niềm nở bề ngoài, không thật tình.

Mai ra mức nước, gấu va vào thành giếng. Hai người bùng tỉnh. Giọng chủ San bồi hồi: “Ở nước ngoài, đêm nào anh cũng nhớ đến em, nhớ bến sông Châu”. Tiếng di Mây da diết: “Ngày ở Trường Sơn, trang nhật kí nào em cũng viết tên anh”. Hồi ức trở về những ngày xa nhau.

Hình dung tâm trạng và thái độ của các nhân vật.

Một thời đã qua ở hai khung trời xa cách lại hiện lên. Người con gái ở Trường Sơn đạn nổ bom rơi, người con trai ở xứ bạn đầy hoa tuyết trắng rơi rơi, êm ả, thanh bình... Tình yêu, nỗi nhớ như kéo không gian, thời gian gần lại. Trong lòng họ, tình yêu, tình thương lại bùng lên bất chợt, cồn cào, da diết. Chủ San đột nhiên vung tay đâm rung cành bưởi: “Mây! Chúng ta sẽ làm lại.”. “San! Anh nói gì thế?”. “Anh sẽ từ bỏ tất cả. Chúng ta về sống với nhau.”. Di Mây lặng đi, người rũ ra, mềm oặt. Di từ từ khụy xuống. Chủ San sẽ sàng đỡ di ngồi xuống đồng cửi xếp cạnh gốc cây bưởi.

Bên kia hàng rào bụi, cô Thanh đi đi lại lại. Chốc chốc, cô lại dứt lá rào bụi xoắn xoạt. Dây tơ hồng quấn quýt ở tay cô. Trong buồng hạnh phúc, giường cười bỏ ngõ, màn trắng thấp thoáng qua cửa sổ. “Chết thật!” – Mai buột miệng thốt lên. Tình thế này chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra. Trên đầu không thấy gió thổi, mây bay. Cây trong vườn đứng im phăng phắc. Không khí ngột ngạt ngột thở. Đó đây im ắng hãi hùng như đang dồn nén cho một trận cuồng phong bão tố sắp cuộn lên ở bến sông Châu.

“Không!”. Tiếng di Mây phá vỡ khoảng không gian im lặng. Di bật dậy, chống nạng gõ cộc cộc đi vào sân. Chủ San chạy theo niu áo di Mây. Di đứng lại, thở hổn hển: “Thôi! Thôi! Lỡ rồi! Đàng nào cũng chỉ một người đàn bà khổ. Anh về đi!”. Chủ San ngập ngừng định nói điều gì. Di Mây ngăn lại: “Anh đừng lo cho tôi.”. Di thở dài đánh thượt: “Sự thế đã thế, cố mà sống với nhau cho vuông tròn.”. Cô Thanh đứng bên kia hàng rào bụi meo meo nói với sang: “Chị ơi! Chúng em ơn chị.”.

Nhận xét về thái độ và quyết định của nhân vật di Mây.

Đêm dài quá.

Chuột trên mái nhà đuổi nhau kêu chí choé. Có tiếng ken két như thân tre vụn mình sát vào nhau. Lại có tiếng cọt kẹt như tiếng dất giường kêu vọng trong đêm sâu vắng. Thở dài. Chốc chốc lại thở dài, di Mây dựa lưng vào vách, một chân lạnh còn lại bó gối. Di ngồi rất lâu trước ngọn đèn dầu tù mù. [...] Di ngồi như tượng. Lửa cháy xanh, leo lét, chập chờn in hình di lên vách bếp.

② Sáng.

Tin di Mây về loang đi khắp xóm Trại. Di Mây ngượng ngùng tiếp khách. Người đưa đầy, an ủi, kể cảm thông, xót xa. Nửa buổi, văn khách, di Mây lại khoác ba lô ra lều cỏ.

Chú ý thái độ của các nhân vật.

Di ngồi trên bờ đê cao, ngẩn ngơ nhìn hoa gạo đỏ rắc đầy bên sông Châu. Mai se sẽ ngồi bên: “Di ơi! Di về được nhà là mừng lắm. Người còn là quý nhất, di ơi.”. Di Mây mơ màng như không nghe Mai nói. Di khe khẽ, thì thầm: “Ngày xưa, di và chú San thường ngồi ở bên sông này...”. Lặng đi một lát, lại nói tiếp trong hơi thở: “Di chèo đò đưa chú đi học cũng vào mùa hoa gạo...”. Di thờ dài, nuối tiếc. Đôi mắt nhìn xa xăm. [...]

Chiều chiều.

Mẹ hái lá bưởi mang ra bên sông Châu. Mẹ và di gội đầu cho nhau. Tóc di Mây rụng nhiều, xơ và thưa. Ngày chưa đi bộ đội, di thường sai Mai lấy ghế đầu cho di đứng lên chải tóc. Tóc di đen óng mượt. Những lúc gội đầu xong, di nắm sát chân tóc quay mù mịt. Bao nhiêu hạt nước li ti bắn ra rơi cả vào mặt Mai. Chú San nấp bên hàng râm bụt, vạch lá nhìn trộm cũng giật mình. Mùa hoa loa kèn, di Mây rủ Mai ra triền sông chơi. Hai di cháu đuổi nhau. Chạy ngược chiều gió thổi, tóc di xo tung bay bồng bênh, bồng bênh như mây. Mai thầm ước khi thành thiếu nữ có mái tóc mây dài đẹp như di. Mẹ và di Mây nặng tình quá. Hai chị em rừ rừ rừ rừ chuyện trò. Mai chẳng rõ, chỉ thấy chốc chốc mẹ thờ dài. Lúc về, mẹ dặn: “Mai. Chịu khó học hành rồi đỡ dần ông cho di vui. Đừng có nhảy cẫng đi chơi, bỏ di ngồi một mình.”. Mẹ lại bảo: “Di ra đây là phải. Ở nhà nhìn sang bên kia hàng râm bụt thấy người ta như đôi chim cu, đến tôi cũng nấu ruột.”. Mai lơ mơ hiểu được câu: “Chị em gái như trái cau non.”.

Chi tiết về mái tóc di Mây trước đây và bây giờ có ý nghĩa gì?

Từ ngày ra bên sông Châu, di Mây buồn lắm, cứ tha thần đi ra đi vào, lúc tư lự ngồi ngắm trời nhìn nước, lúc lụi cùi nấu cơm. Vắng Mai, chỉ còn ông và di, hai bố con chời chọi, ăn được bữa cơm đến khốn khổ. Ông thương di, cố nhai, cố nuốt, mắt ngân ngân nước. Di cũng nẫu lòng, có hôm bỏ bữa. Ban ngày đi lại còn khuây khoả. Ban đêm, nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc bên trạm xá xã vọng sang, di Mây lại giật mình thon thót.

Di Mây thỉnh thoảng cũng phụ với ông chèo đò. Di bỏ chân giả, chống nạng gỗ, khó nhọc leo lên sạp thuyền ngồi, hai tay cầm chèo quấy nước. Lũ bạn Mai đi học cấp ba trường huyện, chẳng bao giờ đi lấy tiền đò. Di nhờ mãi cũng ngại, bọn nó bảo: “Chúng cháu sức dài vai rộng, di giúp mãi, ngại quá!”. Di Mây cười: “Đáng là bao, cho chúng mày nợ đến nửa có lương rồi trả.”. Bọn nó nhao nhao: “Ừ trả đầu. Chúng cháu dón lại, di lấy chồng đi mừng luôn thể.”. Di Mây chợt thoáng buồn. Chúng nó kin đáo nhìn nhau, nói lảng sang chuyện khác. Thương di, mỗi lần qua chúng nó bỏ vào lều có khi thì hoa quả, lúc lại bánh trái. Có đưa còn ngắt cành hoa loa kèn to cắm ở đầu chõng tre di nằm nữa. Lũ bạn Mai như một đàn chim sẽ chợt ủa đến, thoát bay đi, làm cho bên sông Châu lúc ồn ào náo động, lúc lại im ắng, buồn tẻ.

Chú ý tâm trạng của nhân vật di Mây.



Về một thời gian, tóc di Mây mọc thêm, da dễ hồng hào trở lại. Đêm trăng sáng. Di Mây cuộn tóc cao trên gáy rủ Mai xuống bên sông tắm. Nước sông Châu chảy êm đềm mát rượi. Vai di Mây để trần. Trăng sáng lấp lánh trên ngực di căng đầy. Cổ di Mây trắng ngần, mắt di sáng lên, lung linh, huyền hoặc. Thảo nào mẹ thường nói: “Ngày xưa di đẹp nhất làng.”. Mẹ cũng bảo: “Có khối trai làng ra bên sông ngó trộm di mày tắm.”. Mai chột dạ ngược lên, chỉ thấy triền đê cao ngút. Bờ bên kia lấp lánh ánh lửa hàn. Họ đang sắp bắc cầu. Mai bơi lại gần: “Di ơi! Di còn trẻ lắm.”. “Nỡm ả. Di sắp thành bà cô rồi đây. Còn mày nữa. Tao cứ ngày một già đi, mày lại cứ phồng phao ra.”. Di Mây quấy mình, một chân còn lại quấy nước, hai tay sải mạnh, người lấp lánh trên sông đầy ánh bạc. Sóng nước lao xao.

③ Làng xây trạm xá mới. Bà y sĩ trưởng trạm không sống nổi với nghề, bỏ việc. Thiếu người, bàn ghế, giường tủ để trông. Biết di là quân y sĩ Trường Sơn, ông Chủ tịch xã nói khó với di ra giúp. Di Mây trở lại nghề. Khổ nhất là những đêm trời mưa, người ta gọi di Mây đến khám tại nhà. Đường quê khắp khênh sống trâu, di bước đầy bước hụt. Con đường từ bên sông đến trạm xá có vài trăm mét, di cặm cách⁽¹⁾ bước, lưng thấm đầm mồ hôi. Ông Chủ tịch xã bảo: “Tập xe đạp đi, tôi cho người sửa đường rải đá mịn.”. Di Mây bảo: “Trạm xá còn thiếu thuốc. Tôi cố, cũng như người tập thể dục.”. Mấy tháng rồi, lúc trời mưa, con đường đầy dấu chân tròn in vào đất phù sa.

Đêm mưa.

Vợ chú San vượt cạn thiếu tháng. Thai ngồi ngược lại trắng hoa quần cô. Thím Ba loay hoay đỡ mãi, cô Thanh không đẻ được. Cô cứ luôn mồm kêu: “Chị Ba ơi... Em chết mất... Em đau quá!...”. Cô Thanh đuối dần, không còn sức rặn, một hai phần sống,

(1) *Cặm cách*: gọi tả việc chăm chú, khó khăn bước đi kèm theo âm thanh của những vật cứng va chạm vào nhau.

tám chín phần chết. Đường lên huyện xa lắc. Đò ngang cách trở. Mưa gió dầm dề. Người ướt lướt thướt, chú San mặt cắt không còn một hạt máu. Di Mây khoác áo mưa đến. Chú San đang dở khóc dở cười. Thím Ba lại vương thẳng Cùn. Nó khóc ngằn ngặt, không rời thím nửa bước. Thím bực mình dết vào đít nó một cái: “Con vớ cái. Rõ khổ.” Thím Ba kéo di Mây ra ngoài hiên, rí tai: “Đưa lên huyện không kịp mà động dao kéo vào cũng không cứu nổi. Nhà nó, chồng lêu bêu chưa xin được việc. Ba cái đồng bạc đi nước ngoài về ăn hết rồi tiền đầu thuốc men. Vạ lây. Mây khôn.”. Như thế không nghe thím Ba nói, di Mây tiem thuốc tê, thuốc trợ sức, rạch rộng rồi bảo cô Thanh cố rặn. Cô Thanh nhìn di Mây bằng con mắt sợ hãi, cầu cứu. Di nhỏ nhẹ: “Em cố lên. Hãy nghĩ đến đứa con. Nào... Cố lên em... Cố lên...”. Cô Thanh mím môi, oằn mình dồn sức. Khiếp quá! Mai chạy ra ngoài đứng. Lúc sau, nghe loảng thoảng tiếng di Mây bảo thím Ba bằng lại rón cho đứa bé. Di Mây khâu xong vừa lúc trời rạng, mưa ngớt từ lúc nào. Mồ hôi di vã ra như tắm. Di Mây thở phào. Thím Ba bảo: “Mặt nó tím ngắt mà không khóc.”. Di Mây ghé miệng vào mũi nó mút mút rồi phát nhẹ vào đít nó một cái. Tiếng oe oe bật ra. Chú San ở ngoài nhảy cẫng lên: “Sống rồi! Con ơi!”. Ở trong, di Mây gục luôn xuống bàn đỡ đẻ, khóc tức tưởi. “Ô cái con này!”. Thím Ba ngạc nhiên. Di Mây càng khóc to hơn. Tiếng khóc của di hoà lẫn tiếng oe oe của đứa bé. Nghe xót xa, tủi hờn, xen lẫn niềm ao ước, chờ mong và vui buồn lẫn lộn. Chú San vào, bối rối. Thím Ba bảo: “Tôi hiểu ra rồi. Cứ để con Mây nó khóc. Xúm vào đưa vợ về phòng sau đẻ.”. Chú San lóng ngóng vịn vào xe đẩy. Khi chú San quay lại, di Mây không còn ở đó nữa. Dưới nền trời bàng bạc là muôn triệu hạt mưa bụi li ti, giăng giăng bay trắng dòng sông Châu. Bóng di Mây thấp thoáng trong bụi mưa, bước thấp, bước cao, ở phía cuối con đường về bến. [...]

Tình huống nào đã giúp nhân vật bộc lộ phẩm chất và tính cách?

Theo em, vì sao lúc này di Mây lại khóc?

④ Thằng Ba lại về.

Hoa gạo nở rắc đầy lối xuống sông. Ông độ này yếu, thỉnh thoảng ho khục khặc. Bờ bên kia ngồn ngang cọc xi măng, sắt thép. [...] Hôm Chỉ huy đến liên hệ cho bộ đội tập kết xây cầu, bố còn mặc cả: “Chú Quang này. Bến sông đầy bom bị chưa nổ. Lúc rã bom tôi cho dân quân gác, đơn vị chú phải nuôi cơm.”. Thấy ảnh di Mây đội mũ tai bèo treo trên tường, chú Quang giật mình, nhìn trân trân như bắt gặp người thân. Bố bảo: “Em gái nhà tôi đây. Người ta báo từ từ dạo chưa giải phóng.”. Chú Quang lặng người. Hai mắt chớp chớp. Như người mất hồn, chú ngăn ngực về...

Lính công binh làm cầu rã bom suốt ngày ngập lặn ở bến sông Châu. Người nào cũng đen ngòm, khoẻ như vâm, nhưng trông hiền khô. Lũ bạn Mai đi học qua suốt ngày trêu chọc... Ngồi trước trang sách, đầu óc Mai cứ để ở đâu đâu. Khổ thế! Người nôn nao, bứt rứt không yên. Mẹ hốt hoảng chạy về nhà, la lối: “Ồi em ơi là em ơi ời... Em sống khôn thác thiêng...”. Lo quá, Mai cứ nghĩ di Mây... Bố quát: “Cái gì? Nói đi nào.

Cứ ông ổng khóc.”. “Thím Ba... Minh ra mà coi... người ta bảo thím đun te vương bom bi.”. Hoảng quá, Mai chạy theo bố ra bên sông. Chân cứ diu lại, trống ngực đánh thình thịch, tức thở. Người ta bọc vòng trong vòng ngoài. Bố đến, mọi người giãn ra. Di Mây ngồi cạnh thím Ba, im phắc. Tóc di xoắn ra, mắt ráo hoảnh, vô hồn như nhìn về cõi xa xăm. Thím Ba đã tắt thở. [...] Dưới sông te lưới nổi lập lờ, lập lờ.

Số phận của nhân vật thím Ba, thằng Cún gợi suy nghĩ gì về hậu quả chiến tranh?

Đám ma thím Ba về, bố sọp hấn người. Ban đêm, thơ thần trong vườn lại ra cầu ao ngồi. Sáng, bố bảo di Mây: “Tôi biết lúc sắp tắt thở, mẹ thằng Cún trắng trời để đi nuôi cháu. Tôi nghĩ chẳng biết có phải không. Di cho nó về ở với tôi...”. Di Mây gạt đi: “Cứ để tôi nuôi cháu, sau sẽ liệu.”. Bố bảo: “Tôi ơn di.”.

Cuối thu, trời hơi se lạnh.

Giữa nền trời mờ đục, sếu từng đàn giăng giăng hình chữ V bay mãi miết về phương Nam tránh rét. Trong làng thêm nhiều người đan áo. Ông mặc ấm mỗi lần xuống bến. Linh công binh bắc thêm một nhịp cầu. Họ kháo nhau thủ trưởng tán di Mây không đổ. Ở bờ bên này họ bảo: “Di Mây chắn cửa hầm che chở cho thương binh. Bom nổ người lính công binh sốt rét tóc rụng đầu vẫn lạnh lặn, còn cô y sĩ Trường Sơn bị mảnh đạn phạt một chân.”. Bên kia bờ sông họ bảo: “Chú Quang sốt rét vẫn còn hành hạ, lấy vợ chắc gì đã có con.”. Linh đúc móng giữa dòng lại nói: “Chú Quang đi suốt dọc sông Châu tìm cô y sĩ Trường Sơn đã cứu mình thoát nạn.”. Dân xóm Trại thì đồn: di Mây sắp lấy chồng. Còn bên bên sông Châu là ngôi nhà tình nghĩa dựng ngay trên nền căn lều cũ, di Mây thở dài: “Ngày ấy, ở Trường Sơn có hẹn ước gì đâu. Bây giờ người ta đã là kĩ sư. Còn mình... liệu có nên không?”. Rồi di lại vỗ về ầu ơ ru thằng Cún ngủ.

Đoạn này cho biết những thông tin gì quan trọng?

Chuyện tình của thủ trưởng, chẳng biết có thật không, lính tráng truyền nhau dẹt nền như huyền thoại. Nhưng có một sự thật chẳng hề nói quá: Đêm nào vắng tiếng ru vọng ra từ căn nhà mới xây bên bến sông Châu là những người lính công binh thao thức hoài, khó ngủ...

Đêm sông Châu.

Đất trời như giao hoà một màu bàng bạc. Muôn triệu vì sao chi chít, nhấp nháy, rắc đầy xuống bến sông. Làng quê lam lũ, mệt mỏi chìm vào giấc ngủ. Mùi hương cô mật lẩn vào mùi hương nồng nàn của đất phù sa dậy lên. Sông Châu thao thức. Sóng vỗ về, rì rầm bài ca ngàn xưa của đất trời. Văng vẳng trong đêm tiếng di Mây ru thằng Cún ngủ. Giọng ầu ơ từ bến sông Châu lan xa, vang vọng. Linh công binh bắc cầu

chợt dừng tay hàn, lắng nghe. Tiếng ru lúc đầu trầm lắng, nghèn nghẹn, xót xa, sau êm ái, trong sáng, mênh mang, ngân nga sâu lắng tận sâu thẳm con tim những người lính. Tiếng ru lẫn vào hơi thở sông nước trong đêm, hoà vào hương thơm của cây cỏ, đất trời.

Chú ý sự thay đổi trong tiếng ru của di Mây.

Tháng 6 – 1997

(*Người ở bến sông Châu*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2016)

?

1. Xác định sự kiện chính của mỗi phần trong văn bản *Người ở bến sông Châu*. Theo em, cách xây dựng cốt truyện của tác giả có gì đặc sắc?
2. Ai là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn này? Hãy vẽ sơ đồ về mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm này với các nhân vật khác trong truyện.
3. Phân tích, làm sáng tỏ tính cách và phẩm chất của nhân vật di Mây trong truyện qua các tình huống và sự kiện tiêu biểu. Nêu nhận xét về cuộc đời và tính cách của nhân vật di Mây.
4. Phân tích và nhận xét về bút pháp miêu tả (tả cảnh và diễn biến tâm lí các nhân vật) của tác giả trong truyện ngắn *Người ở bến sông Châu*.
5. Câu chuyện diễn ra trong những không gian và thời gian nào? Tìm hiểu ý nghĩa của những hình ảnh dòng sông, con đò, cây cầu xuất hiện trong truyện.
6. Nhận xét về điểm nhìn và người kể chuyện trong văn bản.
7. Theo em, vấn đề đặt ra trong truyện ngắn này là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay? Hãy ghi lại bằng một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng).

Thực hành đọc hiểu



HỒI TRÔNG CỔ THÀNH

(Trích *Tam quốc diễn nghĩa*)

LA QUÁN TRUNG^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Hồi trông Cổ Thành*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả La Quán Trung, tác phẩm *Tam quốc diễn nghĩa*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

(*) Tác giả La Quán Trung (khoảng 1330 – 1400), quê ở Sơn Tây (Trung Quốc).

Tam quốc diễn nghĩa là bộ tiểu thuyết diễn nghĩa lịch sử dài 120 hồi. Tác phẩm chủ yếu kể lại quá trình hình thành, phát triển và diệt vong của ba tập đoàn phong kiến Tào Ngụy, Lưu Thục và Tôn Ngô trong gần 100 năm (184 – 280) của nước Trung Hoa thời cổ.

Ở phần đầu bộ tiểu thuyết, ba nhân vật Lưu Bị, Quan Vân Trường (Quan Công) và Trương Phi, những người lập nên nhà Lưu Thục sau này, gặp nhau, kết nghĩa anh em ở vườn đào, thề cùng nhau sống chết để khôi phục nhà Hán. Ở thời kì đầu loạn lạc, ba anh em gặp rất nhiều khó khăn, mỗi người một ngả. Lưu Bị phải theo Viên Thiệu, Quan Công bắt buộc đi theo Tào Tháo, còn Trương Phi lưu lạc ở Cổ Thành. Đoạn trích sau đây kể chuyện Quan Công sau khi biết Lưu Bị đang ở bên phía Viên Thiệu đã đem hai chị dâu chạy khỏi doanh trại của Tào Tháo, trên đường đi biết tin Trương Phi đã lấy được Cổ Thành nên tìm về đoàn tụ.

2 Đọc hiểu

① Châu Thương theo Quan Công sang Nhữ Nam. Đi được vài ngày, trông xa xa trên đỉnh núi, có một toà thành, Quan Công hỏi thổ dân⁽¹⁾ là thành nào? Thổ dân nói:

– Đây gọi là Cổ Thành. Mấy tháng trước có một tướng, tên gọi Trương Phi, dẫn vài mươi quân kị đến, đuổi quan huyện đi, chiếm lấy thành trì, mộ quân tậu ngựa, chứa cỏ tích lương, nay có đến năm ba nghìn quân mã. Xung quanh đây không ai dám chống lại.

Quan Công nghe nói, mừng rỡ vô cùng:

– Em ta từ khi ở Từ Châu thất tán⁽²⁾, lâu nay vẫn không biết ở đâu, ai ngờ lại hoá ra ở đây!

Liền sai ngay Tôn Càn vào thành báo tin, bảo Trương Phi ra đón hai chị.

② Trương Phi từ khi trốn vào núi Mang Đẳng, ở hơn một tháng. Một bữa ra ngoài nghe ngóng tin tức Huyền Đức, chợt đi qua Cổ Thành, vào huyện vay lương thực. Quan huyện không cho vay, Phi nổi giận đuổi ngay quan huyện đi, cướp lấy ấn thụ⁽³⁾, chiếm lấy thành trì, tạm lấy chốn nương thân.

③ Hôm ấy, Tôn Càn theo lệnh Quan Công, vào thành ra mắt Trương Phi, thi lễ xong, nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam, Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.

Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác mâu⁽⁴⁾ lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.

Thái độ của Trương Phi và Quan Công như thế nào?

Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tể ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe, râu vênh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.

(1) *Thổ dân*: người dân sinh sống từ lâu đời ở một địa phương nào đó.

(2) *Thất tán*: tan tác, lưu lạc mỗi người một nơi.

(3) *Ấn thụ*: (ấn: con dấu của vua hoặc quan; thụ: đây tơ buộc ấn) chỉ con dấu của quan huyện.

(4) *Mâu (xà mâu)*: tên một loại vũ khí thời cổ, là thứ giáo cán dài, lưỡi xoắn dài.

Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:

– Hiền đệ cơ sao như thế, há quên nghĩa vườn đào⁽¹⁾ ru?

Trương Phi hăm hăm quát:

– Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?

Quan Công nói:

– Ta làm sao mà bội nghĩa?

Trương Phi nói:

– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo, được phong hầu phong tước⁽²⁾, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày.

Quan Công nói:

– Chuyện này em không biết, ta cũng khó nói. May có hai chị ở đây, em đến mà hỏi.

Hai phu nhân nghe thấy thế, vội vàng vén màn xe, gọi:

– Chú Ba⁽³⁾ sao lại thế?

Phi nói:

– Xin hai chị hãy thông thả, để tôi giết thẳng phụ nghĩa này đã, rồi sẽ mời hai chị vào thành.

Cam phu nhân nói:

– Khoan đã chú Ba, khoan đã! Chớ hấp tấp mà làm càn bây giờ. Chú Hai⁽⁴⁾ không biết tin tức mọi người ở đâu, nên phải tạm nương mình bên Tào. Nay đã biết anh nhà ở Nhữ Nam, không ngại hiểm trở, đưa lũ ta đến đây. Chú không được nghĩ lầm như thế.

Mỹ phu nhân cũng nói:

– Chú Hai trước ở Hứa Đô, thực là bất đắc dĩ.

Phi nói:

– Hai chị bị nó lừa dối đấy. Trung thần thì chịu chết không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ!

Quan Công nói:

– Hiền đệ đừng nói vậy, oan uổng anh quá!

Tôn Càn nói:

Vì sao Quan Công nhắc đến “nghĩa vườn đào”?

Vì sao cách xưng hô giữa Trương Phi và Quan Công đối lập nhau?

(1) Nghĩa vườn đào: chỉ lời thề kết nghĩa của Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi ở vườn đào.

(2) Phong hầu phong tước: phong tặng chức tước thời phong kiến. Ở đây chỉ việc Quan Công được Tào Tháo với danh nghĩa nhà Hán phong cho tước hầu và nhiều bổng lộc khác.

(3), (4) Chú Ba, chú Hai: lúc kết nghĩa vườn đào, Lưu Bị được tôn làm anh cả, Quan Công xếp thứ hai, Trương Phi xếp thứ ba.

– Vân Trường đến đây là cốt để tìm tướng quân.

Trương Phi mắng:

– Máy cũng nói lão, nó đâu có bụng tốt, nó lại đây là để bắt ta đó!

Quan Công nói:

– Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân mã chứ!

Trương Phi trở tay đằng xa, nói:

– Không phải quân mã là gì kia?

Quan Công ngoảnh đầu lại, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, một toán quân mã kéo đến, cờ hiệu pháp phới chính là cờ Tào. Trương Phi nổi giận, nói:

Em có bất ngờ với tình huống này không? Vì sao?

– Bây giờ còn chồi nữa thôi?

Rồi múa bát xà mâu hăm hờ lại đâm Quan Công. Quan Công vừa đỡ vừa can:

– Hiền đệ hãy khoan, xem ta chém tên tướng ấy, để tỏ lòng thực của ta.

Trương Phi nói:

– Nếu mày quả có lòng thực, ta đánh ba hồi trống, mày phải chém được tên tướng ấy.

④ Quan Công nhận lời. Một lát, quân Tào kéo đến. Sái Dương đi đầu, vác đao té ngựa chạy lại, quát to:

– Mày giết cháu tao là Tần Kỳ, lại trốn đến đây, tao phụng mệnh thừa tướng⁽¹⁾ đến bắt mày.

Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại. Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn xuống đất.

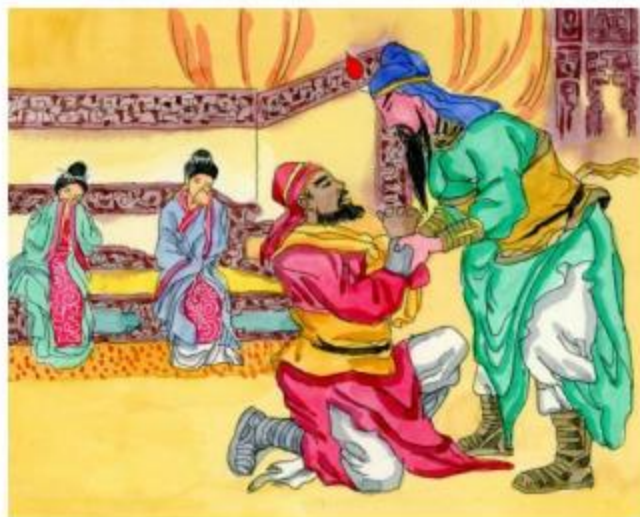
Khí phách và tài nghệ của Quan Công được thể hiện ra sao?

Quân Tào chạy tan tác. Quan Công bắt một tên lính cầm cờ hiệu, hỏi chuyện đầu đuôi. Tên lính thưa:

– Sái Dương nghe tin tướng quân giết mất cháu ngoại là Tần Kỳ, nổi giận dùng dùng, muốn sang Hà Bắc đánh nhau với tướng quân. Thừa tướng không cho đi, nên sai Sái Dương sang Nhữ Nam đánh Lưu Tích, không ngờ đi đến đây lại gặp tướng quân.

Quan Công sai tên lính kể chuyện ấy cho Trương Phi nghe. Phi hỏi kĩ việc ở Hứa Đô, tên lính kể hết nông nổi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực... Phi mời hai chị vào thành.

(1) Thừa tướng: quan đứng đầu các quan trong triều, ở đây chỉ Tào Tháo.



Vào đến nhà, hai bà mới kể lại những việc Quan Công đã trải qua. Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.

(*Tam quốc diễn nghĩa*, tập một,

PHAN KÊ BÌNH dịch, BÙI KỶ hiệu đính, NXB Văn học, Hà Nội, 2020)



1. Nêu các sự kiện chính của văn bản *Hồi trống Cổ Thành*. Lí do gì dẫn đến sự hiểu lầm của Trương Phi đối với Quan Công?
2. Người kể chuyện đã khắc hoạ tính cách của Trương Phi và Quan Công thông qua những chi tiết, sự việc, tình huống nào?
3. Phân tích và đánh giá ý nghĩa của câu chuyện được kể trong văn bản *Hồi trống Cổ Thành*.
4. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) so sánh tính cách của hai nhân vật Trương Phi và Quan Công được thể hiện qua đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành*.
5. Với em, bài học gì sâu sắc nhất sau khi học văn bản *Hồi trống Cổ Thành*?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm và so sánh bộ phận chêm xen trong mỗi cặp câu trích trong truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh* của Vũ Cao Phan dưới đây. Chúng có tác dụng gì, giống nhau và khác nhau như thế nào?

a1) Tôi nói với ma xơ⁽¹⁾ Giám đốc Cô nhi viện⁽²⁾, người đàn bà bận đồ đen, rằng do nhiệm vụ quân sự, chúng tôi sẽ ở lại đây.

a2) Tôi để Vinh, một tiểu đội trưởng trinh sát già dặn, ở lại đài quan sát rồi cùng các chiến sĩ bước theo ma xơ.

b1) Lúc đó, buổi sáng của một ngày trước Ba mươi tháng Tư, năm người lính đứng bên chiếc cổng sắt xiêu vẹo, phía trong nhô cao một tháp xi măng lênh khênh.

b2) Vào phiên liên lạc sớm với trung đoàn, tôi được nhắc tăng cường cảnh giác và được biết thêm rằng ngày hôm nay – rất có thể là ngày hôm nay – các binh đoàn bộ binh sẽ tiến vào nội đô.

2. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp chêm xen trong những ngữ liệu sau:

a) Trước hết, người Hà Nội, kết quả của tinh hoa bốn phương tụ hội, đua trí, đua tài học hỏi người ngoài và nâng cao nên trở thành những người Việt Nam lao động giỏi, làm thợ giỏi, làm thầy cũng giỏi. (Trần Quốc Vượng)

b) Chèo buông, đò ngang trôi theo dòng xuôi về phía hạ nguồn. Ông và dì, một già một trẻ, một lành lặn, một thương tật tựa đỡ vào nhau. Bóng dì và ông in trên mặt sông lẫn trong bóng chiều cháy đỏ. (Sương Nguyệt Minh)

c) Từ giờ phút này, nhà nguyện bị phong tỏa, xin ma xơ thu xếp để tất cả mọi người, nhất là trẻ em, chuyển hết về đằng kia. – Tôi tuyên bố. (Vũ Cao Phan)

d) Các chiến sĩ trinh sát của tôi khá dầy. Tôi cũng đã thấy đôi điều ngờ ngợ và giờ đây thì rất nhanh, như một phản ứng nghề nghiệp, tất cả các dữ kiện được xâu lại để bật lên thông tin chủ yếu này: ma xơ Giám đốc đã giấu ai đó – những ai đó – trong nhà nguyện kia vào lúc chúng tôi vừa hành quân đến đây. Ai? (Vũ Cao Phan)

3. Biện pháp chêm xen trong những câu dưới đây có tác dụng thể hiện nội tâm của nhân vật như thế nào?

- a) Cô gái như chìm hoa lặng lẽ
Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu
(Anh vô tình anh chẳng biết điều
Tôi đã đến với anh rồi đây...).

(Phan Thị Thanh Nhàn)

b) Chỉ Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau. (Nam Cao)

4. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) có sử dụng biện pháp chêm xen, sau đó, nhận xét về tác dụng tu từ của chúng.

(1) Ma xơ (tiếng Pháp: *ma sœur*): tương tự như từ *xơ* (chỉ người phụ nữ tu hành trong nhà thờ Thiên Chúa giáo, thường làm những việc thiện nguyện), nhưng được dùng với nghĩa tôn quý hơn.

(2) Cô nhi viện: nơi thu nhận, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi.

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

1) Định hướng

a) Phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện là nêu lên và làm sáng tỏ giá trị (cái hay, cái đẹp) về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

Phân tích là chia tách, đi sâu tìm hiểu và làm rõ giá trị của từng phương diện cụ thể về nội dung và hình thức của tác phẩm truyện.

Đánh giá là nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, bình luận của người viết về vấn đề đã được phân tích.

Phân tích và đánh giá là những thao tác thường kết hợp với nhau trong các bài nghị luận văn học. Ví dụ, đoạn trích sau đây người viết tập trung phân tích và đánh giá tình hoàn chỉnh về cốt truyện của văn bản *Hồi trống Cổ Thành*:

Hồi trống Cổ Thành chỉ là một đoạn trích ngắn song vẫn có thể xem là một câu chuyện trong tác phẩm tự sự có cốt truyện hoàn chỉnh, tức diễn ra qua các bước thường thấy: *trình bày* (giới thiệu nhân vật, sự việc, hoàn cảnh), *khai đoan* (hoặc *mở mối*: sự việc bắt đầu), *phát triển* (các biến cố tiếp diễn), *thắt nút* (hoặc *đỉnh điểm*, *cao trào*), *mở nút* (thường đồng thời cũng là kết thúc).

Phần đầu đoạn trích trình bày những việc diễn ra trước khi Trương Phi, nhân vật trung tâm của đoạn trích xuất hiện. Quan Công, sau khi thoát khỏi tay Tào Tháo, nghe lời Tôn Càn, đưa hai vợ của Lưu Bị là Cam phu nhân và My phu nhân đi về Nhữ Nam gặp Lưu Bị. Trên đường về Nhữ Nam, được biết Trương Phi sau khi thua trận đã chiếm được Cổ Thành làm căn cứ, Quan Công rất mừng, "liền sai Tôn Càn vào thành báo tin bảo Trương Phi ra đón". Tôn Càn vừa nói xong, Trương Phi đã ùng ùng thịnh nộ, "chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc", "mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công". Còn Quan Công, thấy Trương Phi, lại "vô cùng mừng rỡ, giao long đao

Tác giả nêu nhận xét về vấn đề gì trong đoạn mở đầu?

Tác giả phân tích, làm rõ nhận xét nêu ở đoạn mở đầu bằng cách nào?

cho Châu Thương cảm, tế ngựa lại đón". Tình hình diễn ra quá bất ngờ, sự việc chính đã bắt đầu, mâu thuẫn đã bùng nổ mà một bên liên quan vẫn chưa hề rõ đầu đuôi câu chuyện. Quá trình phát triển của các biến cố dần phơi bày nguyên nhân sự việc và đẩy mâu thuẫn tới cao trào. Quan Công nhắc lại việc kết nghĩa vườn đào, tưởng để uốn nắn thái độ quá khích của Trương Phi, không ngờ lại như "đổ dầu vào lửa", càng làm cho Trương Phi thêm phần nộ. Theo Trương Phi, Quan Công ở với Tào một thời gian, nhận tước hàm Tào phong cho là đã phản bội: đã phản bội còn rêu rao "nghĩa vườn đào", lại càng đáng căm thù và phỉ nhổ. Biết lâm vào tình thế "khó nói", Quan Công đã kiên trì, bình tĩnh, lần lượt nhờ Cam phu nhân, My phu nhân rồi Tôn Càn minh oan song thấy đều vô hiệu. Với Trương Phi, về chuyện trung thành hay phản bội, một vấn đề cực kì trọng đại, đâu có "trăm nghe" cũng không thể coi là chứng cứ, cũng không thể bằng "một thấy". Trương Phi không chỉ nghĩ rằng Quan Công đã phản bội mà còn nghi ngờ lần này đến là để lừa bắt mình. Để tự mình oan, Quan Công chỉ còn cách đưa ra một "chứng cứ" mà chính Quan Công cũng tưởng là đủ hùng hồn để thuyết phục Trương Phi: "Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân chứ!". Cũng không ngờ, đúng thời điểm ấy, bụi bay mù mịt, một toán quân mã mang cờ hiệu của Tào kéo đến. Việc rõ ràng mười mươi như tát vào mặt Quan Công, như xác nhận hoàn toàn sự phản bội của Quan Công, đã đưa mâu thuẫn đến cao trào. Trương Phi "múa bát xà mâu hăm hờ trở lại đâm Quan Công". Lại cũng không ngờ, chính việc quân Tào kéo đến đó là cơ hội duy nhất để Quan Công có thể dùng hành động tự minh oan, để Trương Phi "thấy" trực tiếp sự trung thành của Quan Công, để cái nút đã thắt quá chặt được tháo gỡ. Điều lí thú là việc mở nút, qua ngòi bút tài hoa của tác giả, đã diễn ra một cách không chút dễ dàng và việc kết thúc câu chuyện cũng không diễn ra một cách chóng vánh. Sái Dương tuy vốn không phải là đối thủ của Quan Công nhưng cũng không phải là tay vừa. [...] Điều kiện của Trương Phi đặt ra lại vô cùng khắc nghiệt: Quan Công không chỉ phải chém Sái Dương mà còn phải chém được trong thời gian ngắn nhất, với thời lượng chỉ được tính bằng ba hồi trống trận! Thế nhưng, "chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất". Tưởng thế là mọi việc đã rõ và câu chuyện đi nhanh đến kết thúc, song thực tế vẫn thường phức tạp hơn ta nghĩ. Sau khi nghe một tên lính Tào kể chuyện đầu đuôi nhằm giải thích lí do Sái Dương đến Cổ

Phân biệt lí lẽ phân tích của tác giả và các bằng chứng lấy từ văn bản truyện.

Thành, Trương Phi còn “hỏi kĩ việc ở Hứa Đô” và chỉ sau khi “tên lính kể hết nông nổi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực”. Đến thế rồi, tác giả vẫn chưa để cho Trương Phi vội biểu lộ rõ thái độ. Từ xa, lại có mấy chục quân kỵ mã kéo tới. “Phi lấy làm hồ nghi”, ra xem thì hoá ra quân My Chúc, My Phương, người nhà của My phu nhân! Có người mới đến, hai phu nhân lại có dịp “kể lại những chuyện Quan Công đã trải qua”. “Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.”.

Chỉ đến lúc ấy, màn kịch nhỏ mới thực sự kết thúc, kết thúc một cách viên mãn và hợp lí. [...]

Câu chuyện diễn ra qua hàng loạt biến cố bất ngờ đầy kịch tính. Bất ngờ mà lại là tất yếu, hợp lô gích. Có thể chứng minh không khó khăn tính tất yếu của một biến cố dường như bất ngờ trong đoạn trích. Có lẽ bất ngờ nhất là sự xuất hiện đột ngột của Sái Dương. Như trên đã nói, trong các tướng Tào, chỉ có một mình Sái Dương là không phục Quan Công... Trong cuộc tranh hùng triển miên, con người hiếu thắng và tự phụ ấy ắt sẽ tìm cơ hội để độ tài với Quan Công. Biết Quan Công chém Tần Kỳ, tướng Hạ Hầu Đôn của Tào đã tiên đoán là thế nào Sái Dương cũng tìm cách báo thù. Quan Công trả ơn Tào Tháo dù biết đó là người của đối phương. Sái Dương báo oán Quan Công dù Tào mấy lần ngăn cản. Cả hai điều đó đều tất yếu vì đều là sản phẩm của quan niệm ân oán cá nhân trong xã hội phong kiến. Trước sau mâu thuẫn giữa Sái Dương và Quan Công cũng phải bùng nổ và sự bùng nổ ấy mang đến hai lần tính tất yếu! [...] Qua những va chạm, xung đột, tính cách hai nhân vật chính đã được thể hiện một cách sinh động, rõ nét.

(Theo Nguyễn Khắc Phi, *Nguyễn Khắc Phi tuyển tập*, NXB Giáo dục, 2006)

Tính chất hoàn chỉnh về cốt truyện của đoạn trích nêu ở mở đầu đã được làm rõ chưa?

Nhận biết một số câu văn thể hiện rõ nhận xét của người viết.

Tác phẩm truyện thường được cấu tạo từ nhiều phương diện, nhiều yếu tố. Bài viết có thể phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm, nhưng cũng có thể chỉ tập trung làm rõ một yếu tố nội dung hoặc hình thức nào đó của truyện, chẳng hạn:

- Phân tích, đánh giá nhân vật Quan Huy trong đoạn trích *Kiều binh nổi loạn* (trích tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái).
- Phân tích, đánh giá các nhân vật Trương Phi và Quan Công qua đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành* (trích tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung).
- Phân tích, đánh giá nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tác giả Sương Nguyệt Minh trong truyện *Người ở bên sông Châu*.

b) Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

- Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề văn đã nêu.
- Đọc lại văn bản truyện được nêu trong đề.
- Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá.
- Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

2 Thực hành

Bài tập^(*): *Phân tích và đánh giá nhân vật di Mây trong truyện “Người ở bến sông Châu” của Sương Nguyệt Minh.*

a) Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và nội dung đọc hiểu văn bản truyện *Người ở bến sông Châu*. Chú ý những chi tiết bộc lộ phẩm chất nhân vật di Mây: từ ngữ, hình ảnh, nhân vật (ngoại hình, lời nói, hành động,...), sự kiện, lời nhận xét từ người kể chuyện và các nhân vật khác trong truyện,...

– Đọc kĩ đề bài và chú ý các vấn đề đã nêu trong mục *Định hướng* ở trên để vận dụng vào phần thực hành này.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

Cuộc đời di Mây được tác giả khắc hoạ bằng các sự kiện nào? Di Mây có những tính cách, phẩm chất gì?

Tính cách và phẩm chất của di Mây được tập trung thể hiện như thế nào qua các chi tiết, sự kiện sau ngày trở về quê hương?

Chỉ ra những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật di Mây (tạo tình huống, miêu tả hành động, tâm trạng,...)?

Qua nhân vật di Mây, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Thông điệp đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay? Vì sao?

– Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm theo một bố cục mạch lạc, gồm ba phần:

Mở bài

Giới thiệu khái quát về nhân vật và vấn đề sẽ phân tích.

Thân bài

Nêu bối cảnh lịch sử – xã hội của truyện *Người ở bến sông Châu*.

+ Tóm tắt về cuộc đời di Mây: Hoàn cảnh gia đình, tình yêu của di Mây với chú San trước chiến tranh; cuộc sống chiến đấu của di Mây ở chiến trường, cuộc sống của di Mây ngày trở về quê hương,...

(*) Trong mục 2. *Thực hành* của các phần *Viết*, *Thuyết trình và thảo luận*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

- + Phân tích nhân vật di Mây thông qua các tình huống trở trêu, đau khổ; những lựa chọn khó khăn và lòng can đảm khi đối mặt với những thử thách của số phận.
- + Nêu nhận xét, đánh giá về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.
- + Nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật di Mây.

Kết bài

- + Nêu khái quát thành công của tác giả qua việc xây dựng nhân vật.
- + Từ nhân vật di Mây, liên hệ và nêu cảm nghĩ của em về thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm trong cuộc sống hôm nay.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để viết bài văn hoàn chỉnh.

– Cần chú ý: Bài viết đủ ba phần; các luận điểm trong phần thân bài cần làm rõ cho vấn đề nêu ở mở bài (phân tích, đánh giá về nhân vật di Mây); các ví dụ (bằng chứng) lấy từ truyện *Người ở bến sông Châu* phải phù hợp; lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết đối với nhân vật được phân tích,...

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu bài văn đã viết với dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo hướng dẫn sau:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể
Bố cục ba phần	– Mở bài: Đã giới thiệu được nhân vật và vấn đề cần phân tích chưa? – Thân bài: + Có phân tích được bối cảnh, các sự kiện chính trong cuộc đời nhân vật di Mây không? + Đã phân tích và nhận xét về tính cách, phẩm chất nhân vật di Mây như thế nào? + Có nêu được ý kiến nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả không? + Đã nêu được những suy nghĩ và cảm xúc của mình về nhân vật di Mây chưa? + Có chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai không? – Kết bài: Có khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu lên suy nghĩ của người viết không?
Các lỗi còn mắc	– Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,... – Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.
Đánh giá chung	– Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? – Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

1 Định hướng

a) Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện là nêu lên ý kiến phân tích và nhận xét của mình về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện. Cũng như viết, việc thuyết trình để giới thiệu và đánh giá về một tác phẩm truyện có thể tập trung vào một phương diện hoặc vấn đề nổi bật nào đó. Trong phần *Viết*, các em đã được hướng dẫn cách làm bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện. Với phần *Nói và nghe*, các em cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình, kết hợp với lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày lại nội dung đã viết trước người nghe.

b) Để giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện, các em cần:

– Đọc lại truyện; tìm hiểu, ghi nhớ các thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; tóm tắt truyện, nắm vững đặc sắc hình thức và nội dung của truyện.

– Xem lại dàn ý đã thực hiện ở phần *Viết*, suy nghĩ kĩ để bổ sung ý mới so với bài đã viết (nếu có), điều chỉnh dàn ý cho phù hợp với yêu cầu của việc thuyết trình.

2 Thực hành

Bài tập: Chọn một trong hai vấn đề sau để trình bày trước lớp:

(1) Giới thiệu, đánh giá nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật Trương Phi và Quan Công trong đoạn trích “Hồi trống Cổ Thành” (trích “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung).

(2) Giới thiệu, đánh giá về nhân vật di Mây trong truyện “Người ở bến sông Châu” của Sương Nguyệt Minh.

a) Chuẩn bị (chẳng hạn giới thiệu, đánh giá về nhân vật di Mây)

– Đọc lại văn bản truyện *Người ở bến sông Châu* và các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

– Đọc lại dàn ý và bài viết đã thực hành ở phần *Viết*.

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình (tranh ảnh, máy chiếu, ...).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*, bổ sung ý (nếu cần) và những chỗ cần lược bỏ, cần nhấn mạnh trong bài nói.

– Lập dàn ý: Xem lại dàn ý và nội dung đã làm ở phần *Viết*. Tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp với trình tự bài nói. Các em cần lưu ý:

+ Cần nhắc yêu cầu mới trong bài *Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện* để bổ sung ý mới, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung bài nói. Bố cục của bài này tương tự bố cục ba phần của bài viết.

+ Cũng có thể trình bày theo trật tự khác nhưng cần nêu được các nội dung chính mà đề bài đã yêu cầu.

c) Thực hành nói và nghe

– Người chủ trì: Nêu vấn đề, thống nhất cách thức trình bày, thảo luận (ví dụ: mục đích, nội dung chính, yêu cầu, ...), mời người nói trình bày ý kiến.

Người nói	Người nghe
– Giới thiệu bài nói theo dàn ý đã chuẩn bị. – Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; điều chỉnh giọng nói và ngôn ngữ cơ thể cử (chỉ, ánh mắt, điệu bộ...) cho phù hợp với bối cảnh và người nghe; sử dụng hình ảnh, sơ đồ minh họa (nếu cần thiết) đảm bảo thời gian quy định. – Đảm bảo sự phù hợp, thống nhất giữa nội dung với hình thức và các phương tiện hỗ trợ thuyết trình. Chú ý cách diễn đạt sao cho hấp dẫn người nghe và tạo vấn đề để thảo luận. – Đặt câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi người khác đặt ra về vấn đề vừa thuyết trình.	– Nghe một cách chăm chú; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. – Lĩnh hội đầy đủ và ghi chép lại những ý tưởng, thông tin chính của bài nói. – Chuẩn bị các vấn đề cần hỏi, các ý kiến phản biện, tranh luận về nội dung bài nói; ghi lại nhận xét, cảm nhận về bài nói ...

– Thảo luận: Sau khi người nói trình bày xong, người chủ trì mời người nghe phát biểu ý kiến hoặc nêu câu hỏi, tranh luận, ...

– Kết thúc thảo luận: Người chủ trì tổng hợp ý kiến của cả nhóm về vấn đề thảo luận: những điểm đã thống nhất và những điểm còn tranh luận (nếu có).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
– Rút kinh nghiệm về bài giới thiệu: + Đã trình bày đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong đề cương chưa? + Cách thức trình bày, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ,... có phù hợp không? + Hiệu quả sử dụng các phương tiện hỗ trợ như thế nào? – Đánh giá chung: những thành công và hạn chế của việc giới thiệu; hướng khắc phục, sửa chữa.	– Kiểm tra kết quả nghe: + Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? + Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức giới thiệu một tác phẩm truyện? – Rút kinh nghiệm về thái độ nghe: + Đã chú ý và tôn trọng người nói chưa? + Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ngày cuối cùng của chiến tranh

(Lược một đoạn: Năm chiến sĩ Giải phóng quân được giao nhiệm vụ tìm đài quan sát. Họ tìm được một Cô nhi viện vốn là một trường học. Các chiến sĩ đồng chốt ở đây và câu chuyện đã xảy ra.)

① Ngày hôm ấy, chúng tôi thay nhau trực trên đài quan sát với biết bao nôn nóng khi nghe tiếng pháo từ hướng đông, hướng tây và xa hơn nữa, hướng nam. Đôi lúc mơ hồ vọng đến cả tiếng súng nhỏ. Sẽ đến rất gần một ngày Sài Gòn; ngày mai, ngày kia, hay...?

Nhưng đã xảy ra một chuyện làm đảo lộn công việc của chúng tôi. Bắt đầu là binh nhất Ruân, con chiến xứ đạo gốc Hải Hậu, bắn khoả tìm đến vào lúc cuối chiều:

– Anh ạ, có chuyện này khó hiểu. Em hỏi ma xơ khi nào thì hành lễ, lúc đầu ma xơ làm bộ như không nghe, rồi sau đó bà hỏi: "Mấy ông Giải phóng cũng quan tâm chuyện đó sao? Chúng tôi làm lễ rồi, cảm ơn.". Em phải nói rằng em là con Chúa, bấy lâu ở rừng chỉ đến thăm với Chúa được thôi, nay có nhà nguyện thì sướng nhất rồi, em muốn đi lễ. Em nói thế, ma xơ nhìn em rất lạ rồi bỏ đi mà không nói gì thêm. Anh thấy không, chúng mình đến đây từ sớm, đã có buổi lễ nào đâu? Không có lễ sáng mà cũng chưa thấy lễ chiều. Em để ý kĩ lắm mà. Ma xơ nói thế thì lạ thật!

Tôi chưa kịp chia sẻ mối nghi hoặc thì tiểu đội trưởng Vinh xuất hiện:

– Báo cáo chủ nhiệm, không ổn đâu! – Vinh hạ giọng.

– Có địch!

Vinh cho biết anh đi kiểm rau dền, rau rệu quanh trường, vừa lúc qua phía sau nhà nguyện thì đột ngột cửa sổ hé mở rồi đóng vội lại ngay. Anh áp sát chân tường và nghe thấy bên trong có tiếng động.

– Anh xem. – Vinh chỉ – Đứng đây mình vẫn nhìn thấy ổ khoá trái đen đen kia. Rõ ràng là...

Ruân đưa thêm ý kiến:

– Có một lúc ma xơ đi ngang chỗ khoá cửa, em để ý thấy bà bước chậm, miệng lẩm bẩm điều gì đó và đôi mắt thì không yên ngó vào một chỗ.

Các chiến sĩ trinh sát của tôi khá đấy. Tôi cũng đã thấy đôi điều ngờ ngợ và giờ đây thì rất nhanh, như một phản ứng nghề nghiệp, tất cả các dữ kiện được xâu lại để bật lên thông tin chủ yếu này: ma xơ Giám đốc đã giấu ai đó – những ai đó – trong nhà nguyện kia vào lúc chúng tôi vừa hành quân đến đây. Ai?

② Vậy là cuối cùng, đã đến với chúng tôi một đêm bức bối và hồi hộp lạ thường. Pháo cứ rền lên từng đợt, chớp cứ rung bần bật phía đường chân trời và thân xác chúng tôi thì căng lên hết nổi. Chúng tôi lắng theo bước chân chiến thắng của đồng đội, chúng tôi lo làm nhiệm vụ được giao, và chúng tôi... Thôi, khỏi cần kể thêm. Khuya, mọi thứ có dịu đi nhưng tuyệt nhiên không một ai muốn chớp mắt.

Lúc đó quãng nửa đêm, trăng hạ tuần chưa qua khỏi ngọn cây. Tôi làm hiệu bí mật theo dõi khi đồng đội phát hiện một bóng đen. Bóng đen từ đầu bên kia dãy nhà men theo chân tường, lợi dụng sự che khuất của các bóng cây, chầm chậm di chuyển về hướng này. Cuối cùng thì bóng đen cũng đến được gốc cây cách nhà nguyện lối chừng mười bước. Mục đích có thể là đã rõ: tên này, hoặc làm nhiệm vụ đưa tin, hoặc tìm cách mở cửa cho đồng bọn. Nhưng điều tác hại là cả khoảng trước cửa nhà nguyện lại hết sức trống trải, và kẻ phiêu lưu kia đành hầu như án binh bất động nơi gốc cây. Tôi dự kiến bắt sống nhưng chưa kịp hành động thì ngay lúc đó đã đẩy tới một tình huống bất ngờ. Bóng đen bỗng tách khỏi gốc cây, nghe ngóng rồi nhảy lên bậc thềm chỗ cửa nhà nguyện và chắc là bước hụt, y ngã sấp với một tiếng "xoảng". Rất nhanh, bóng đen đứng vụt dậy, biến mất về hướng ngược lại. Tôi quyết định không đuổi theo.

③ Buổi sáng, các chiến sĩ thu được từ hiện trường một cặp lồng với cơm canh tung toé, mấy ổ bánh mì và một chiếc dép. Vậy là mục đích của cuộc phiêu lưu ban đêm đơn giản hơn điều chúng tôi tưởng. Tôi cho xếp gọn các thứ, để ngay ngắn trên thềm nhà nguyện.

Ngày làm việc đã trở lại mà không một ai trong Cô nhi viện đi qua hướng này, trong khi các ma xơ thì có vẻ lóng ngóng đứng ngồi chẳng yên. Cũng chẳng có lẽ sáng trong nhà nguyện nữa, đương nhiên. Và cũng không một ai trong chúng tôi nhìn thấy ma xơ Giám đốc đâu, bà như giấu mặt vậy. Tất cả giống một sự đồng lõa tự tổ cáo.

Vào phiên liên lạc sớm với trung đoàn, tôi được nhắc tăng cường cảnh giác và được biết thêm rằng ngày hôm nay – rất có thể là ngày hôm nay – các quân

đoàn bộ binh sẽ tiến vào nội đô. Trong báo cáo của mình, tôi cũng đề cập đến tình hình mặt đất nơi tác nghiệp và xin được toàn quyền hành động. Trung đoàn trưởng đồng ý: "Gắng hết sức bắt sống hay gọi hàng. Đừng phung phí cái chết, chiến tranh sắp qua rồi. Và lại ở đó đang có nhiều trẻ em, phải không?".

Tôi quyết định đi tìm ma xơ Giám đốc, phải nói chuyện với bà ta trước đã. Tất nhiên sẽ không có thuyết giảng về chính tà, về chỗ đứng, dù ở thời điểm này. Càng không cần "vòng vo Tam quốc". Tôi nghĩ là mình hiểu bà. Các ma xơ luôn hành động hướng thiện như bằng chứng đây về trại mồ côi. Tình huống mà chúng tôi gặp phải cũng vậy, hẳn vì bà muốn tránh đổ máu. Tôi sẽ nói với ma xơ rằng chúng tôi cũng muốn thế, do đó xin ma xơ vận động những kẻ đang ẩn náu trong nhà nguyện kia buông súng đầu hàng. Cách mạng sẽ khoan dung.

Nhưng tôi được trả lời là ma xơ Giám đốc đang ốm? Không thể chần chừ, tôi nói với một ma xơ khác có vẻ đúng tuổi:

– Xin ma xơ lấy chìa khoá mở căn nhà nguyện kia. Chúng tôi cần kiểm soát trong đó.

– Giê-su (Jesus)! – Bà thốt lên – Nhưng tôi không có chìa khoá. Thứ đó ma xơ Giám đốc giữ.

– Thì ma xơ trình lại với bà ấy yêu cầu của chúng tôi. Từ giờ phút này nhà nguyện bị phong toả, xin ma xơ thu xếp để tất cả mọi người, nhất là trẻ em, chuyển hết về đằng kia. – Tôi tuyên bố.

Ma xơ làm dấu thánh rồi tắt bật đi luôn. Nhưng hơn nửa tiếng trôi qua, không thấy bà quay lại. Tuy nhiên, các trẻ em đã được đưa ra khỏi khu vực phụ cận.

Phải hành động ngay. Tôi triệu tập bộ đội, chỉ để một chiến sĩ ở lại đài quan sát. Vinh tới, anh nói mà không biểu hiện một trạng thái nào rõ rệt trên nét mặt:

– Quân đội Sài Gòn đã đầu hàng. Anh nghe đây...

Vinh tăng chiết áp của chiếc đài bán dẫn Sô-ni (Sony) lúc nào cũng cặp kè bên sườn anh. Đập ngay vào tai tôi lệnh hạ vũ khí cho quân đội Sài Gòn của Tổng thống Dương Văn Minh⁽¹⁾. Tôi cảm nhận cả mình cũng không có cảm xúc rõ rệt nữa khi hướng về đồng đội:

– Chúng ta sẽ đánh trận cuối cùng của chiến tranh.

"Điều gì cũng có thể xảy ra", ý nghĩ đó lướt nhanh trong khi tôi phân công vị trí chiến đấu cho các chiến sĩ. Mọi sự chấp hành đều lập tức và tuyệt đối.

– Phá khoá gọi hàng! – Tôi ra lệnh.

– Kia Chủ nhiệm, ma xơ...

(1) *Tổng thống Dương Văn Minh*: Dương Văn Minh (1916 – 2001) giữ chức vụ Tổng thống chế độ Việt Nam Cộng hoà trong hai ngày cuối cùng của chiến tranh.

Tôi quay lại. Ma xơ Giám đốc bỗng như từ đâu đó hiện ra đi về phía chúng tôi, bước chân lầy bầy như khựng lại. Khi bà gắng giơ cao một chùm chìa khoá, hào hển⁽¹⁾ điều chi mà khi đến gần mới nghe rành:

– Xin đừng bắn vô trống, trung úy...

Mới chỉ qua một đêm, ma xơ đã gầy rộc hẳn đi. Bà cúi xuống, đôi tay gầy guộc run rẩy lần tìm chiếc chìa khoá nhà nguyện. Có lẽ bà đã đếm qua nó cả chục lần nhưng vẫn tìm, tìm hoài. Cuối cùng thì bà cũng giữ lấy một chiếc, nhìn lên:

– Trung úy để tôi.

Thoắt một cái, động tác của ma xơ bỗng trở nên nhanh hoạt lạ lùng. Bà như khẳng định lại tư thế Giám đốc. Khoá nầy, cửa mở, sau dấu Chúa tuần nạn⁽²⁾, bà kêu rành rọt:

– Má đây, ra đi các con...

Và bất đồ đổ ụp dưới chân tôi, bà nấc lên:

– Lạy Chúa, xin các ông đừng giết. Chúng đâu có tội, chúng không có tội...

Thôi rồi! Tôi chợt hiểu tất cả khi từ trong góc tối của nhà nguyện, thất thểu, sợ sệt và hốc hác vì đói, bước ra ba đứa trẻ lai: hai Mỹ đen, một Mỹ Trắng. “Trời! Lại có thể như thế sao, Chúa ơi.”

– Lấy sữa trong ba lô pha cho các cháu mau đi! – Tôi nói với đồng đội trong khi cúi xuống đỡ ma xơ dậy.

Và cũng chỉ nói được đến thế, tôi đã phải xoay người bước nhanh để lẩn trốn những giọt nước mắt của chính mình. “Lại có thể như thế được sao, lại có thể...”

VŨ CAO PHAN

(In trong *Giải nhất văn chương*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998)

Ghi vào vở phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Bối cảnh câu chuyện diễn ra ở đâu?

- A. Một Cô nhi viện ở Sài Gòn trong ngày cuối của chiến tranh
- B. Một nhà thờ, nơi các xơ của Cô nhi viện ở nhờ
- C. Một đài quan sát của các chiến sĩ ở gần Cô nhi viện
- D. Một trường học làm nơi ở của Cô nhi viện

(1) *Hào hển* (như *hồn hển*): nói, thở mạnh và mệt nhọc.

(2) *Dấu Chúa tuần nạn* (dấu Thánh giá): cử chỉ, nghi thức của người theo đạo Thiên Chúa để tuyên xưng đức tin, nhớ ơn hoặc tạ ơn Chúa.

2. Trong phần ①, chuyện gì làm đảo lộn công việc của các chiến sĩ?
- A. Các ma xơ ngăn cản không cho các chiến sĩ vào ở cùng trong ngôi trường
 - B. Binh nhất Ruân, con chiến xứ đạo gốc Hải Hậu đi tìm phòng cầu nguyện
 - C. Mỗi nghi ngờ Giám đốc Cô nhi viện đã giấu ai đó trong nhà nguyện
 - D. Tiểu đội trưởng Vinh đi kiểm rau dền, rau rệu quanh trường và gặp địch
3. Tình huống nào ở cuối truyện khiến ma xơ Giám đốc Cô nhi viện phải xuất hiện?
- A. Bọn trẻ trong nhà nguyện khóc khi các chiến sĩ giải phóng đập cửa
 - B. Nhà nguyện, nơi giấu các em bé có thể trúng bom đạn máy bay
 - C. Khi nghe được lệnh phá khoá, gọi hàng người trốn trong nhà nguyện
 - D. Khi nghe tin thành phố Sài Gòn đã được giải phóng
4. Lí do quan trọng nhất khiến các ma xơ giấu “ba đứa trẻ lai” trong nhà nguyện là gì?
- A. Bảo vệ những đứa trẻ Mỹ lai
 - B. Chăm sóc những trẻ em mồ côi
 - C. Lo sợ bị Quân Giải phóng trả thù
 - D. Tránh chiến tranh, bom đạn
5. Chi tiết nào trong phần kết thúc đã giải toả những lo lắng, nghi ngờ của bà Giám đốc cô nhi viện đối với các chiến sĩ Giải phóng?
- A. Bà cúi xuống, đôi tay gầy guộc run rẩy lần tìm chiếc chìa khoá nhà nguyện
 - B. Và bất đồ đổ ụp dưới chân tôi, bà nấc lên
 - C. Mới chỉ qua một đêm, ma xơ đã gầy rộc hẳn đi
 - D. Người chiến sĩ nói: Lấy sữa trong ba lô pha cho các cháu mau đi!
6. Trong phần ①, những người lính Giải phóng và các ma xơ ở trong tình huống nào? Tình huống đó có vai trò như thế nào trong việc xây dựng cốt truyện?
7. Tìm những chi tiết trong phần ② của văn bản miêu tả tâm trạng của người lính Giải phóng trong đêm cuối cùng của chiến tranh.
8. Tìm những chi tiết miêu tả thái độ của ma xơ Giám đốc Cô nhi viện lúc được yêu cầu mở cửa nhà nguyện. Nêu nhận xét về nhân vật này.
9. Nhận xét về phần kết thúc của truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh*.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Đọc sách, báo hoặc truy cập Internet để tìm hiểu và thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến các văn bản đọc hiểu trong Bài 5; các bài giới thiệu, điểm sách, phê bình văn học có liên quan đến các tác giả, tác phẩm đã học.

2. Tìm đọc thêm:

- Một số truyện ngắn viết về đề tài chiến tranh của Sương Nguyệt Minh.
- Một số chương khác của tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Tam quốc diễn nghĩa*.

3. Lưu ý trong và sau khi đọc:

- Ghi lại những cảm xúc, điều tâm đắc, thích thú, băn khoăn, điều chưa hiểu,... trong lúc đọc.
- Tóm tắt tác phẩm, đưa ra các phân tích, đánh giá về hình thức và nội dung của tác phẩm sau khi đọc.



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích và đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,...
- ▶ Phân tích sự khác nhau về nghĩa của một số cách sắp xếp trật tự từ trong câu; từ đó, nhận diện, phân tích và sửa được các lỗi về trật tự từ trong bài viết, bài nói.
- ▶ Biết viết văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề từ các nội dung đã học hoặc vấn đề từ cuộc sống.
- ▶ Biết trình bày một báo cáo kết quả nghiên cứu.
- ▶ Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; có ý thức và yêu thích việc nghiên cứu.

Kiến thức ngữ văn

1. Thơ Đường luật và một số yếu tố trong thơ Đường luật

Thơ Đường luật là một thể loại thơ phổ biến trong văn học các nước khu vực văn hoá Đông Á thời trung đại (bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam). Thơ Đường luật đã được học ở Trung học cơ sở, ở đây, lưu ý thêm mấy điểm sau:

- Hình ảnh trong thơ Đường luật thường có tính ước lệ, tượng trưng cao, chứa đựng tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc và thân phận con người.
- Thơ Đường luật thông thường chỉ gieo một vần và là vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4 (với thơ tứ tuyệt hay còn gọi là tuyệt cú), câu 1, 2, 4, 6, 8 (với thơ bát cú).
- Thơ trung đại rất chú trọng đối và nghệ thuật đối khá đa dạng. Trong bài thơ bát cú Đường luật, đối thường ở hai câu *thực* và hai câu *luận*. Các chữ đối nhau phải cùng từ loại (cùng danh từ, động từ,...). Có khi đối giữa hai vế trong một câu; phổ biến là đối vế từ, ngữ, các vế của câu trên với câu dưới; có khi đối giữa hai câu *thực* và hai câu *luận*. Nếu đối ý thì có hai dạng: đối tương đồng và đối tương phản.

Các nhà thơ tài năng trong quá trình sáng tạo ít khi phụ thuộc hoàn toàn vào các quy phạm thể loại này.

2. Thơ Nôm Đường luật: Ở Việt Nam, trên cơ sở của thơ Đường luật và thơ ca dân tộc, cha ông ta đã sáng tạo ra thơ Đường luật viết bằng chữ Nôm. Chữ Nôm là chữ của người Việt sáng tạo trên cơ sở chữ Hán để ghi âm và biểu đạt nghĩa tiếng Việt. Thơ Nôm Đường luật dù vẫn còn mang tính quy phạm của thể thơ Đường luật về niêm, luật, vần, đối,... nhưng cũng đã có những thay đổi về nhịp điệu câu thơ, tận dụng các phép đối, sử dụng nhiều từ ngữ và hình ảnh từ đời sống mang bản sắc dân tộc.

3. Chủ thể trữ tình là chủ thể phát ngôn, thường là tác giả hoặc là người đại diện cho quan niệm thẩm mĩ và tư tưởng thời đại về một vấn đề nào đó trong cuộc sống; đây là con người cảm xúc, suy tư trong tác phẩm nhưng không nên đồng nhất đơn giản giữa chủ thể trữ tình và tác giả. Trong thơ trữ tình, chủ thể trữ tình có thể xuất hiện qua các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều như: “tôi”, “anh”, “em”, “chúng ta”, “chúng tôi”,... nhưng cũng có loại chủ thể trữ tình phát ngôn dưới hình thức chủ ngữ ẩn, không có ngôi. Với thơ trung đại, chủ thể trữ tình thường xuất hiện ở dạng thứ hai, nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội, ít mang tính cá thể.

4. Sửa lỗi về trật tự từ

– Trật tự từ

Trật tự từ được hiểu là thứ tự sắp xếp của từ ngữ trong câu. Việc sắp xếp các từ ngữ trong câu phải tuân theo quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu. Bên cạnh đó, việc sắp xếp trật tự từ còn có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau như: thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hoạt động, đặc điểm; nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng; liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

– Các lỗi thường gặp về trật tự từ:

+ Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu. Ví dụ: “Từ trên cao, họ có thể nhìn thấy tốt hơn so với mặt biển những gì có ở dưới nước.”. Câu này khó hiểu vì cụm từ “so với mặt biển” đã xen vào giữa động từ “nhìn thấy” và bổ ngữ “những gì có ở dưới nước”. Nên sửa lại là: “Từ trên cao, họ có thể nhìn thấy những gì có ở dưới nước tốt hơn so với mặt biển.” hoặc “So với mặt biển, từ trên cao, họ có thể nhìn thấy những gì có ở dưới nước tốt hơn.”.

+ Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt. Ví dụ: “*Liên hoan phim quốc tế Bu-san (Busan) 2021* ở Việt Nam không được giới thiệu một cách rộng rãi.”. Câu này sắp xếp vị trí trạng ngữ không phù hợp, gây hiểu lầm là *Liên hoan phim quốc tế Bu-san 2021* diễn ra ở Việt Nam. Nên sửa lại bằng cách đưa trạng ngữ “ở Việt Nam” lên đầu câu: “Ở Việt Nam, *Liên hoan phim quốc tế Bu-san 2021* không được giới thiệu một cách rộng rãi.”.



THU HỨNG (BÀI 1)

(Cảm xúc mùa thu)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu bài thơ *Thu hứng* (Bài 1) của Đỗ Phủ.^(*)

– Khi đọc hiểu thơ Đường luật nói chung cần chú ý đặc điểm thể loại, vần tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu trong bài thơ. Nếu là thơ làm bằng chữ Hán, trước khi đọc phần *Dịch thơ* cần đọc kĩ phần *Dịch nghĩa* để hiểu rõ ý của các câu thơ.^(**)

– Đọc trước văn bản *Thu hứng* (Bài 1), tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin về đại thi hào Đỗ Phủ giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

– *Thu hứng* (Bài 1) là tác phẩm mở đầu trong chùm thơ *Thu hứng* gồm tám bài thất ngôn bát cú Đường luật được Đỗ Phủ sáng tác trong thời gian cùng gia đình chạy loạn, phải sống xa quê nhà. Chùm thơ thể hiện một cách sâu sắc sự quan tâm đến vận mệnh đất nước và lòng thương nhớ quê hương của nhà thơ ở giai đoạn cuối đời trong cảnh loạn li của thời cuộc.



Đỗ Phủ (712 – 770),
quê ở Hà Nam, Trung Quốc

2 Đọc hiểu

Phiên âm:

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản thơ Đường luật trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Dịch nghĩa:

Sương móc trắng xoá làm tiêu điều cả rừng
cây phong⁽¹⁾,
Núi Vu, kếm Vu⁽²⁾ hơi thu hiu hắt.
Giữa lòng sông, sóng vọt lên tận lưng trời,
Trên cửa ải, mây sa sầm giáp mặt đất.
Khóm cúc nở hoa đã hai lần (làm) tuôn rơi nước mắt
ngày trước⁽³⁾,
Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ nơi vườn cũ.
Chỗ nào cũng rộn ràng dao thước để may áo rét,
Về chiều, thành Bạch Đê⁽⁴⁾ cao, tiếng chày đập áo⁽⁵⁾
nghe càng dồn dập.

Chú ý các chi tiết miêu tả mùa thu.

Hình ảnh và hoạt động gì được nhắc tới ở bốn câu kết?

Dịch thơ:

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt, khí thu loà.
Lung trời sóng rợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà⁽⁶⁾.

Đối chiếu các câu trong phần dịch thơ với phần dịch nghĩa để có nhận xét bước đầu về bài thơ dịch.

(NGUYỄN CÔNG TRỨ dịch,

Thơ Đường, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

(1) *Phong*: một loại cây có nhiều ở vùng ôn đới, về mùa thu lá chuyển sang màu đỏ ủa. Trong thơ ca trung đại, hình ảnh “rừng phong nhuộm đỏ” thường được dùng để tả cảnh sắc mùa thu hoặc diễn tả nỗi sầu li biệt.

(2) *Núi Vu, kếm Vu*: hai địa danh ở vùng thượng lưu sông Trường Giang (thuộc tỉnh Tứ Xuyên) là nơi vách núi dựng đứng, hiểm trở, nước sông chảy xiết, cảnh vật hùng vĩ. Về mùa thu, khi trời nơi đây âm u mù mịt.

(3) Câu này có thể hiểu: *Khóm cúc nở hoa hai lần*: vì loạn li không thể trở về quê nhà ở phía Bắc được, Đỗ Phủ và gia đình phải lưu lại hai năm ở vùng Quý Châu (nay thuộc Phụng Tiết, Tứ Xuyên). Khóm cúc ông trồng khi mới đến đã hai lần ra hoa. *Nước mắt ngày trước*: ý nói nhà thơ nhìn hoa nở mà nước mắt tuôn rơi vì thương nhớ quê nhà, tưởng như đó là những giọt lệ từ năm trước trở lại. Một cách nói thể hiện nỗi thương cảm không dứt. Có một cách hiểu khác về câu thơ này: Cúc nở hoa mà con người cảm thấy như chính nó rơi lệ.

(4) *Thành Bạch Đê*: thành cổ xây trên núi Bạch Đê, nay thuộc huyện Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên.

(5) *Tiếng chày đập áo*: người Trung Quốc xưa giặt áo, giặt vải bằng cách đặt lên một tảng đá lớn rồi dùng chày mà nện. Khi trời trở rét, nơi nơi sắm sửa may áo ấm và giặt giũ để chuẩn bị đón mùa đông.

(6) *Ác tà*: lúc mặt trời sắp lặn, xế chiều. *Bóng ác tà*: bóng chiều tàn.



1. Xác định đề tài, thể loại và bố cục của bài thơ *Thu hứng* (Bài 1).
2. Từ những thông tin mà em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
3. Cảnh thu trong hai câu *đề* và hai câu *thực* của bài thơ có gì đặc biệt so với cảnh thu thông thường mà em được biết? Để có thể miêu tả được quang cảnh đó, nhà thơ phải quan sát từ những vị trí nào?
4. Nỗi lòng nhà thơ được thể hiện qua những hình ảnh nào trong bốn câu thơ cuối? Theo em, hình ảnh nào ấn tượng nhất? Vì sao?
5. Chỉ ra sự nhất quán giữa chủ đề, nhan đề, nội dung cảm xúc và hình ảnh nghệ thuật trong toàn bộ tác phẩm.
6. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nói lên suy nghĩ về tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài thơ. Phải chăng đó chỉ là tâm sự của riêng tác giả?



TỰ TÌNH (BÀI 2)

HỒ XUÂN HƯƠNG

1 Chuẩn bị

– *Tự tình* (Bài 2) nằm trong chùm thơ Nôm *Tự tình* gồm ba bài của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương có khoảng trên 50 bài, là tiếng nói quyết liệt đấu tranh cho quyền được hưởng hạnh phúc của người phụ nữ, thể hiện nỗi thương cảm với thân phận và khẳng định, đề cao vẻ đẹp, khát vọng của họ. Hồ Xuân Hương đã đưa vào thơ Nôm Đường luật những hình ảnh sống động từ cuộc sống, tận dụng các phép đối, sử dụng từ ngữ, hình ảnh hết sức độc đáo, táo bạo, làm thay đổi kết cấu nghệ thuật của thể thơ và phá vỡ nhiều quy phạm trong thơ trung đại. Hồ Xuân Hương được tôn xưng là “Bà chúa thơ Nôm”. Thơ của bà đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới.

– Đọc trước văn bản *Tự tình* (Bài 2) và lưu ý cách dùng từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ. Tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin về Hồ Xuân Hương giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

2) Đọc hiểu



Đêm khuya văng vẳng trống canh⁽¹⁾ dồn,
Trơ cái hồng nhan⁽²⁾ với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!

(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

Chú ý cách gieo vần, dùng từ ngữ, đặc biệt là động từ; tính từ chỉ màu sắc, mức độ; thời gian và không gian.



1. Hãy xác định bố cục của bài thơ. Tác phẩm là lời tâm sự của ai, về điều gì? Điều ấy có liên quan như thế nào đến nhan đề *Tự tình*?
2. Những hình ảnh trong bốn câu thơ đầu của bài thơ cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của chủ thể trữ tình như thế nào?
3. Hình ảnh thiên nhiên và nghệ thuật sử dụng từ ngữ, nghệ thuật đối trong hai câu *luận* có gì độc đáo? Qua đó, thái độ của nhà thơ đã được thể hiện như thế nào?
4. Phân tích mối quan hệ giữa cảnh và tình trong hai câu *kết* để thấy được tâm sự của chủ thể trữ tình?
5. Theo em, cách dùng từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ *Tự tình* (Bài 2) của Hồ Xuân Hương có gì khác với các bài thơ Đường luật đã học ở Trung học cơ sở?
6. Bài thơ để lại trong em cảm xúc hoặc ấn tượng gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) ghi lại điều đó.

(1) *Canh*: một khoảng thời gian trong đêm (một đêm chia ra năm canh).

(2) *Hồng nhan*: má hồng, chỉ người phụ nữ.



THU ĐIỀU

(Câu cá mùa thu)

NGUYỄN KHUYẾN

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Thu điều*, tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin về nhà thơ Nguyễn Khuyến giúp cho việc đọc hiểu bài thơ này.

– *Thu điều* (*Câu cá mùa thu*) cùng với *Thu vịnh* (*Vịnh mùa thu*) và *Thu ẩm* (*Uống rượu mùa thu*) là chùm thơ thu chữ Nôm rất nổi tiếng của Nguyễn Khuyến; trong đó, tiêu biểu hơn cả là bài *Thu điều*. Chùm thơ này được ông viết khi từ quan về ở ẩn tại quê nhà. Nguyễn Khuyến viết nhiều về nông thôn, ông là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” (Xuân Diệu). *Câu cá mùa thu* cũng như cả chùm thơ thu đã miêu tả được những nét đặc trưng của mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ, thể hiện nỗi niềm về đất nước, về thời cuộc của Nguyễn Khuyến.



Nguyễn Khuyến
(1835 – 1909), quê ở Hà Nam

2 Đọc hiểu



Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.

Chú ý cách gieo vần và sử dụng từ láy, từ chỉ màu sắc và âm thanh.

Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.
Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Những câu thơ nào diễn tả trạng thái tĩnh và động của cảnh vật?

?

1. Từ những thông tin mà em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Thu điếu*. Tìm hiểu bố cục của bài thơ.
2. Chủ thể trữ tình đã quan sát cảnh vật từ những góc độ nào? Phân tích các hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ để thấy được nét đặc trưng của mùa thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.
3. Em có nhận xét gì về không gian được khắc họa trong bài thơ? Không gian ấy có liên quan như thế nào đến cuộc sống, tâm trạng của một nhà nho ẩn dật như Nguyễn Khuyến?
4. Qua bài thơ *Thu điếu*, em hiểu gì về tình cảm, nỗi lòng của nhà thơ với thiên nhiên, đất nước?
5. Tìm đọc hai bài *Thu vịnh* và *Thu ẩm* của Nguyễn Khuyến, từ đó, chỉ ra một số nét chung của chùm thơ và nét riêng của mỗi bài.
6. Em hãy chuyển các câu thơ tả cảnh mùa thu trong bài *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến thành một đoạn văn miêu tả (khoảng 8 – 10 dòng).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Trật tự từ trong mỗi cặp câu dưới đây thể hiện những khác biệt về nghĩa như thế nào?

- a1) Mồng 8 tháng Ba là ngày phụ nữ Quốc tế.
- a2) Mồng 8 tháng Ba là ngày Quốc tế phụ nữ.
- b1) Gác-xi-a Mác-két (García Márquez) là nhà văn Cô-lôm-bi-a (Colombia) nổi tiếng.
- b2) Gác-xi-a Mác-két là nhà văn nổi tiếng Cô-lôm-bi-a.
- c1) Bài thơ đã nói lên sự cảm thông sâu sắc với những người lính của ông.
- c2) Bài thơ đã nói lên sự cảm thông sâu sắc của ông với những người lính.

2. Phân tích và sửa lỗi về trật tự từ trong các trường hợp sau:

a) Truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh* là một tác phẩm văn học mang tinh thần văn sâu sắc của thời kì chiến tranh.

b) *Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm* là chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến nổi tiếng.

c) Đến năm 2000, phải thanh toán hết các trang thiết bị cũ kĩ, lạc hậu, phải đầu tư một số dụng cụ chuyên khoa cần thiết cho các trạm y tế xã như răng, mắt.

d) Họ úp cái nón lên mặt, nằm xuống ngủ một giấc cho đến chiều.

3. Trật tự từ trong các câu thơ Đường luật sau có gì khác trật tự từ thông thường? Phân tích tác dụng tu từ của hiện tượng đảo trật tự từ mà tác giả đã lựa chọn.

a) *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.*

(Hồ Xuân Hương)

b) *Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

c) *Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.*

(Nguyễn Trãi)

d) *Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

(Trần Tế Xương)

4. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) với câu chủ đề: “Câu chuyện về cuộc đời và số phận con người trong truyện ngắn *Người ở bến sông Châu* là câu chuyện buồn và đẹp.”. Giải thích cách sắp xếp trật tự ở một câu trong đoạn văn mà em đã viết.

VIẾT

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

1 Định hướng

a) Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là viết thu hoạch sau khi nghiên cứu về một đề tài đã được thực hiện. Vấn đề nghiên cứu rất đa dạng, phong phú, có thể đó là một vấn đề đặt ra trong học tập gắn với môn học như:

– Đặc điểm các nhân vật trong các đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* (sử thi Tây Nguyên) và *Ra-ma buộc tội* (sử thi Ấn Độ).

– Thân phận người phụ nữ trong các bài thơ của Hồ Xuân Hương hoặc qua các nhân vật phụ nữ trong hai vở chèo *Kim Nham* và *Quan Âm Thị Kính*.

Nhưng vấn đề nghiên cứu cũng có thể xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, đã và đang đặt ra trong cuộc sống. Ví dụ, vấn đề văn hoá đọc qua báo cáo kết quả nghiên cứu sau đây:

Thực trạng và giải pháp phát triển văn hoá đọc của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội⁽¹⁾

TÓM TẮT

Văn hoá đọc giúp sinh viên lĩnh hội tri thức, hệ thống khái niệm khoa học, kỹ năng nghề nghiệp; phát triển phẩm chất, nhân cách nghề nghiệp tương lai; hỗ trợ cho việc nâng cao trình độ học tập và nghiên cứu khoa học. Văn hoá đọc còn nâng cao khả năng tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo của sinh viên. Do đó, sinh viên các trường đại học nói chung và sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng, cần phải trang bị cho mình. Để phát huy vai trò của văn hoá đọc trong quá trình học tập, sinh viên cần có nhận thức đầy đủ, từ đó, vận dụng một cách triệt để, hỗ trợ cho việc học tập của mình. Bài báo cáo trình bày nghiên cứu về văn hoá đọc của sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Áp dụng phương pháp nghiên cứu khảo sát, kết quả nghiên cứu cho thấy văn hoá đọc của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội còn nhiều bất cập. Từ đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị để phát triển văn hoá đọc cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng, sinh viên các trường đại học nói chung.

1. GIỚI THIỆU

[...] Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, tính đến năm 2016, đã đào tạo hàng ngàn kỹ sư / cử nhân đa ngành, đa lĩnh vực với gần 30 chuyên ngành. Trường đang thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, triển khai các loại hình đào tạo mới, triển khai sâu rộng hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và học tập, rèn luyện tư duy sáng tạo và tạo lập phong cách tự học, tự nghiên cứu. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, phát triển văn hoá đọc là một nhiệm vụ quan trọng. Bên cạnh đó, nhu cầu đọc của sinh viên cũng rất phong phú và đa dạng, từ sách, giáo trình, tài liệu học tập đến báo, tạp chí,... Tuy nhiên, liệu sinh viên đã có văn hoá đọc chưa và kết quả của nó như thế nào là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích vai trò của văn hoá đọc và thực trạng văn hoá đọc của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Nhan đề cho biết thông tin gì?

Phần tóm tắt có nhiệm vụ như thế nào?

Chú ý nội dung chính của phần *Giới thiệu*.

(1) Nguyễn Thị Thanh Thủy, Vũ Thị Thu Hiền, Trung tâm Thông tin Thư viện, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Vũ Hồng Vân, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

[...] Cho đến nay, các nhà nghiên cứu khoa học đã đề cập đến văn hoá đọc dưới nhiều góc độ và các cách nhìn nhận khác nhau. Văn hoá đọc là một khái niệm được xét ở hai phương diện rộng và hẹp. Ở phương diện rộng, văn hoá đọc là ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân, của cộng đồng xã hội và của các nhà quản lý, cơ quan quản lý nhà nước. Còn theo phương diện hẹp, văn hoá đọc là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân. Ứng xử, giá trị và chuẩn mực này gồm ba thành phần: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc (Nguyễn Hữu Viêm, 2009). Từ phương diện rộng, Bùi Văn Vượng coi thuật ngữ văn hoá đọc là “đọc sách có văn hoá, hay xây dựng một xã hội đọc sách” (trích bởi Đan Sơn, 2006); theo nhà ngôn ngữ học Phạm Văn Tình: “Văn hoá đọc là đọc sao cho hợp với quy luật tiếp cận tri thức.” (trích bởi Phan Hùng Sơn, 2012). Theo phương diện hẹp, Trần Thị Minh Nguyệt (2006) cho rằng văn hoá đọc không chỉ là đọc gì mà còn là, và chủ yếu là, đọc như thế nào, lĩnh hội và cảm thụ nội dung sách ở mức độ nào, đồng thời, bao hàm cả thái độ ứng xử với sách, báo của người đọc. Như vậy, văn hoá đọc là một loại hình hoạt động văn hoá, giúp cho việc đọc của con người đạt hiệu quả cao, qua đó, thể hiện trình độ văn hoá của mỗi cá nhân. Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn đối tượng khảo sát là sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, để nghiên cứu, phân tích về văn hoá đọc theo ba yếu tố: (i) nhu cầu đọc, (ii) kỹ năng đọc và (iii) thái độ ứng xử với tài liệu. [...]

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tác giả tổng quan các nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, thu thập dữ liệu thứ cấp. Đồng thời, sử dụng kết hợp phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn trực tiếp. Khảo sát được tiến hành với mẫu là 300 sinh viên đang theo học các chuyên ngành đại học các khoá khác nhau tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và được lựa chọn ngẫu nhiên. Phiếu điều tra bằng bảng hỏi được phát trực tiếp tới sinh viên đến đọc tại thư viện và trên giảng đường; thu về 224 phiếu hợp lệ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhu cầu đọc

Tác giả tiến hành phân nhóm từ 224 phiếu trả lời hợp lệ. Nhóm 1 là các sinh viên hệ đại học chính quy, học các chuyên ngành công nghệ và kỹ thuật, gồm: 112 sinh viên [...]. Nhóm 2 là các sinh viên hệ đại học chính quy, học các chuyên ngành khoa học xã hội, gồm: 112 sinh viên. Trong đó, có 200 sinh viên (chiếm tỷ lệ 89,3%) trả lời là có đọc sách; 10,7% sinh viên trả lời không đọc sách. Kết quả phân tích ở nhóm sinh viên trả lời khảo sát là có đọc sách cho thấy, sinh viên học các chuyên ngành khoa học xã hội có nhu cầu đọc sách nhiều hơn (chiếm 52%) so với sinh viên học các chuyên ngành công nghệ, kỹ thuật (chiếm 48%).

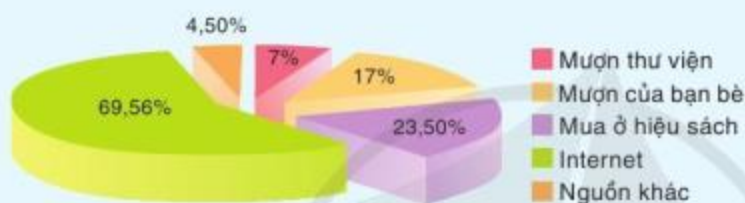
Tác giả trích dẫn những gì và cách trích dẫn như thế nào?

Có những phương pháp nghiên cứu nào?

Chú ý các tiêu đề nhỏ để biết kết quả chính của báo cáo.

Thói quen đọc: Tỷ lệ sinh viên trả lời có đọc sách hằng ngày chiếm 30%, 2 – 3 ngày đọc sách một lần là 33,5%; số sinh viên trả lời một tuần đọc sách một lần là 10%, một tháng đọc một lần là 4% và vài tháng mới đọc sách một lần chiếm tỷ lệ rất ít là 2,5%. Như vậy, số sinh viên thường xuyên chủ động đọc để tìm kiếm thông tin là tương đối cao. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy, số sinh viên đọc thụ động, nhằm mục đích trả bài khi có bài tập và chuẩn bị thảo luận chiếm tỷ lệ không nhỏ (20%).

Nguồn tài liệu: Tỷ lệ sinh viên có nhu cầu đọc sách thường mượn trên thư viện là rất ít, chỉ chiếm 7%; mượn sách của bạn bè chiếm 17%; tự mua sách chiếm 23,5%; chủ yếu sử dụng Internet để thỏa mãn nhu cầu đọc của mình chiếm 69,5%; còn lại 4,5% là đọc sách từ các nguồn khác (Hình 1).



Hình 1. Nguồn tài liệu sinh viên thường sử dụng cho việc đọc

Như vậy, tài liệu trên Internet được sinh viên sử dụng nhiều nhất (chiếm 69,5%). Trong điều kiện đời sống xã hội ngày càng phát triển như hiện nay, việc trang bị máy tính có kết nối mạng là khá dễ dàng. Sinh viên có thể sử dụng các tài liệu trên Internet ngay tại nơi mình đang sống. [...]

Nhu cầu và hứng thú đọc:

Nhu cầu và hứng thú đọc	Tỷ lệ %	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Thể loại tài liệu		
Khoa học kỹ thuật	38,5	18,3
Văn học	12,5	16,3
Tin tức thời sự	29,2	43,3
Tài liệu nghiên cứu	13,5	17,3
Khác	5,3	3,8
Dạng tài liệu		
Tài liệu in trên giấy	31,3	38,5
Tài liệu nghe nhìn	23,9	23,0
Tài liệu điện tử	44,8	38,5

Bảng 1. Kết quả phân tích nhu cầu và hứng thú đọc của sinh viên

Phương tiện hỗ trợ ở đây có phù hợp không?

Các bảng biểu này có tác dụng gì?

Phương pháp đọc	Tỉ lệ %	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Cách đọc		
Đọc trình tự từ đầu đến cuối	34,4	46,15
Chỉ đọc những gì quan tâm nhất	60,4	50
Đọc lời giới thiệu cuốn sách	2,1	3,8
Chỉ đọc phần cuối cuốn sách	8,3	0
Khả năng nhớ tên tác giả khi đọc xong mỗi cuốn sách		
Có	23,95	31,7
Chỉ nhớ những tác giả của cuốn sách mình thích	43,75	47,1
Không	32,3	20,2
Ghi lại cảm nghĩ, nhận xét khi đọc xong mỗi cuốn sách		
Có	17,7	14,4
Chỉ ghi lại những phần nào mình tâm đắc nhất	31,3	33,65
Chỉ ghi lại những thông tin phục vụ cho việc học và nghiên cứu	13,5	21,15
Không	37,5	30,8

Bảng 2. Kết quả khảo sát về phương pháp đọc của sinh viên

Như vậy, kết quả khảo sát trên cho thấy, sinh viên vẫn chưa có phương pháp đọc khoa học, hiệu quả.

[...]

4. KHUYẾN NGHỊ

[...]

5. KẾT LUẬN

Văn hoá đọc là tập hợp của các yếu tố: nhu cầu đọc, kĩ năng đọc và thái độ ứng xử với tài liệu giúp cho hoạt động đọc của sinh viên đúng đắn, khoa học, tiết kiệm được thời gian, công sức lại đạt hiệu quả cao trong quá trình học tập và nghiên cứu. Bên cạnh đó, với những chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin, tri thức, giáo dục, giải trí, giao tiếp, văn hoá đọc góp phần vào việc bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, hình thành và phát triển nhân cách sinh viên. Chính vì vậy, phát triển văn hoá đọc cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của văn hoá đọc đối với việc học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên, dựa vào những kết quả phân tích trên, tác giả khuyến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy văn hoá đọc cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Văn hoá thông tin và Thể thao (1992), *Thập kỉ thế giới phát triển văn hoá*, Hà Nội.

Nội dung chính của phần kết luận là gì?

Tên các tài liệu tham khảo được xếp theo thứ tự nào?

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen (1956), *Những tác phẩm thời trẻ*, tr. 587.

[3]. Đào Thị Ngọc (2011), *Nghiên cứu phát triển văn hoá đọc cho học viên tại Học viện Chính trị – hành chính khu vực I*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Văn hoá Hà Nội.

[4]. Trần Thị Minh Nguyệt (2006), *Giáo dục văn hoá đọc cho lứa tuổi thiếu nhi*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, (5), tr. 116 – 120.

[5]. Nguyễn Công Phúc (2010), *Liệu pháp đọc sách trong hoạt động thư viện*, Tạp chí Thư viện Việt Nam, (2), tr. 21 – 25.

[6]. Đan Sơn (2006), *Vấn đề chưa khép lại*, <https://www.khatvong-tuoitre.com/2012/04/van-e-chua-khep-lai.html>.

[7]. Phan Hùng Sơn (2012), *Văn hoá đọc sách của giới trẻ – những điều trông thấy và suy ngẫm*, <https://sukienhay.com/Blogs/van-hoa-doc-sach-cua-gioi-tre-nhung-dieu-trong-thay-va-suy-ngam.html>.

[8]. Hoàng Thị Thục (2011), *Thư viện đại học: Thực trạng và phát triển*, <https://lib.hau.edu.vn>, html.

[9]. Nguyễn Hữu Viêm (2009), *Văn hoá đọc và phát triển văn hoá đọc ở Việt Nam*, Tạp chí Thư viện Việt Nam, (1), tr.19 – 26.

(Tạp chí Khoa học công nghệ số 38, ra tháng 2-2017,
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Những tài liệu tham khảo này có liên quan đến nội dung báo cáo như thế nào?

b) Để viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần:

– Lựa chọn một vấn đề cần phải tổng kết, làm rõ thêm trong các bài đã học hoặc một vấn đề có ý nghĩa đặt ra từ cuộc sống. Việc lựa chọn đề tài cho bài nghiên cứu của mình là bước đầu tiên và rất quan trọng.

– Tiến hành nghiên cứu theo một quy trình: Xác định mục đích và cách thức nghiên cứu; thu thập và lựa chọn tài liệu; ghi chép, sử dụng các công cụ tra cứu như từ điển, sách báo, Internet,...; tổng hợp kết quả nghiên cứu.

– Xây dựng dàn ý (đề cương) của báo cáo kết quả nghiên cứu. Đề cương của báo cáo kết quả nghiên cứu thường có các nội dung lớn sau đây:

Phần mở đầu

- + Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu.
- + Lí do, mục đích và phương pháp nghiên cứu.

Phần nội dung

- + Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn. Triển khai các lí lẽ, dẫn chứng, lập luận chứng minh cho các luận điểm được nêu ra.
- + Có thể trích dẫn ý kiến người khác, cước chú, lập biểu bảng, thống kê về đối tượng nghiên cứu để chứng minh cho tính chính xác trong các lập luận và nhận định của mình.
- + Tạo sự so sánh cần thiết với các đối tượng nghiên cứu khác để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài viết.

Phần kết luận

- + Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày.
- + Nêu các đề xuất, khuyến nghị của người nghiên cứu (nếu có).

– Kết quả nghiên cứu tuy mới chỉ dừng ở mức rèn luyện, tập dượt nhưng các em cần mạnh dạn tìm hiểu, cố gắng để có được những phát hiện của riêng mình, tránh việc đạo văn hoặc vay mượn phát hiện của người khác mà không dẫn nguồn tài liệu. Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề có thể sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2 Thực hành

Bài tập: Em hãy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về đặc điểm hình thức thơ Đường luật qua một số bài thơ trung đại đã học.

a) Chuẩn bị

– Xác định yêu cầu cần thực hiện của bài tập.

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn*, đọc lại các bài thơ trung đại đã học, chú ý đến các yếu tố như: thể loại, thể thơ, bố cục các bài thơ, số câu trong một bài, số từ trong một câu, niêm luật của bài thơ, cách gieo vần, các phép đối, phân biệt giữa thơ chữ Nôm và thơ chữ Hán,...

– Đọc lại các bài thơ Đường luật đã học trong Bài 6 và các bài thơ Đường luật đã học ở Trung học cơ sở.

– Suy tầm một số ý kiến của các nhà nghiên cứu viết về thơ Đường luật.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo gợi dẫn:

Thơ Đường luật trung đại đã học gồm những bài nào? Cách phân loại?

Hình thức của thơ Đường luật bao gồm những yếu tố gì?

Hình thức ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt nội dung của bài thơ?

– Lập dàn ý cho bài viết:

Phần mở đầu

- + Giới thiệu chung về thơ Đường luật trung đại và ý nghĩa của việc tìm hiểu hình thức thơ Đường luật.
- + Nêu cách thức tiến hành nghiên cứu.

Phần nội dung

- + Giới thiệu các bài thơ Đường luật trung đại đã học và cách phân loại chúng.
- + Phân tích bố cục chung của một bài Đường luật thất ngôn bát cú, các câu đề, thực, luận, kết và vai trò của chúng trong bài thơ. Từ đó, giới thiệu thêm về thơ tứ tuyệt. Ví dụ: *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương).

- + Giới thiệu vấn, đối, niêm, luật trong thơ Đường luật (có thể lập bảng niêm, luật của thơ Đường luật); nêu tác dụng của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung.
- + Phân tích sự sáng tạo về hình thức của thơ Nôm Đường luật.

Phần kết luận

Khái quát, tổng hợp lại vấn đề đã được trình bày.

c) Viết

- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo dàn ý đã lập.
- Chú ý nêu rõ các kết quả nghiên cứu về đặc điểm hình thức của thơ Đường luật và ý kiến của bản thân về vai trò, tác dụng của việc nghiên cứu vấn đề này.
- Nêu các tài liệu tham khảo mà mình đã trích dẫn và sử dụng (nếu có).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bản báo cáo đã viết. Đối chiếu với mục *Định hướng* và dàn ý ở trên để phát hiện và tự sửa lỗi theo hướng dẫn sau:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể
Bố cục ba phần	– Phần mở đầu: Đã giới thiệu chung về thơ Đường luật trung đại, cách thức tiến hành nghiên cứu và nêu được vấn đề chưa? – Phần nội dung: + Có nêu được đầy đủ các kết quả nghiên cứu hay không? (các bài thơ Đường luật trung đại đã được học và cách phân loại chúng; bố cục chung và vai trò, tác dụng của chúng của bài thơ Đường luật; sự sáng tạo về hình thức thơ Nôm Đường luật của cha ông ta;...) + Có trích dẫn được ý kiến người khác về thơ Đường luật trong báo cáo không? + Có vận dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp và hiệu quả hay không? – Phần kết luận: Có khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu lên suy nghĩ của người viết không?
Các lỗi còn mắc	Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 30).
Đánh giá chung	Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 30).

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

1 Định hướng

a) Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là giới thiệu, thuyết trình trước người nghe về một vấn đề đã được nghiên cứu, tìm hiểu.

b) Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần:

- Xác định rõ người nghe là ai để có cách trình bày phù hợp.
- Hiểu rõ nội dung vấn đề để có thể trình bày một cách rõ ràng, tự tin, chính xác,...
- Xác định thời lượng trình bày bài thuyết trình. Chuẩn bị dàn ý bài thuyết trình và các thiết bị hỗ trợ (hiện vật, tranh ảnh, máy chiếu,...).
- Biết trình bày vấn đề theo trình tự ba phần: mở đầu, nội dung và kết thúc; nói rõ ràng, có cảm xúc, biết kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ và các thiết bị hỗ trợ.
- Tiến hành việc chuẩn bị (có thể chuẩn bị theo nhóm; tìm hiểu tài liệu trên sách, báo, Internet,...) và dự kiến các câu hỏi mà người nghe có thể đặt ra khi thảo luận.

2 Thực hành

Bài tập: Em hãy trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề đặc điểm hình thức thơ Đường luật qua một số bài thơ trung đại đã học.

a) Chuẩn bị

– Xem lại dàn ý và bài báo cáo đã hoàn thành ở phần *Viết*. Chỉnh sửa bài báo cáo thành văn bản phù hợp để trình bày trong buổi thuyết trình.

– Văn bản bài trình bày được chuẩn bị trên giấy hoặc trên trang trình chiếu của máy tính (slide) với hình ảnh, sơ đồ (nếu cần). Tập đọc diễn cảm các bài thơ sử dụng làm dẫn chứng.

– Thảo luận với các bạn trong nhóm, nêu nội dung định trình bày.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý ở phần *Viết* cho phù hợp với bài thuyết trình.

c) Thực hành nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 32).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 33).

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thuật hoài

(Tỏ lòng)

PHẠM NGŨ LÃO

Phiên âm:

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

Dịch nghĩa:

Cầm ngang ngọn giáo trấn giữ non sông vừa chẵn mấy thu,
Ba quân dũng mãnh như hổ báo⁽¹⁾ khí thế nuốt trâu⁽²⁾.
Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh,
Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu⁽³⁾.

Dịch thơ:

Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

(BÙI VĂN NGUYỄN dịch, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*,
tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

Ghi vào vở phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):

1. Từ ngữ nào trong câu *Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu* đã **không** được thể hiện thành công ở bản dịch thơ?

(1) *Ba quân*: chỉ quân đội. *Hổ báo*: dịch chữ *tì hổ*, loài mãnh thú, thường dùng để chỉ sức mạnh quân đội.
(2) *Khí thế nuốt trâu*: sách xưa có ghi: “Giống hổ báo, con non tuy chưa có văn mà đã có khí thế nuốt trâu”. Về sau, “khí thế nuốt trâu” trở thành biểu tượng chỉ người trẻ tuổi mà khí phách anh hùng.
(3) *Vũ hầu*: tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, người nổi tiếng về tài dùng binh, lập nên nhiều công trạng giúp Lưu Bị lập nên nhà Thục Hán. Ông được phong tước Vũ hươu hầu, gọi tắt là Vũ hầu.

- A. Hoành sóc C. Kháp kị thu
B. Giang sơn D. Cả A, B, C

2. Bút pháp nghệ thuật nào dưới đây **không** được dùng để tạo dựng hình ảnh “trang nam nhi”?

- A. Hiện thực B. Lãng mạn
C. Ước lệ D. So sánh

3. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Thuật hoài*?

- A. Đây là bài thơ Nôm Đường luật
B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn
C. Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Hán
D. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Hán

4. Câu nào sau đây nêu đúng nội dung chính của bài thơ?

- A. Phản ánh lịch sử oanh liệt chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam thời Trần.
B. Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của người Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước.
C. Ca ngợi hào khí và sức mạnh của quân đội thời Trần.
D. Thể hiện khí thế làm chủ non sông và khát vọng lập công danh của “trang nam nhi” thời Trần.

5. Phân tích vẻ đẹp của “trang nam nhi” và hình ảnh quân đội nhà Trần được thể hiện qua hai câu thơ đầu bài thơ *Thuật hoài*.

6. “Nợ công danh” là gì? Em hãy nêu ý nghĩa tích cực của quan niệm này trong thời Trần và đối với tuổi trẻ ngày nay.

7. Em hiểu thế nào về câu “Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.”?

8. Lí tưởng và khát vọng của chủ thể trữ tình đã được thể hiện như thế nào trong hai câu cuối của bài thơ?

9. Hãy hình dung và vẽ hoặc miêu tả bằng lời hình ảnh “trang nam nhi” với “hào khí Đông A” (hào khí thời Trần) trong bài thơ *Thuật hoài*.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học.
 - Chọn lọc và thu thập các tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,... liên quan đến bài học.
 - Đánh giá tư liệu (Các thông tin này đã đầy đủ, chính xác và phù hợp chưa? Thông tin có liên quan đến đề tài không?).
2. Tìm đọc thêm một số bài thơ của Đỗ Phủ, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến,... có cùng đề tài với các bài thơ đã học.



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ của luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu. Xác định được ý nghĩa văn bản; phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- ▶ Phân tích được ý nghĩa văn bản, phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- ▶ Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản; từ đó, nhận biết và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.
- ▶ Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học.
- ▶ Biết giới thiệu, đánh giá về vẻ đẹp của tác phẩm văn chương.
- ▶ Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp (yêu thương, chia sẻ, cảm thông,...); trân trọng và yêu thích khám phá vẻ đẹp của tác phẩm văn học.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Cách sắp xếp, trình bày luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng

Trong văn bản nghị luận, luận đề là quan điểm bao trùm toàn bộ bài viết, thường được nêu ở nhan đề hoặc trong phần mở đầu của bài viết. Luận điểm nhằm triển khai làm rõ cho luận đề; số luận điểm nhiều hay ít tùy thuộc vào dung lượng và nội dung của vấn đề. Mỗi luận điểm thường được trình bày bằng một câu khái quát và được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ, dẫn chứng. Cách sắp xếp, trình bày các yếu tố trên thể hiện bố cục và trình tự, thứ bậc (kết cấu) của hệ thống ý trong bài nghị luận; giúp cho bài viết rõ ràng, mạch lạc và có sức thuyết phục cao.

2. Tác phẩm văn học và người đọc

Tác phẩm văn học là sáng tạo nghệ thuật ngôn từ của nhà văn, là đối tượng tiếp nhận của người đọc. Thông qua hoạt động tiếp nhận, người đọc không chỉ nhận ra cái hay, cái đẹp (hoặc chưa hay, chưa đẹp) về nội dung, nghệ thuật của văn bản mà còn

hiểu biết thêm về cuộc sống và chính mình. Các hoạt động tiếp nhận thường bao gồm: đọc văn bản; tưởng tượng, tái tạo thế giới hình tượng; tìm kiếm, kết nối thông tin trong và ngoài văn bản để phân tích, đánh giá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cũng như bổ sung các ý nghĩa từ vốn sống, trải nghiệm của người đọc và bối cảnh thời đại;...

3. Sửa lỗi về đoạn văn và văn bản

Văn bản phải có tính mạch lạc (liên kết về mặt nội dung) và tính liên kết (liên kết về mặt hình thức). Để bảo đảm tính mạch lạc, các phần, các đoạn văn, các câu trong văn bản đều phải phục vụ chủ đề chung của văn bản và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Để bảo đảm tính liên kết, mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn văn, các phần trong văn bản phải được thể hiện bằng những phương tiện ngôn ngữ thích hợp.

Các lỗi thường gặp về đoạn văn và văn bản là:

– Lỗi về mạch lạc

+ Các câu của đoạn văn (hoặc các đoạn văn, các phần trong văn bản) không nói về cùng một chủ đề. Ví dụ:

(1) Mọi tác phẩm nghệ thuật đều bắt đầu từ một cảm xúc. (2) Thơ là loại hình nghệ thuật ngôn từ giàu hình ảnh và nhạc điệu. (3) Văn xuôi không có vần. Ở đoạn văn này, từng câu đều đúng nhưng mỗi câu nói về một chủ đề khác nhau. Cách sửa: viết lại các câu (2), (3) theo đúng chủ đề đã nêu ở câu (1).

+ Các câu của đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) mâu thuẫn với nhau. Ví dụ:

(1) Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực có những nét đẹp truyền thống. (2) Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế, thì họ hoàn toàn đối lập với bản chất kịch côm, nhớ nhãng, tàn ác của bọn quan lại. (3) Chị Dậu không như Thuý Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì vào cũi Phật để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm. (Dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết)

Trong đoạn văn trên, ý câu (3) mâu thuẫn với ý câu (1). Cách sửa: viết lại câu (3) để thống nhất với chủ đề được nêu ở câu (1).

+ Các câu của đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Ví dụ: (1) Năm 19 tuổi chị để đứa con trai, sau đó chống chị mắc bệnh, ốm liến trong hai năm rồi chết. (2) Chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. (3) Có những ngày ngất ngủ cơn bệnh tạm lui, chống chị yêu thương chị vô cùng. (Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

Trong đoạn văn trên, các câu được sắp xếp không theo một trình tự hợp lí: Những sự việc nói ở câu (2) và câu (3) không thể diễn ra sau sự việc ở câu (1). Cách sửa: bổ sung từ ngữ trước câu (2) để xác định thời gian diễn ra sự việc là “trước đó, suốt thời gian chống ốm”.

– Lỗi về liên kết

Biểu hiện của lỗi này là người viết không sử dụng phương tiện liên kết giữa các câu trong một đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) hoặc sử dụng phương tiện liên kết không phù hợp. Ví dụ:

*Trong tác phẩm “Chí Phèo”, Nam Cao đã vẽ lên bộ mặt của con quỷ dữ ở làng Vũ Đại. Nhắc đến Chí Phèo là người ta lại nhớ đến một tên say, một kẻ chuyên nghề đâm thuê, chém mướn và rạch mặt ăn vạ. **Nhưng** tất cả những ước mơ tưởng rất bình thường của Chí đều không được xã hội thừa nhận.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

Cách sửa: Thay từ *nhưng* bằng *bởi vậy, vì vậy, bởi thế*.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



CON PHẢI HƠN CHA ĐỂ NHÀ CÓ PHÚC

VŨ NGỌC HOÀNG^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)
- Khi đọc một văn bản nghị luận xã hội, các em cần chú ý:^(***)
 - + Đọc nhan đề và suy đoán vấn đề xã hội được người viết đưa ra bàn luận.
 - + Đọc kĩ văn bản, nhận diện hệ thống luận điểm của bài viết.
 - + Ở mỗi luận điểm, tìm hiểu lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận để hiểu rõ mục đích, quan điểm của người viết và nét đặc sắc của hình thức trình bày.

(*) Tác giả Vũ Ngọc Hoàng, nhà hoạt động chính trị, sinh năm 1953, quê ở Quảng Nam.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Liên hệ, kết nối để thấy ý nghĩa và tác động của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

– Đọc trước văn bản *Con phải hơn cha để nhà có phúc*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả và bài viết.

– Từ những hiểu biết và trải nghiệm cá nhân, em hãy suy nghĩ về ý nghĩa của vấn đề mà văn bản nghị luận trên đã nêu lên.

2) Đọc hiểu

① Người xưa có câu: “Con hơn cha là nhà có phúc.”. Đó là lời tổng kết, sự nhắn gửi đến hậu thế, mong muốn của cha ông. Nhưng hơn là hơn cái gì? Có chức tước cao hơn, có tiền bạc nhiều hơn bằng bất cứ giá nào chăng? Câu hỏi ấy chắc các bậc làm cha, làm mẹ và những người làm con đã tự mình có câu trả lời. Ở đây, chỉ xin nêu ít ý kiến liên quan đến nước nhà, dân tộc.

Vấn đề được nêu lên để bàn luận ở phần ① là gì?

Trải qua mấy nghìn năm, nay xin phép cha ông cho nhìn lại, xem thử người Việt Nam ta mạnh yếu mặt nào, không phải để chê trách cha ông mà để phát huy và bổ sung, điều chỉnh. Có lẽ mặt mạnh nhất thuộc về văn hoá (trong) giữ nước. Truyền thống yêu nước, tinh thần và bản lĩnh chiến đấu để giữ nước, không để dân tộc bị đồng hoá⁽¹⁾ của cha ông ta là bất khuất, anh hùng. Các thế hệ hôm nay và mai sau muôn đời cần noi theo, học tập đến cùng, để tự hào, kính trọng, trung thành, xứng đáng và nhất là để tiếp tục giữ nước lâu dài trong điều kiện mới.

② Một dân tộc yêu hoà bình, nhưng trong hoàn cảnh bắt buộc đã phải đương đầu nhiều lần với các thế lực mạnh hơn ta rất nhiều đến từ phương Bắc và phương Tây. Trong đó, đương đầu với phương Bắc hàng chục lần và có thời kì họ đã đô hộ nước ta hàng nghìn năm, dùng mọi thủ đoạn để đồng hoá dân tộc Việt Nam. Một nghìn năm bị đô hộ trực tiếp mà không bị đồng hoá thì quả là một dân tộc phi thường, kì diệu và bất diệt. Văn hoá dân tộc, dòng máu yêu nước đã ngấm sâu vào từng thế hệ, từng con người Việt Nam, biến thành sức mạnh bất tử trong công cuộc giữ nước bền bỉ và can trường⁽²⁾.

Nội dung chính của phần ② là gì?

Nhìn xa hơn về phía cội nguồn sẽ thấy Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo,

Chú ý các lí lẽ và dẫn chứng.

(1) Đồng hoá: tác động, làm cho đối tượng biến đổi theo ý mình, trở thành giống nhau.

(2) Can trường: (can: gan; trường: ruột) chỉ người có khí phách, gan dạ, đứng cam,...

Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung,... đã làm cho lịch sử dân tộc rạng ngời, đầy hào khí non sông. Thời đại Hồ Chí Minh đã nối tiếp một cách xứng đáng với truyền thống giữ nước nghìn đời của dân tộc; đã bổ sung vào lịch sử những chiến công lừng lẫy và tên tuổi của Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp. Chiến thắng của người Việt Nam trong các cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại, bảo vệ sự tồn vong của dân tộc và toàn vẹn non sông là chiến thắng của một nền văn hoá. Nói như vậy không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của chính trị và quân sự, bởi trong chính trị, quân sự của Việt Nam đều có cái lõi văn hoá vô cùng quý giá và chắc chắn. Nếu như không có những chiến công hiển hách và những người anh hùng ấy thì có lẽ lịch sử của dân tộc chỉ còn là những trang âm đạm, tối tăm, buồn tẻ. Ai nói gì thì nói, nhưng lịch sử sẽ mãi rạng ngời những sự tích oai hùng và những tấm gương nghĩa khí mà cha ông đã ghi tạc bằng xương máu và lòng dũng cảm được kính trọng muôn đời. Trong công cuộc giữ nước và trường tồn⁽¹⁾ của dân tộc, làm theo cha ông, được như cha ông đã là rất giỏi, rất lớn lao, khó có thể hơn được. Mặc dù để vượt qua nhiều thử thách hiện tại và trong tương lai, dân tộc ta phải luôn bổ sung, hoàn chỉnh chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình và điều kiện rất khác xưa.

Tuy nhiên, bên cạnh niềm tự hào to lớn ấy, cần phải thấy một điều: Cho đến nay, ta vẫn chưa có được một Việt Nam phát triển, dù lịch sử dân tộc không chỉ có chiến tranh mà còn có nhiều thời kì dài trong hoà bình, xây dựng. Nói vậy không nhằm mục đích phê phán cha anh, vì mỗi giai đoạn đều có những hoàn cảnh lịch sử và điều kiện cụ thể. Nhưng rất cần suy ngẫm, chiêm nghiệm, xem thử vì sao Việt Nam ta chưa thành một quốc gia phát triển, từ đó mà bổ sung, điều chỉnh cách nghĩ, cách làm khác với cha anh. Thực tế đã minh chứng cha ông ta giữ được nước và bảo tồn dân tộc qua muôn vàn thử thách, bàn giao lại cho hậu thế một quốc gia có vị thế⁽²⁾ như hôm nay. Đồng thời, thực tế cũng minh chứng Việt Nam là một quốc gia chưa phát triển, chưa từng phát triển bao giờ. Nếu phân kì ra, thì trách nhiệm nặng hơn đang thuộc về chúng ta, thế hệ lãnh đạo và công dân sau năm 1975 đến nay, khi đất nước đã hoà bình, thống nhất gần nửa thế kỉ rồi, khi nhiều nước đã tiến vượt bậc, còn chúng ta vẫn chưa phát triển lên được.

③ Lúc này, trước tình hình như vậy, phải ra sức đổi mới và sáng tạo. Đổi mới một cách căn bản, trong đó có nhiều việc phải nghĩ khác, làm khác cha anh, để tránh những sai lầm như đã có, thoát ra khỏi những nguy cơ, giáo điều⁽³⁾,

Chú ý câu văn chuyển ý.

Hạn chế mà “chúng ta” cần khắc phục là gì?

Câu nào nêu ý chính của phần ③?

(1) Trường tồn: (trường: dài; tồn: còn lại) còn lại, tồn tại lâu dài.

(2) Vị thế: (vị: thứ bậc; thế: thế lực) vị trí có thế lực.

(3) Giáo điều: coi nhẹ thực tiễn, tách lí luận ra khỏi thực tiễn, áp dụng kinh nghiệm một cách rập khuôn, máy móc.

cản trở, lạc hậu, để phát triển vượt lên. Làm vậy là trung thành với cha anh, với mong muốn một Việt Nam phát triển, mong “con hơn cha” để nhà có phúc. Đó là sự trung thành với li tưởng một dân tộc và một đất nước Việt Nam phát triển cường thịnh, một xã hội thật sự tốt đẹp; chứ không phải trung thành theo nghĩa phải nghĩ, nói, viết, phải làm hết y như cha anh, dù hoàn cảnh đã khác.

Thế hệ người lớn hôm nay có ý định để lại gì cho lớp trẻ? Thông thường, nhiều người có trách nhiệm và tâm huyết vẫn nghĩ phải phấn đấu để lại cho lớp trẻ một quốc gia phát triển. Đó là mong muốn chính đáng, làm được như thế thì quá tốt. Nhưng làm sao mà để lại được cho lớp trẻ một đất nước phát triển khi mà ta chưa tạo ra được một đất nước như vậy? Ta không thể để lại cái mà ta chưa làm ra được. Có lẽ phải nghĩ cách khác, trước nhất, quan trọng nhất, là để lại cho lớp trẻ sự trưởng thành của chính họ, của cả cách họ suy nghĩ khác ta, để từ đó, những con người mới ấy sẽ tạo ra một đất nước Việt Nam phát triển. Để lại con người mới là để lại tất cả. Còn để lại tất cả (nếu có) mà không để lại được con người thì tất cả cũng sẽ không còn.

Tầm quan trọng của yếu tố con người được thể hiện ở câu nào?

Sau việc quan trọng nhất ấy, làm được cái gì nữa để tạo tiền đề cho một Việt Nam phát triển thì tiếp tục làm, được càng nhiều càng tốt. Nhưng phải bám thật chắc, không lúc nào quên, là để lại cho lớp trẻ chính bản thân họ – những con người phát triển và sáng tạo. Sự phát triển của một quốc gia nhất thiết phải đạt được mục tiêu phát triển con người. Và khi có những con người phát triển thì không lo gì quốc gia không phát triển, bởi quốc gia là do con người xây đắp nên. Phải có một lớp trẻ hơn cha anh, bằng tầm nhìn thay thế cho kinh nghiệm, biết sử dụng thành thạo ngoại ngữ để hiểu và tiếp cận thường xuyên với nhân loại văn minh, biết quản trị⁽¹⁾ đất nước theo cách hiện đại nhất, để từ đó mà làm nên một quốc gia phát triển. Cũng chính lớp người tương lai ấy, với tâm hồn trong sáng, với tinh thần hào hiệp, cao thượng và khoan dung, sẽ hoá giải những hận thù mà lớp trước chưa giải quyết xong, để cả dân tộc cùng nắm tay nhau bước tới.

Tác giả mong có một lớp trẻ như thế nào?

Muốn có một lớp trẻ như vậy thì người lớn hôm nay phải từ bỏ cách giáo dục theo kiểu bề trên áp đặt dạy dỗ bề dưới. [...] Lớp trẻ được bình đẳng đối thoại với người lớn, kể cả những người có chức vụ cao, kể cả cha anh và thầy giáo. Người lớn phải khai hoá văn minh, không làm cho lớp trẻ thụ động, phải tôn trọng lớp trẻ, dân chủ và bình đẳng với người trẻ. Người lớn không độc quyền chân lý mà làm người bạn đồng hành với lớp trẻ trong quá trình đi tìm chân lý của cuộc sống. Không áp đặt một

(1) *Quản trị*: quản lý và điều hành công việc.

chiều các tư tưởng giáo điều cũ kỹ cho lớp trẻ, luôn tìm cách tạo tự tin cho các em, khuyến khích lớp trẻ có chính kiến riêng, dám “cãi lại”, tôn trọng cá tính của các em. Người lớn cần hiểu lớp trẻ không phải là cái bóng sau mình, chỉ biết gọi dạ bảo vâng, làm theo, phục tùng và cúc cung tận tụy; phải trung thành với mọi điều người lớn nghĩ, người lớn nói, người lớn đã viết. Suy nghĩ như vậy là lạc hậu, không sáng suốt. Nếu người lớn để lại một lớp sau giống mình, y như mình, bản sao chép của mình, thì đó cũng là dấu hiệu của một đất nước, một dân tộc không phát triển. Mỗi thế hệ đều có sứ mệnh lịch sử thiêng liêng của mình. Lớp trước không thể quyết định thay, cũng không thể đẩy hết mọi việc phải giải quyết cho hậu thế. Bằng đôi vai và bàn tay của mình, người lớn phải nâng lớp trẻ lên cao hơn mình để họ có thể nhìn xa hơn mình, nhìn rõ năm châu bốn biển và nhìn thấy tận tương lai.

Câu văn nào khẳng định tác hại của những suy nghĩ lạc hậu?

Còn lớp trẻ thì phải hết sức khiêm tốn, chịu khó tự học không ngừng, học tập kinh nghiệm của cha ông và của thế giới, liên tục cập nhật những tri thức mới từ nhiều nguồn khác nhau. Và mặt khác, không được tự ti, phải tự tin vào chính mình, ý thức được vị trí chủ thể bình đẳng của mình, như người lớn, không phân biệt địa vị xã hội, không tự cho mình là nhỏ bé, luôn tự chủ và khát khao vươn tới những ước mơ; độc lập tư duy, dám đối thoại thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng và dám bảo vệ chính kiến; biết phản biện, thấy đúng thì tiếp thu, phát huy; thấy không đúng thì không nghe theo; luôn nâng cao sức đề kháng, thấy người lớn tha hoá, sai trái thì biết đấu tranh chống lại cái sai; trung thực và nhân ái, năng động và sáng tạo; không tham vọng quyền lực, không ỷ lại và dựa dẫm quyền lực của người thân, phải biết tự trọng; luôn nuôi dưỡng tinh thần tự lập nghiệp của bản thân, tâm huyết góp phần xây dựng đất nước,...

Kiểu câu nào được lặp lại trong phần ③? Tác dụng của cách viết này là gì?

④ Điều quan trọng nhất là để lại một lớp trẻ như vậy thì lớp người ấy có thể nghĩ mới hơn, nghĩ khác và làm khác người lớn hôm nay; để Việt Nam có được một dân tộc và đất nước phát triển, có một xã hội thật sự tốt đẹp như Bác Hồ và nhân dân ta mong muốn. Đó cũng là để kế thừa và phát huy tinh thần dân tộc, dân chủ bất diệt của Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh mừng 2 tháng Chín.

Nội dung của phần ④ khẳng định điều gì?

Hà Nội, 2-9-2015

(Con đường phía trước, NXB Đà Nẵng, 2016)



1. Nhan đề “Con phải hơn cha để nhà có phúc” có gì giống và khác với câu nói của người xưa: “Con hơn cha là nhà có phúc”? Nhan đề này cho em biết vấn đề tác giả bàn luận trong văn bản là gì?

2. Dựa vào bốn phần của văn bản, em hãy nêu hệ thống luận điểm của bài viết theo gợi ý sau:

Phần ①	
Phần ②	M Việt Nam có truyền thống rất đáng tự hào nhưng cũng còn những hạn chế cần khắc phục
Phần ③	
Phần ④	

3. Phân tích các điểm mạnh đáng tự hào và các điểm hạn chế cần khắc phục của người Việt Nam hiện nay được nêu trong văn bản *Con phải hơn cha để nhà có phúc*.

4. Nêu ra và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ nổi bật được tác giả sử dụng nhiều lần trong văn bản.

5. Nhận xét thái độ của tác giả đối với lớp trẻ thể hiện ở phần ③. Dẫn ra một số câu văn, đoạn văn thể hiện rõ thái độ ấy.

6. Ý nghĩa của vấn đề đặt ra từ văn bản *Con phải hơn cha để nhà có phúc* đối với cuộc sống ngày nay? Vấn đề ấy có tác động đến nhận thức và tình cảm của em như thế nào?



GIÓ THANH LAY ĐỘNG CẢNH CÔ TRÚC

CHU VĂN SƠN^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)

– Văn bản nghị luận xã hội cũng như nghị luận văn học, thường có sự kết hợp với các yếu tố biểu cảm, thể hiện chủ yếu qua ngôn từ, giọng điệu nghị luận. Yếu tố biểu cảm góp phần quan trọng trong việc bộc lộ quan điểm, chính kiến của người viết. Vì thế, khi đọc hiểu văn bản nghị luận, cần chú ý những từ ngữ, câu văn, biện pháp nghệ thuật, ... thể hiện tình cảm, thái độ của tác giả.^(***)

(*) Tác giả Chu Văn Sơn (1962 – 2019), quê ở Thanh Hoá.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Đọc trước văn bản *Gió thanh lay động cảnh cô trúc* và ghi ra những điểm mà em thích thú cũng như những câu hỏi, băn khoăn muốn được giải đáp.

2) Đọc hiểu

① Mùa thu phải chăng là mùa mà thiên nhiên trở nên thư thái hơn? Nó là cái quang lãng để hoà giải hai đối cực là mùa hè nóng nực và mùa đông buốt giá. Sự hoà giải ấy khiến cho tất cả đều như được thanh lọc. Tất cả dường như đều êm ái hơn, nhẹ nhàng hơn, mềm mại hơn, trong trẻo hơn, mát mẻ hơn, phong quang hơn, thưa thoáng hơn,... Nắm được cái *thần* của mùa thu phải chăng là cảm được, truyền được những nét ấy vào thi ca của mình? Chùm thơ này, bài nào cũng làm được điều đó.

Dự đoán xem tác giả muốn nhắc đến chùm thơ nào.

Hãy nhìn riêng vào một bài, một bài thôi, *Thu vịnh*:

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào.
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào¹.*

② Hai câu *đề* đã ghi ngay được cái thần thái của trời thu. Câu thứ nhất gọi ra cái nền phong cảnh bằng nét rộng khoáng đạt, thoáng đãng: *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao*. Chữ *xanh ngắt* gợi được cái sắc xanh riêng của mùa thu với tất cả vẻ êm ả, mát mẻ và trong xanh của nó.

Ở phần ②, tác giả đã nêu và muốn chứng minh với người đọc điều gì?

Ba chữ *mấy tầng cao* cho thấy tầm nhìn thi sĩ rộng mở cùng với các tầng trời. Nếu nền phong gợi những khoảng xa của hậu cảnh, thì ở gần tầm mắt hơn, hiện ra một tiền cảnh là *cần trúc lơ phơ*... Tầm nhìn dịch chuyển từ xa đến gần. Và, không phải cảnh trúc, ngọn trúc mà phải là *cần trúc*. Chữ *cần* là nét cong mềm mại thật hợp điệu thu. Chữ *lơ phơ* tả vẻ đẹp lơ lửng mà lay động. Chữ *hắt hiu* thật là cái hồn của gió thu. Cả *lơ phơ* và *hắt hiu* như phụ họa với nhau để thấu tỏ cái hồn của gió thu: *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*. Thi sĩ đã dùng cái động gần để gợi cái tĩnh xa trong bao la của thính không⁽²⁾.

(1) Ông Đào: Đào Tiềm (? – 427), một trong những nhà thơ lớn của Trung Quốc thời nhà Tấn và Lưu Tống, được coi là người có nhân cách cao quý, lối sống thanh cao.

(2) *Thính không*: không trung, nơi hoàn toàn vắng lặng.

Đó là những gợn gió thật mỏng manh, nếu không có một mũi cảm tinh tế thì khó mà nhận biết. Đó chính là những gợn *gió thanh* từng làm xao động thân *cổ trúc* của Nguyễn Khuyến đấy chẳng?

③ Bức tranh thu thanh đậm cứ hạ dần độ cao. Hai câu *thực* tả cảnh mặt nước và mặt đất: *Nước biếc trông như tầng khói phủ / Song thưa để mặc bóng trăng vào*. Nếu *xanh ngắt* rất đặc trưng cho sắc trời thu, thì *xanh biếc* lại tóm đúng cái thần thái của nước thu. Nước và trời soi chiếu qua nhau qua cảm quan của thi sĩ. Với hai sắc độ ấy, bức tranh thu của Nguyễn Khuyến đã lan toả một gam xanh vừa thanh đậm vừa sâu lắng, điều mà Xuân Diệu gọi là “những điệu xanh”. Thi sĩ nhìn ra cái làn hơi dường có lại dường không quần quýt đầu con sóng. Ấy là vẻ hư ảo chỉ có trong tiết trời thu: *Nước biếc trông như tầng khói phủ*. Cái nhà cô tháp le te của Nguyễn Khuyến thấp thoáng trong cả ba bài *thu*, ở đây được hiện ra chỉ với một khung cửa sổ theo lối cắt cảnh: *Song thưa để mặc bóng trăng vào*. Không gian mở ra từ những khung cửa với hàng *song thưa* vốn là không gian quen thuộc của trăng thu, cũng là không gian quen thuộc của các thi sĩ phương Đông. Cửa sổ mở thông vào thiên nhiên, cho tâm hồn giao lưu với ngoại giới, hoà với tạo vật. Chữ *song thưa* rất không đầu mà thật ăn nhập, hoà điệu được với cái không khí riêng của mùa thu. Thực thì, khung cửa kia mùa nào chẳng thế, chẳng phải thu đến thì nó thưa hơn. Nhưng, có phải sang đến mùa thu thì cái vẻ *thưa* của nó mới lưu thành ấn tượng trong nhỡn quan⁽¹⁾ thi sĩ như một nét song thu, để khung cửa ấy thật sự ăn nhập với cái vẻ thưa thoáng, phong quang và êm đềm vốn là ý vị riêng của mùa thu? Và vắng trăng tri kỉ chỉ thoải mái đi về cùng với thi nhân qua cái khung trời thông thoáng trữ tình ấy?

Xác định những câu văn, cụm từ cho biết thái độ và cảm xúc của người viết trong phần ③.

④ Đến hai câu *luận*, không gian và thời gian bỗng mở rộng ra:

*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào.*

Câu trên là một ảo giác về thời gian. Câu dưới là một thăng thốt trước không gian. Với hai câu này, bức tranh thu bỗng giàu những thi vị hư huyền. Chữ *năm ngoái* (gắn với hoa) vốn được Nguyễn Du sáng tạo từ chữ *y cựu* (y như cũ) trong thơ Thôi Hộ⁽²⁾. Giờ đây, qua thời gian, nó lại trôi về Yên Đổ⁽³⁾, đậu lên cái chùm hoa nơi lưng giậu của Nguyễn Khuyến, phả vào hình ảnh thơ một chút hoài niệm băng khuâng. *Trước giậu* là xác thực về không gian. Còn *hoa năm ngoái* đã có vẻ không thật xác thực về thời gian. Có một cái gì như một thoáng ngưng đọng trên chùm hoa kia. Hoa vẫn lặng lẽ ở đó từ năm ngoái, hay hoa mới hiện về từ trong kỉ niệm? Khó mà phân định. Chỉ biết

Hãy chỉ ra những từ ngữ có tính gợi hình, gợi cảm trong phần ④.

(1) *Nhỡn quan* (*nhãn quan*): ở đây có thể hiểu là quan niệm, suy nghĩ.

(2) *Thôi Hộ* (722 – 846): nhà thơ thời Đường (Trung Quốc).

(3) *Yên Đổ*: tên xã (xã Yên Đổ), quê nội của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

rằng trong lòng phải mang nặng nỗi u hoài không dễ tỏ bày, thi nhân mới có cái cảm nhận huyền hồ⁽¹⁾ ấy!

Với một tiếng ngỗng rớt xuống từ thình không, không gian quê kiểng chợt mở ra mênh mông đến chân trời khác: *Một tiếng trên không ngỗng nước nào*. Hai chữ *nước nào* không xác định ở cuối câu như một thoáng hồ nghi, một giây thăng thốt đã khiến cho thình không càng tĩnh lặng, xa vắng hơn. Ở bài *Thu điếu*, ta gặp một tiếng cá quẫy vọt lên từ đáy nước (*Cá đâu đớp động dưới chân bèo*). Ở bài *Thu vịnh*, ta lại gặp một tiếng chim di trú rớt xuống từ không trung. Đến từ hai phía khác nhau, nhưng cùng đánh động một tâm hồn, cả hai đều là những tiếng động nhằm làm cho vẻ yên tĩnh của trời và nước trở nên thăm sâu, thanh vắng. Ấu đó cũng là cái thủ pháp quen thuộc: dùng cái *động* để gợi cái *tĩnh*. Hai chữ *nước nào* cuối câu, thực ra cũng là chữ rất không đâu nhưng sao lại dờn chứa được trong đó bao nhiêu là xa vắng của thiên không⁽²⁾. Nó gợi ra dáng điệu thi nhân nghe vọng vào xa xăm. Mà vọng vào xa xăm kì thực là chìm vào cõi tâm tư bất tận của chính mình. Chữ nghĩa của Nguyễn Khuyến ở đâu cũng lắng, cũng lặng những cảm xúc chìm. Cảm xúc được tiết chế, được giấu kín. Lối thể hiện ấy giữ cho tình nồng mà lời vẫn đạm là thế.

⑤ Cuối cùng, *Thu vịnh* đã kết lại bằng bức hoạ thật nhanh mà thật động:

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

Nỗi niềm u ầu không chịu buông tha cho Tam nguyên Yên Đỗ. Cái cảm giác thẹn với ông Đào là nét thanh tao, lặng thầm mà khiêm cung của Nguyễn Khuyến. Nó không chỉ in riêng vào bài thơ này, mà còn đổ bóng xuống cả ba bài thơ, làm nên một chân dung thật nhất quán của Nguyễn Khuyến: một thi nhân tao nhã – một nho gia⁽³⁾ khi tiết.

Những từ ngữ nào có tác dụng kết nối ý của phần ⑤ với các phần trước đó?

Tất cả những điều ấy chẳng phải đã khiến cho Nguyễn Khuyến hiện ra giữa chốn “vườn Bù”⁽⁴⁾ như một cây *cô trúc* thanh cao hay sao? Thân *cô trúc* chỉ cần một gợn gió nhẹ thôi cũng đủ xao mình, trăn trở! Giữa nơi yên mà nào nó có yên? Và làm sao biết trong cõi riêng của ba bài *thu* kia, thân *cô trúc* ấy còn *lơ phơ*, còn *hắt hiu*, còn bất an như thế đến thế kỉ nào?

(*Thơ, điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, 2007)

(1) *Huyền hồ*: mơ hồ, khi thực, khi hư.

(2) *Thiên không*: khoảng không trên bầu trời.

(3) *Nho gia*: nhà nho có tên tuổi (*nhà nho*: người tri thức thời phong kiến theo Nho học).

(4) *Vườn Bù*: vườn nhà Nguyễn Khuyến. “Bù” là tiếng Nghệ – Tĩnh dùng để gọi cây vối. Người xứ Nghệ, tổ tiên Nguyễn Khuyến khi ra xã Yên Đỗ (Bình Lục, Hà Nam), thấy ở đây có một loài cây mà xứ Nghệ gọi là cây bù, nên gọi vườn nhà là vườn Bù.



1. Hãy chỉ ra các luận điểm của văn bản *Gió thanh lay động cảnh cô trúc* và trình tự sắp xếp chúng.
2. Em hiểu nhan đề *Gió thanh lay động cảnh cô trúc* thế nào? Nội dung này đã được thể hiện xuyên suốt trong văn bản ra sao? Hãy tìm những câu văn cho thấy sự triển khai ý này trong mỗi phần.
3. Để làm rõ đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng cặp câu “đề, thực, luận, kết”, tác giả Chu Văn Sơn đã kết hợp những thao tác nghị luận nào? Hãy chỉ ra các thao tác ấy và phân tích hiệu quả phối hợp của chúng trong một đoạn cụ thể.
4. Ở đoạn văn cuối (“Tất cả những điều ấy [...] đến thế kỉ nào?”), tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào? Theo em, kiểu câu ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện thông điệp, giọng điệu, sắc thái cảm xúc của người viết?
5. Đoạn văn sau cho thấy tác giả đã huy động những kiến thức nào vào việc đọc hiểu văn bản: “Ba chữ *mấy từng cao* cho thấy tầm nhìn thi sĩ rộng mở cùng với các tầng trời. Nếu nền phong gợi những khoảng xa của hậu cảnh, thì ở gần tầm mắt hơn, hiện ra một tiền cảnh là *cần trúc lơ phơ*... Tầm nhìn dịch chuyển từ xa đến gần. Và, không phải cảnh trúc, ngọn trúc mà phải là *cần trúc*. Chữ *cần* là nét cong mềm mại thật hợp điệu thu. Chữ *lơ phơ* tả vẻ đẹp lơ thơ mà lay động. Chữ *hắt hiu* thật là cái hồn của gió thu.”?
6. Liên hệ với bài *Thu điếu* đã học ở Bài 6, em hãy đề xuất một luận điểm (1 hoặc 2 câu) nêu rõ được tâm hồn và tài nghệ của Nguyễn Khuyến qua chùm thơ thu.

Thực hành đọc hiểu

ĐỪNG GÂY TÔN THƯƠNG

CA-REN CA-XÂY^(*)

1 Chuẩn bị

Tìm hiểu thêm về tác giả Ca-ren Ca-xây (Karen Casey) và tác phẩm *Khi ta thay đổi, thế giới sẽ đổi thay*; lựa chọn những thông tin liên quan để giúp em hiểu thêm văn bản nghị luận này

(*) Ca-ren Ca-xây sinh năm 1947, là tác giả Mỹ nổi tiếng chuyên về tâm lý và nghệ thuật sống.

2 Đọc hiểu

① “Đừng bao giờ khiến người khác tổn thương” ư? Một điều nghe qua có vẻ đơn giản, nhưng cái khó là làm sao chúng ta biết được mình đã gây tổn thương cho người khác, đặc biệt là khi họ không bị tổn hại gì về thân thể.

Chú ý cách nêu vấn đề của tác giả.

Không giao tiếp bằng mắt với người bạn nói chuyện hay đang được giới thiệu, không đáp lại khi ai đó cần bạn trả lời một câu hỏi, không đếm xỉa đến người đang nói trong cuộc thảo luận – tất cả những hành vi này đều gây tổn thương. Coi nhẹ lời gợi ý của bạn thân về công việc quan trọng cả hai đang tham gia thực hiện có thể gây bất lợi cho mối quan hệ cũng như lòng nhiệt tình của người ấy. Một trong những hình thức gây tổn thương phổ biến và rõ ràng nhất là không lắng nghe khi người khác đang cố nói điều gì đó với bạn. Một số người nói rằng, bị lơ đi như thế khiến họ cảm thấy đau đớn không kém gì bị xâm phạm thân thể.

Sự tổn thương ẩn nấp dưới nhiều dáng vẻ khác nhau. Chắc chắn là cả người gây ra tổn thương và người bị tổn thương đều không cảm thấy hạnh phúc. Nạn nhân có thể thấy mình bị xúc phạm sau buổi gặp gỡ mà không hiểu tại sao. Mặc dù vậy, cảm giác tổn thương vẫn tồn tại.

② Không gây tổn thương bằng lời nói

Trong lúc bạn phát ngôn và cả sau đó, bạn có ý thức được lời phê bình của mình đã ảnh hưởng đến người khác như thế nào không? Bạn có nhanh chóng đáp trả bằng một nhận xét đầy ác ý sau khi bị người khác chỉ trích không?

Các câu hỏi mở đầu phần ② hướng vào vấn đề gì?

Bạn có chú ý đến cảm giác của mình sau khi gắt gồng với bạn bè hay một người hoàn toàn xa lạ không? Bạn có bao giờ tỏ ra tử tế ngay cả khi người ta đối xử với bạn chẳng ra gì không?

Câu trả lời của chúng ta cho những câu hỏi trên đủ để nói lên tất cả. Ngẫm nghĩ từng câu hỏi và trả lời chúng một cách trung thực mang đến phức tạp đơn giản về vị trí của bạn trong thế giới này. Sau đó, nó có thể giúp ích cho bạn như một bản kế hoạch để bạn trở thành con người mà mình mong muốn.

Nếu muốn thay đổi tính chất của các mối quan hệ với mọi người xung quanh, bạn phải ý thức rõ tác động của những gì mình nói ra. Có lẽ, chúng ta không cố tình gây tổn thương người khác bằng nhận xét của mình. Thật ra, chúng ta cứ nghĩ mình đang cư xử lịch thiệp hay thậm chí là ân cần, nhưng biểu hiện trên gương mặt của người đối diện mới nói lên sự thật.

Không ai trong chúng ta đủ khéo léo để che giấu mức độ ảnh hưởng từ lời nói và hành động của người khác đối với mình. Cặp mắt trùng trùng, ánh nhìn lơ đãng khác,

Chú ý cách nhận ra việc mình đã làm tổn thương người khác.

cái nhếch mép hay đôi môi trề xuống,... thường bộc lộ cảm xúc thật của chúng ta. Nhận thấy được những biểu hiện này ở người khác giúp chúng ta đưa ra các lựa chọn tốt hơn trong những lần giao tiếp về sau, với bất kì ai.

Hầu hết chúng ta đều không chủ tâm tỏ ra ác ý trong giao tiếp, trừ khi với kẻ thù thật sự. Những câu bình luận mỉa mai cũng thường xuất hiện một cách vô ý, xuất phát từ cảm xúc nhất thời hay sự thiếu suy nghĩ chứ không phải từ bản chất xấu xa, hèn hạ.

Phương pháp giải quyết vấn đề này là tập trung trí óc. Đơn giản thôi! Bạn hãy đưa ra quyết định và theo đuổi nó bằng cách rèn luyện. Bạn có thể tạo nên mọi sự khác biệt trong mối quan hệ nếu tuân theo quy tắc ứng xử cơ bản: Đừng nói với người khác những điều mà bạn không muốn nghe. Tôi muốn bạn nhớ lại câu chuyện về người phóng viên vẫn mua báo từ một kẻ bán báo vô văn hoá. Người phóng viên ấy đã lựa chọn cách cư xử tử tế ngay cả với một kẻ chẳng ra gì. Ông ấy chọn hành động ôn hoà. Đôi lúc chúng ta có suy nghĩ sai lầm rằng đáp trả là cần thiết. Và nó thường được ngụy biện rằng đó là sự công bằng. Nhưng hành động “ăn miếng trả miếng” chỉ cho thấy bạn là người yếu đuối và thiếu suy nghĩ. Nói đơn giản hơn là bạn chẳng được lợi gì khi đối xử với người khác không tử tế.

Nhận biết lí lẽ và bằng chứng của người viết.

Mỗi tình huống ta trải qua đều là cơ hội để lựa chọn con đường tương tác đúng đắn giữa ta và người khác. Chúng ta không cần phải đáp trả bằng thái độ tương tự khi ai đó đối xử tệ với mình. Chọn cách ứng xử cùng với yêu thương không quá khó so với chọn cách đáp trả tàn nhẫn. Đó chỉ là một quyết định mà thôi – quyết định mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Trong quá trình giao tiếp, chúng ta luôn có các phương án lựa chọn khác nhau như chú ý lắng nghe, giả vờ lắng nghe một cách tế nhị hay phớt lờ người khác ra mặt. Bất cứ điều gì không thể hiện sự chú tâm của chúng ta đều đồng nghĩa với sự thô lỗ; thái độ thô lỗ này gây tổn hại tinh thần cho bất kì ai liên quan đến chúng ta trong mối tương tác. Điều này thậm chí có thể đo đếm được bằng các nghiên cứu về sinh lí. Tổ chức Hột Mát (Heart Math) đã tiến hành nghiên cứu sự ảnh hưởng của cách cư xử thiếu tử tế đối với tình trạng thể chất con người. Sau đó, họ áp dụng những điều phát hiện được vào việc tư vấn cho khoảng 500 công ti đang cần xây dựng môi trường làm việc thân thiện hơn. Cuối cùng, họ kết luận rằng, không chỉ người bị chúng ta đối xử tệ mà bản thân chúng ta cũng bị ảnh hưởng về mặt trí tuệ, cảm xúc, thể chất và tinh thần. Đúng vậy! Sức khoẻ mỗi chúng ta đều phụ thuộc vào những cử chỉ yêu thương lẫn nhau.

Theo tác giả, thế nào là “thô lỗ”?

Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ? Bởi vì chúng ta bị xao nhãng, đầu óc ta đang mải mơ màng những việc khác?

Chú ý cách lí giải: “Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ?”.

Đôi khi, lí do này đúng. Nhưng sự thô lỗ thường là dấu hiệu của cảm giác bất an. Đó là cách chúng ta tránh né người khác để họ không nhận thấy cảm giác thật của mình. Làm như vậy có thể hiệu quả nhưng nó chẳng giúp ích cho ai cả. Nó khiến mọi người xa rời nhau thay vì đoàn kết vì một mục đích chung. Chúng ta không bao giờ tìm thấy sự bình yên nếu cứ khẳng khái bảo vệ cái ốc đảo cô đơn của mình. Cố gắng theo đuổi mối liên kết chung với mọi người là con đường bằng phẳng nhất đưa chúng ta đến hoà bình.

Hãy đối mặt với thực tế. Dùng lời nói sỉ nhục người khác không bao giờ là thái độ hợp lí, ngay cả trong những hoàn cảnh thù địch nhất; nó gây ra những vết thương không đáng có trong tâm hồn. Có người từng nói, đại ý: “Chúng ta chỉ được giao phó một nhiệm vụ duy nhất, đó là yêu thương lẫn nhau. Nếu không thể làm được như vậy thì ít nhất hãy cố gắng kiềm chế để không xúc phạm nhau.” Đó là lời gợi ý đơn giản để sống cuộc đời bình yên và hạnh phúc. Nó khởi đầu bằng những thay đổi tích cực nhỏ bé mà về sau trở thành thói quen. Bất kì ai trong chúng ta cũng có thể hoàn thành nhiệm vụ này nếu có quyết tâm.

③ Mỗi ngày một cam kết

“Mỗi ngày, chúng ta phải sống sao cho xứng đáng.” Lựa chọn này giúp ta đơn giản hoá cuộc sống và quyết định của mình trên nhiều khía cạnh, hơn hẳn điều chúng ta tưởng tượng ban đầu. [...] Chúng ta chỉ có duy nhất ngày hôm nay thôi. Chúng ta chỉ có duy nhất khoảnh khắc này mà thôi.

Nội dung “cam kết” ở phần này là gì?

Dường như quan điểm trên có vẻ gần với sự tránh né trách nhiệm. Song, việc cố gắng sống quá xa khoảng khắc hiện tại không những lãng phí năng lượng trí tuệ mà còn lãng phí năng lượng cảm xúc của chúng ta. Mỗi ngày, đừng gây tổn thương cho ai là một phương pháp thực hiện nguyên tắc quan trọng này. Tại sao chúng ta phải cam kết như thế với bản thân mỗi ngày? Bởi vì trong quá trình thay đổi, chúng ta thường không chú ý đến lỗi cư xử của mình và kết quả là ta gây tổn thương cho người khác. Chúng ta dễ dàng hạ thấp giá trị của người khác chỉ trong một phút suy nghĩ thiếu thận trọng.

Chúng ta phán xét và quy tội cho người khác. Chúng ta “giăng bẫy” khiến họ thất bại, đôi khi do cố ý nhưng thường thì vô ý nhiều hơn. Lời nói, nét mặt, ngôn ngữ cơ thể của chúng ta, tất cả đều chuyển tải một thông điệp nào đó, nếu ta bất cẩn, chúng sẽ dễ dàng biến thành thái độ khinh thường hoặc vô tâm. Nhiều hình thức gây tổn thương khác nhau đã ăn sâu vào tiềm thức, đến nỗi chúng ta phải thật cảnh giác để không lặp lại nó. Tương tự, đôi khi, việc chúng ta hạ thấp người khác

trở thành một thói quen. Chỉ cần cam kết thực hiện và kết hợp với việc rèn luyện, “không làm tổn thương người khác” sẽ trở nên đơn giản, và phần thưởng của nó sẽ xuất hiện ngay lập tức. Chúng ta cảm thấy nhẹ nhõm và thanh thản cả về thể chất lẫn tinh thần. Chúng ta không còn phải đoán già đoán non liệu những hành động của mình sẽ gây ra tác động hay hậu quả như thế nào đối với người khác. Mỗi ngày mới có một dòng chảy mới, dòng chảy hứa hẹn đem đến cảm giác hạnh phúc và bình yên cho chúng ta.

Không làm tổn thương người khác mang lại hiệu quả gì?

Bạn sẽ gặt hái được nhiều điều tốt đẹp từ lời cam kết đơn giản này. Thế nhưng, sự lôi kéo, dụ dỗ của thói quen ứng xử cũ vẫn lớn vồn quanh bạn gần như mọi lúc. Không phải vì bạn cố tình thô lỗ hay vô tâm mà hầu hết chúng ta đều cảm thấy sợ hãi, sợ rằng người khác đang qua mặt mình về tiền tài, sự nghiệp, thậm chí cả tình cảm và tinh thần. Nỗi sợ hãi thúc đẩy chúng ta hành động theo chiều hướng gây tổn thương cho mọi người, trong đó có bản thân ta. Vết thương gây ra cho chính bản thân là trầm trọng và khó lành nhất.

Mỗi lần bị tổn thương vì cách cư xử của mình, chúng ta càng dễ làm đau người khác, đôi khi không vì lý do nào. Mọi việc sẽ tiếp tục như thế cho đến lúc mỗi ngày, chúng ta thực hiện lời cam kết không gây tổn thương cho bất kỳ ai. Chúng ta có thể làm được! Mỗi ngày, chúng ta có quyền theo đuổi một cảm giác bình yên hoàn toàn mới mẻ. Đó chẳng phải là điều tất cả chúng ta mong muốn ư? [...]

(*Khi ta thay đổi, thế giới sẽ đổi thay.*

NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)



1. Em hiểu nhan đề *Đừng gây tổn thương* như thế nào?
2. Chỉ ra mối quan hệ giữa phần mở đầu và hai phần sau trong văn bản.
3. Dựa vào văn bản, hãy làm sáng tỏ ý kiến của tác giả nêu ở phần đầu văn bản: “Sự tổn thương ẩn nấp dưới nhiều dáng vẻ khác nhau.”.
4. Phân tích tác hại của việc làm tổn thương người khác và những hệ quả tích cực từ lời cam kết: “Không làm tổn thương người khác.”.
5. Có rất nhiều câu văn, đoạn văn như những lời khuyên hoặc câu danh ngôn về lối sống xuất hiện trong văn bản *Đừng gây tổn thương*. Em hãy dẫn ra một số câu như thế. Theo em, vấn đề đặt ra trong văn bản có ý nghĩa gì với cuộc sống ngày nay?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xác định chủ đề của đoạn văn.
- Nhận xét về tính liên kết trong đoạn văn.
- Nhận xét về tính mạch lạc của đoạn văn.

a) Lúc này, với tình hình như vậy, phải ra sức đổi mới và sáng tạo. Đổi mới một cách căn bản, trong đó có nhiều việc phải nghĩ khác, làm khác cha anh, để tránh những sai lầm như đã có, thoát ra khỏi những nguy cơ, giáo điều, cản trở, lạc hậu, để phát triển vượt lên. Làm vậy là trung thành với cha anh, với mong muốn một Việt Nam phát triển, mong “con hơn cha” để nhà có phúc. Đó là sự trung thành với li tưởng một dân tộc và một đất nước Việt Nam phát triển cường thịnh, một xã hội thật sự tốt đẹp; chứ không phải trung thành theo nghĩa phải nghĩ, phải nói, phải viết, phải làm hệt y như cha anh, dù hoàn cảnh đã khác. (Vũ Ngọc Hoàng)

b) Thế hệ người lớn hôm nay có ý định để lại gì cho lớp trẻ? Thông thường, nhiều người có trách nhiệm và tâm huyết vẫn nghĩ phải phân đầu để lại cho lớp trẻ một quốc gia phát triển. Đó là mong muốn chính đáng, làm được như thế thì quá tốt. Nhưng làm sao mà để lại được cho lớp trẻ một đất nước phát triển khi mà ta chưa tạo ra được một đất nước như vậy? Ta không thể để lại cái mà ta chưa làm ra được. Có lẽ phải nghĩ cách khác, trước nhất, quan trọng nhất, là để lại cho lớp trẻ sự trưởng thành của chính họ, của cả cách họ suy nghĩ khác ta, để từ đó, những con người mới ấy sẽ tạo ra một đất nước Việt Nam phát triển. Để lại con người mới là để lại tất cả. Còn để lại tất cả (nếu có) mà không để lại được con người thì tất cả cũng sẽ không còn. (Vũ Ngọc Hoàng)

c) Hai câu đề đã ghi ngay được cái thần thái của trời thu. Câu thứ nhất gọi ra cái nền phong cảnh bằng nét rộng khoáng đạt, thoáng đãng: “Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao”. Chữ xanh ngắt gọi được cái sắc xanh riêng của mùa thu với tất cả vẻ êm ả, mát mẻ và trong xanh của nó. Ba chữ mấy tầng cao cho thấy tầm nhìn thi sĩ rộng mở cùng với các tầng trời. Nếu nền phong gọi những khoảng xa của hậu cảnh, thì ở gần tầm mắt hơn, hiện ra một tiền cảnh là cần trúc lơ phơ... Tầm nhìn dịch chuyển từ xa đến gần. Và, không phải cảnh trúc, ngọn trúc mà phải là cần trúc. Chữ cần là nét cong mềm mại thật hợp điệu thu. Chữ lơ phơ tả vẻ đẹp lưa thưa mà lay động. Chữ hắt hiu thật là cái hồn của gió thu. Cả lơ phơ và hắt hiu như phụ họa với nhau để thấu tóm cái hồn của gió thu: “Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu”. Thi sĩ đã dùng cái “động” gần để gọi cái “tĩnh” xa trong bao la của thính không. Đó là những gợn gió

thật mỏng manh, nếu không có một mũi cảm tinh tế thì khó mà nhận biết. Đó chính là những cơn gió thanh từng làm xao động thân cô trức của Nguyễn Khuyến đầy chăng?
(Chu Văn Sơn)

d) Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ? Bởi vì chúng ta bị xao nhãng, đầu óc ta đang mãi mơ màng những việc khác? Đôi khi, lí do này đúng. Nhưng sự thô lỗ thường là dấu hiệu của cảm giác bất an. Đó là cách chúng ta tránh né người khác để họ không nhận thấy cảm giác thật của mình. Làm như vậy có thể hiệu quả nhưng nó chẳng giúp ích cho ai cả. Nó khiến mọi người xa rời nhau thay vì đoàn kết vì một mục đích chung. Chúng ta không bao giờ tìm thấy sự bình yên nếu cứ khẳng khái bảo vệ cái ốc đảo cô đơn của mình. Cố gắng theo đuổi mối liên kết chung với mọi người là con đường bằng phẳng nhất đưa chúng ta đến hoà bình. (Ca-ren Ca-xây)

2. Trong các đoạn văn sau đây, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để liên kết các câu trong đoạn?

a) Lớp trẻ được bình đẳng đối thoại với người lớn, kể cả những người có chức vụ cao, kể cả cha anh và thầy giáo. Người lớn phải khai hoá văn minh, không làm cho lớp trẻ thụ động, phải tôn trọng lớp trẻ, dân chủ và bình đẳng với người trẻ. Người lớn không độc quyền chân lí mà làm người bạn đồng hành với lớp trẻ trong quá trình đi tìm chân lí của cuộc sống. Không áp đặt một chiều các tư tưởng giáo điều cũ kĩ cho lớp trẻ, luôn tìm cách tạo tự tin cho các em, khuyến khích lớp trẻ có chính kiến riêng, dám “cãi lại”, tôn trọng cá tính của các em. Người lớn cần hiểu lớp trẻ không phải là cái bóng sau mình, chỉ biết gọi dạ bảo vâng, làm theo, phục tùng và cúi cung tận tụy; phải trung thành với mọi điều người lớn nghĩ, người lớn nói, người lớn đã viết. Suy nghĩ như vậy là lạc hậu, không sáng suốt. Nếu người lớn để lại một lớp sau giống mình, y như mình, bản sao chép của mình, thì đó cũng là dấu hiệu của một đất nước, một dân tộc không phát triển. (Vũ Ngọc Hoàng)

b) Nếu muốn thay đổi tính chất của các mối quan hệ với mọi người xung quanh, bạn phải ý thức rõ tác động của những gì mình nói ra. Có lẽ, chúng ta không cố tình gây tổn thương người khác bằng nhận xét của mình. Thật ra, chúng ta cứ nghĩ mình đang cư xử lịch thiệp hay thậm chí là ân cần, nhưng biểu hiện trên gương mặt của người đối diện mới nói lên sự thật. (Ca-ren Ca-xây)

c) Sự sáng tạo trong văn học nghệ thuật gần giống với sự sáng tạo ra sự sống: “Dùng hình tượng là để lấy sự sống tác động vào sự sống, lấy sự sống sinh ra sự sống”. Nhưng đây là một sự sống đặc biệt, một sự sống bất diệt. Hình tượng văn học có giá trị, một khi ra đời, tham gia vào sinh hoạt xã hội như một con người thực. Người ta tâm sự với Kiều, thương Kiều, khóc Kiều và mê Kiều. Từ những nét mực, trang giấy bỗng hiện lên cả một thế giới đã lùi sâu vào dĩ vãng. Chính cái “phép màu” kì diệu ấy đã khiến

Go-rơ-ki (Gorki) ngồi đọc truyện ngắn “Trái tim bình dị” của Phlô-be (Flaubert), cảm thấy như trong quyển sách có một thứ ảo thuật gì khó hiểu; và Go-rơ-ki đã mấy lần giơ tờ giấy ra trước ánh sáng, nhìn qua các dòng chữ để tìm xem có cái bí mật gì ở trong ấy không. (Nguyễn Duy Bình)

3. Phát hiện và sửa lỗi trong các đoạn văn sau:

a) Cảnh vật trong bài thơ “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ. Ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tí, lá vàng đưa vèo, chiếc thuyền bé tẻo teo. Cảnh vật dường như ngưng đọng, im lìm. Bởi vậy, nét bút của Nguyễn Khuyến đã tạo dựng được rất thành công cảnh sắc im ắng ấy. (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

b) Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau sinh sống. Những người nông dân yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu trong bài ca dao thật nồng nhiệt, đầm thắm. (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

c) Cầm đi một mình trong đêm. Trận địa đại hội 2 ở phía bãi bồi bên một dòng sông. Hai bố con cùng viết đơn xin ra mặt trận. Mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối. (Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) triển khai ý từ câu chủ đề sau đây: Tác phẩm văn học hấp dẫn người đọc bằng những nhân vật do trí tưởng tượng của nhà văn sáng tạo ra.

VIẾT

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

1 Định hướng

a) Đọc hai đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

Đoạn 1:

Khác với bút pháp truyện cổ tích, truyện Nôm,..., nhân vật và hoàn cảnh được lí tưởng hoá, phân tuyến rạch ròi, *Kiều binh nổi loạn* không thể, đã được ghi chép gần gũi với hiện thực. Điều đó được thể hiện trong việc xây dựng các nhân vật. *Kiều binh nổi loạn* có hai phe: Trịnh Tông và Trịnh Cán; phe Trịnh Tông có thể xem là chính thống, phe Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ là phản nghịch nhưng cả hai đều không có những nhân vật cực đoan, hoặc quá hoàn hảo, hoặc quá xấu xa, mà nói chung đều đa dạng, đều thực.

Lấy nhân vật Hoàng Đình Bảo làm ví dụ. Hoàng là nhân vật phản diện, thao túng cả triều đình, nhiều tham vọng, quyền mưu nhưng y vẫn còn chút ánh sáng trong lương tâm, thể hiện ở việc đối xử với Trịnh Tông, người đã từ chối sự cộng tác và đe dọa sẽ giết Hoàng, đối thủ chính có thể đem đến sự nguy hiểm cho sự nghiệp của Hoàng. Hoàng còn có thể khóc khi người ta đặt vấn đề tính mạng của Tông với y. [...]

(Theo Trần Thị Băng Thanh, *Kiều bình nổi loạn*, in trong *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005)

Đoạn 2:

Ở bài *Thu điếu*, ta gặp một tiếng cá quẫy vọt lên từ đáy nước (*Cá dâu dớp động dưới chân bèo*). Ở bài *Thu vịnh*, ta lại gặp một tiếng chim di trú rút xuống từ không trung. Đến từ hai phía khác nhau, nhưng cùng đánh động một tâm hồn, cả hai đều là những tiếng động nhằm làm cho vẻ yên tĩnh của trời và nước trở nên thâm sâu, thanh vắng. Ấu đó cũng là cái thủ pháp quen thuộc: dùng cái *động* để gọi cái *tĩnh*. Hai chữ *nước* nào cuối câu, thực ra cũng là chữ rất không đâu nhưng sao lại đồn chứa được trong đó bao nhiêu là xa vắng của thiên không. Nó gọi ra dáng điệu thi nhân nghe vọng vào xa xăm. Mà vọng vào xa xăm kì thực là chìm vào cõi tâm tư bất tận của chính mình. Chữ nghĩa của Nguyễn Khuyến ở đâu cũng lắng, cũng lặng những cảm xúc chìm. Cảm xúc được tiết chế, được giấu kín. Lối thể hiện ấy giữ cho tình nồng mà lời vẫn đạm là thế.

(Theo Chu Văn Sơn, *Thơ điệu hồn và cấu trúc*. Sách đã dẫn)

– Yếu tố hình thức nghệ thuật nào đã được xác định để phân tích, đánh giá trong từng đoạn trích trên?

– Mỗi tác giả đã chỉ ra tác dụng của yếu tố hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa như thế nào?

– Đoạn nào chủ yếu sử dụng thao tác phân tích và đoạn nào tập trung nêu cảm nhận, đánh giá của người viết? Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa phân tích và đánh giá trong hai đoạn trích trên.

b) Đối tượng phân tích, đánh giá có thể là toàn bộ tác phẩm hoặc chỉ tập trung vào một số yếu tố nổi bật về nội dung (đề tài, cảm hứng,...), hình thức nghệ thuật (ngôn từ, kết cấu,...). Để viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học, ngoài các yêu cầu cơ bản đã nêu ở Bài 5 (trang 29), các em cần chú ý thêm một số điểm sau:

– Xác định đối tượng phân tích, đánh giá: toàn bộ tác phẩm hay một số yếu tố, thể loại của tác phẩm, tác giả và bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh ra đời,...

– Xem xét cách triển khai bài phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm khác phân tích, đánh giá một số yếu tố như thế nào. Tham khảo gợi ý sau:

Các phần	Phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm	Phân tích, đánh giá một số yếu tố
Mở bài	Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, bối cảnh lịch sử và khái quát giá trị của tác phẩm.	– Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, thể loại. – Nêu yếu tố nổi bật sẽ phân tích, đánh giá.
Thân bài	– Nêu tóm tắt nội dung chính của tác phẩm. – Phân tích giá trị của tác phẩm (nội dung và nghệ thuật). – Đánh giá (nhận xét, bình luận) về thành công của tác giả trong việc thể hiện nội dung và nghệ thuật.	– Giới thiệu cụ thể một số yếu tố nổi bật mà bài viết phân tích, đánh giá. – Phân tích cái hay, cái đẹp của các yếu tố đã nêu. – Đánh giá (nhận xét, bình luận) về vai trò, tác dụng của các yếu tố ấy trong tác phẩm.
Kết bài	– Khái quát về vị trí, ý nghĩa của tác phẩm đối với sự nghiệp văn học của tác giả. – Chỉ ra tác động của tác phẩm với người đọc và với cá nhân người viết.	– Khái quát về giá trị của các yếu tố đã phân tích đối với tác phẩm. – Nêu ấn tượng và cảm xúc của người viết về các yếu tố đã phân tích.

2 Thực hành

Bài tập: *Viết bài văn phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà em đã học hoặc đã đọc.*

a) Chuẩn bị

– Đọc và nhận diện yêu cầu của bài tập về kiểu bài và nội dung, phạm vi vấn đề cần giải quyết.

– Lựa chọn tác phẩm văn học (thơ, truyện, kịch, kí) mà các em yêu thích, tâm đắc để phân tích, đánh giá.

– Xác định các yếu tố nội dung hoặc hình thức nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm đã chọn.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

Cái hay về nội dung của tác phẩm (đề tài, chủ đề, vấn đề tư tưởng, đạo lí có ý nghĩa triết lí sâu sắc,...) là gì?

Yếu tố hình thức nghệ thuật nào độc đáo, đặc sắc? (Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh; các biện pháp tu từ; lời của người kể chuyện và lời nhân vật,...).

Tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa của tác phẩm là gì?

– Lập dàn ý trên cơ sở các ý đã tìm và theo ba phần của bài văn. Chú ý: đây là dạng bài phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức, không phải toàn bộ tác phẩm. Tham khảo dàn ý bài phân tích, đánh giá một số yếu tố (mục b phần *Định hướng*).

c) Viết

- Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn hoàn chỉnh.
- Lưu ý:
 - + Mỗi luận điểm có thể triển khai thành một hoặc một số đoạn văn.
 - + Khi viết, chú ý kết hợp các thao tác nghị luận: phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận.
 - + Cần sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh, cảm xúc.
 - + Thể hiện một cách tự nhiên quan điểm, cách hiểu riêng của bản thân, có thể tham khảo nhưng không được sao chép nội dung phân tích, đánh giá của người khác.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, đối chiếu lại các yêu cầu của bài văn để chỉnh sửa theo hướng dẫn sau:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể
Bố cục ba phần	– Mở bài: Đã giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề văn học sẽ trình bày chưa? – Thân bài: + Đã giới thiệu được một số yếu tố đặc sắc về nội dung và hình thức của tác phẩm chưa? + Đã phân tích được cái hay, cái đẹp của các yếu tố đã nêu chưa? + Có đánh giá (nhận xét, bình luận) về vai trò, tác dụng của các yếu tố ấy trong tác phẩm không? – Kết bài: Có khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu lên ấn tượng, cảm xúc của người viết không?
Các lỗi còn mắc	Tham khảo yêu cầu về chỉnh sửa lỗi đã nêu ở Bài 5 (trang 30).
Đánh giá chung	Tham khảo yêu cầu về đánh giá chung đã nêu ở Bài 5 (trang 30).

NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐẸP CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC

1) Định hướng

a) Giới thiệu, đánh giá về đẹp của tác phẩm văn học là sử dụng ngôn ngữ nói và các phương tiện hỗ trợ khác như máy tính, máy chiếu, tranh ảnh,... (nếu có) để

trình bày và thuyết phục người nghe về những nét đặc sắc, độc đáo của tác phẩm văn chương hay vai trò, sức mạnh của văn học đối với cuộc sống con người mà cá nhân đã tự tìm hiểu, lí giải, chiêm nghiệm.

b) Để giới thiệu, đánh giá cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học, các em cần:

– Xác định tác phẩm văn học mà mình tâm đắc, yêu thích và có hiểu biết chắc chắn, nhất là hiểu biết về những giá trị nội dung, hình thức nghệ thuật đặc sắc sẽ được trình bày.

– Xây dựng đề cương bài nói với ba phần chính:

+ Mở đầu: Nêu vấn đề sẽ trình bày.

+ Nội dung: Các ý sẽ trình bày theo một trình tự hợp lí.

+ Kết thúc: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề được trình bày; có thể nêu hướng triển khai tiếp.

– Xây dựng nội dung chi tiết cho bài nói.

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ khác (máy tính, máy chiếu, tranh, ảnh,...).

2) Thực hành

Bài tập: *Giới thiệu, đánh giá nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà em đã học hoặc đã đọc.*

a) Chuẩn bị

– Thực hiện việc chuẩn bị như hướng dẫn ở mục 1. *Định hướng.*

– Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem xét dàn ý đã nêu ở phần *Viết* và bổ sung một số ý phù hợp với phần *Nói và nghe*.

c) Thực hành nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 32).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 33).

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Phép mầu” kì diệu của văn học^(*)

① Sự sáng tạo trong văn học nghệ thuật gần giống với sự sáng tạo ra sự sống: “Dùng hình tượng là để lấy sự sống tác động vào sự sống, lấy sự sống sinh ra sự sống.”. Nhưng đây là một sự sống đặc biệt, một sự sống bất diệt. Hình tượng văn học có giá trị, một khi ra đời, tham gia vào sinh hoạt xã hội như một con người thực. Người ta tâm sự với Kiều, thương Kiều, khóc Kiều và mê Kiều. Từ những nét mực, trang giấy bỗng hiện lên cả một thế giới đã lùi sâu vào dĩ vãng. Chính cái “phép mầu” kì diệu ấy đã khiến Go-rơ-ki ngồi đọc truyện ngắn *Trái tim bình dị* của Phlô-be, cảm thấy như trong quyển sách có một thứ ảo thuật gì khó hiểu; và Go-rơ-ki đã mấy lần giở tờ giấy ra trước ánh sáng, nhìn qua các dòng chữ để tìm xem có cái bí mật gì ở trong ấy không. [...]

Tác phẩm văn học có sức hấp dẫn làm cho người đọc nhập vào cái thế giới do nhà văn sáng tạo, cùng sống với những nhân vật tưởng tượng như với người thực. Tác phẩm trò chuyện với con người về những sự việc ngoài đời, dần dần dần dần thành ra câu chuyện của người đọc với chính mình. Cái nội dung ở ngoài người đọc chuyển hoá thành chuyện của chính người đọc. Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc tự đặt ra với mình mà suy nghĩ. Mấy câu thơ sau đây của Huy Cận nói về âm nhạc cũng có thể mở rộng cho văn học:

*Nhạc giúp ta mở thêm nghìn chiều rộng,
Nghìn chiều sâu nghe lắng cuộc đời,
Âm thanh hay sức mạnh đất trời!
Ô nhạc sĩ đã thức dậy trong tôi phần tôi sâu thẳm nhất
Để trò chuyện với tôi bằng những lời tôi giấu cất
Trong tận cùng xương tủy.*

(Người bác sĩ)

“Sự khô mòn của tình yêu thương, sự quen cho những cái không tốt, không đúng, không đẹp, sự lười biếng suy nghĩ, sự tính toán cho mình – những cái đó làm cho con mắt người ta thường ngày mờ đi ít nhiều.”. Phẩm chất của con người, những suy nghĩ, tình cảm khát vọng cao đẹp bị cuộc sống vùi dập, mờ đi. Tác phẩm văn học tốt sẽ có tác dụng làm cho con người như “bùng thức tỉnh, tự nhận thấy rõ tâm hồn mình, thực sự tìm thấy mình” (Nguyễn Đình Thi). [...]

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

② Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích. Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố. Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích. Xin lấy một ví dụ, những suy nghĩ của Ta-go (Tagore) khi đọc Sếch-xpia (Shakespeare): “Trong tình yêu thẩm thiết của Rô-mê-ô (Romeo) và Giu-li-ét (Juliet), trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia (Lear), trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô (Othello), có một cái gì làm cho chúng tôi hăng say và phấn khởi. Cuộc đời bó hẹp của chúng ta đã bị ngăn cách bởi một sự đơn điệu làm cho tình cảm sôi nổi không thể xuất hiện trong cuộc sống xã hội, môi trường hoạt động của chúng ta. Tất cả mọi việc của chúng ta đều lặng lẽ và yên ả. Tất nhiên những trái tim của chúng ta khao khát một nguồn thúc đẩy mãnh liệt của những tình cảm sôi nổi trong văn học Anh. Chúng tôi sung sướng thưởng thức nghệ thuật văn học Anh không phải vì thẩm mĩ mà vì trong sự đình trệ của chúng ta, văn học ấy đem đến một làn sóng mãnh liệt, mặc dầu làn sóng ấy có thể mang tất cả cái gì dơ bẩn từ dưới đáy phơi trần lên trên mặt.”. Tuy Ta-go nói “không phải vì thẩm mĩ”, nhưng rõ ràng chính cái thẩm mĩ đã tạo nên xúc động và suy nghĩ ấy của ông.

(NGUYỄN DUY BÌNH, *Dạy văn dạy cái hay – cái đẹp*, NXB Giáo dục, 1983)

Ghi vào vở phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

1. Theo văn bản trên, một tác phẩm văn học được xem là hấp dẫn khi tác phẩm ấy khiến cho người đọc:

- A. Mải mê đọc và quên hết những gì đang diễn ra
- B. Thích thú đi tìm “phép mầu” kì diệu của văn học
- C. Thấy sống dậy cả một thế giới đã lùi sâu vào dĩ vãng
- D. Cùng sống với thế giới do nhà văn sáng tạo ra

2. Câu thơ của Huy Cận: “Nhạc giúp ta mở thêm nghìn chiều rộng / Nghìn chiều sâu nghe lắng cuộc đời”, chiêm nghiệm của Nguyễn Đình Thi về “bùng thức tỉnh, tự nhận thấy rõ tâm hồn mình, thực sự tìm thấy mình” khi đến với văn học cho biết điều gì?

- A. Vai trò của nhà văn đối với nghệ thuật
- B. Sức mệnh của văn hoá nghệ thuật
- C. Chức năng, giá trị của văn hoá nghệ thuật
- D. Khả năng thanh lọc tâm hồn của văn học

3. Hãy sắp xếp lại các ý sau cho đúng với trình tự: luận điểm, các lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đã trình bày ở phần ②:

- A. Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển.
- B. Xin lấy một ví dụ, những suy nghĩ của Ta-go khi đọc Sếch-xpia.
- C. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố.
- D. Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích.
- E. Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích.

4. Nhận xét nào nêu đúng và đầy đủ những đặc điểm chung về ngôn từ trong các câu văn sau?

“Sự khô mòn của tình yêu thương, sự quen cho những cái không tốt, không đúng, không đẹp, sự lười biếng suy nghĩ, sự tính toán cho mình – những cái đó làm cho con mắt người ta thường ngày mờ đi ít nhiều.”.

“Trong tình yêu thẩm thiết của Rô-mê-ô và Giu-li-ét, trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia, trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô, có một cái gì làm cho chúng tôi hằng say và phấn khởi.”.

- A. Giàu nhịp điệu và tính tượng trưng
 - B. Giàu nhịp điệu, hình ảnh và cảm xúc
 - C. Ngôn từ giàu hình ảnh, cảm xúc và cô đọng
 - D. Ngôn từ giàu hình ảnh và ý nghĩa biểu tượng
5. Phương án nào cho thấy đặc điểm của giọng điệu nghị luận trong đoạn văn sau?

“Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích. Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố. Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích. Xin lấy một ví dụ...”.

- A. Độc thoại nhẹ nhàng để chia sẻ thông tin
- B. Mạnh mẽ, sôi nổi để tranh luận về quan điểm
- C. Khuyên răn để thuyết phục nhẹ nhàng
- D. Đối thoại, trao đổi nhằm thuyết phục

6. Ghép các lí lẽ, dẫn chứng ở cột B cho phù hợp với luận điểm ở cột A:

A	B
a) Tác phẩm văn học có sức hấp dẫn làm cho người đọc nhập vào cái thế giới do nhà văn sáng tạo.	1. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố.
b) Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển.	2. <i>Ồ nhạc sĩ đã thức dậy trong tôi phần tôi sâu thẳm nhất Để trò chuyện với tôi bằng những lời tôi giấu cất</i>
	3. Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc.
	4. ... trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia, trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô, có một cái gì làm cho chúng tôi hằng say và phấn khởi.

7. Chỉ ra câu văn cho biết quan điểm của tác giả về sự sáng tạo nghệ thuật trong văn bản trên.

8. Em hiểu ý kiến sau như thế nào: “Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc tự đặt ra với mình mà suy nghĩ.”?

9. Theo em, tác giả muốn làm sáng tỏ luận điểm gì khi đưa ra ví dụ về “những suy nghĩ của Ta-go khi đọc Sếch-xpia”?

10. Vì sao nói: Tác phẩm văn học tốt sẽ có tác dụng làm cho con người như “bừng thức tỉnh”?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Đọc mở rộng các văn bản nghị luận (nghị luận xã hội và nghị luận văn học) bằng cách:

– Tìm đọc các sách, báo về các bài văn nghị luận xã hội và các bài phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.

– Sử dụng Internet để tìm các bài nghị luận theo vấn đề mong muốn, như các chủ đề về tình cảm nhân văn cao đẹp (yêu thương, chia sẻ, cảm thông,...), phê phán những lối sống ích kỉ, gây tổn thương cho người khác,...; về tác giả, tác phẩm, các vấn đề lí luận văn học. (Chú ý: trao đổi với thầy, cô về những nguồn thông tin tin cậy).

2. Tập viết các bài phân tích, bình luận và gửi bài tham gia: câu lạc bộ văn học, báo tường, báo, tạp chí.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Vận dụng hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, về tác giả và thể loại vào việc đọc hiểu các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi.
- ▶ Phân tích và đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm của Nguyễn Trãi, qua đó thấy được vẻ đẹp con người và thơ văn Nguyễn Trãi, những đóng góp của đại thi hào cho sự phát triển của văn học dân tộc.
- ▶ Thực hành phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong văn bản.
- ▶ Viết được bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- ▶ Biết thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội.
- ▶ Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về văn hoá và lịch sử dân tộc, về người Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi.

Kiến thức ngữ văn

1. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội với việc đọc hiểu tác phẩm văn học

– Đọc hiểu tác phẩm luôn gắn liền với việc vận dụng kiến thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. Hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thời kì nhà văn sống với những sự kiện, các mối quan hệ xã hội, sinh hoạt văn hoá đã tác động trực tiếp và gián tiếp tới sáng tác của nhà văn và được phản ánh một cách sâu sắc trong các tác phẩm của họ. Nhiều vấn đề trong các tác phẩm văn học chỉ có thể cắt nghĩa được khi vận dụng các tri thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội vào việc đọc hiểu tác phẩm đó.

– Thời đại Nguyễn Trãi là thời đại đau thương và quật khởi. Đau thương bởi sau hơn bốn thế kỉ độc lập, tự chủ (từ năm 938 đến 1407), dân tộc ta lại rơi vào thảm hoạ mất nước, chịu sự thống trị tàn bạo của giặc Minh xâm lược. Quật khởi bởi đây là giai đoạn truyền thống yêu nước, anh hùng được trỗi dậy và phát huy mạnh mẽ, mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn – cuộc khởi nghĩa gian khổ bậc nhất, thắng lợi huy hoàng bậc nhất trong lịch sử Việt Nam trước năm 1945.

– Nguyễn Trãi là người sống hết mình với thời đại, có những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và sự nghiệp xây dựng đất nước sau khi dân tộc giành lại quyền độc lập, tự chủ.

2. Nghị luận xã hội trung đại

Nghị luận xã hội trung đại thường được viết bằng các thể văn như: chiếu, hịch, cáo, thư,..., phản ánh những vấn đề chính trị, xã hội và có giá trị nghệ thuật cao. Chiếu, cáo thường để ban bố trước dân chúng về những công việc và sự kiện có tính chất quốc gia; thư dùng để trao đổi, thuyết phục người khác trong công việc. Các bài nghị luận xã hội trung đại có một số đặc điểm nổi bật sau đây:

– Là thể văn tổng hợp “văn, sử, triết bất phân”, có sự kết hợp hài hoà giữa lí lẽ và cảm xúc, giữa tư tưởng và tình cảm của người viết; bài văn vừa có tính thuyết phục, vừa giàu màu sắc biểu cảm. Văn nghị luận trung đại thường được viết bằng văn biền ngẫu⁽¹⁾, từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng.

– Trong nhiều bài nghị luận xã hội trung đại, vai trò của người viết rất đặc biệt, tác giả thường là các bậc vua, chúa, thủ lĩnh hoặc được vua, chúa, thủ lĩnh uỷ nhiệm soạn thảo các văn bản. Như việc Nguyễn Trãi thừa lệnh và nhân danh Lê Lợi viết thư từ răn bảo các tướng sĩ của ta và thuyết phục tướng giặc nhà Minh, được tập hợp trong sách *Quân trung từ mệnh tập* (Tập văn từ mệnh trong quân). Nguyễn Trãi cũng được Lê Lợi giao viết *Đại cáo bình Ngô* với danh nghĩa nhà vua để bố cáo thiên hạ về đại thắng của dân tộc,... Các tác giả được uỷ thác thường là những nhà văn hoá lỗi lạc hoặc có địa vị, uy tín cao trong triều đình và xã hội. Văn bản nghị luận do họ soạn thảo không chỉ thể hiện tư tưởng, tình cảm của các bậc vua, chúa, thủ lĩnh, đại diện cho tư tưởng thời đại, ý chí, khát vọng của cả quốc gia, dân tộc, mà còn chứa đựng trí tuệ, tình cảm và tài năng văn chương của mỗi người.

3. Thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn

– Thơ Nôm thất ngôn xen lục ngôn là sự sáng tạo của các nhà thơ Việt Nam trên cơ sở kế thừa thơ Đường luật. Theo các tư liệu hiện còn thì thể thơ này đạt đến đỉnh cao nghệ thuật trong tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Điều đó cho thấy ông là người xây dựng thành công một thể thơ mới theo hướng dân tộc và tập thơ Nôm của ông được đánh giá là thành tựu lớn của thơ ca tiếng Việt.

– Việc xuất hiện các câu lục ngôn (sáu chữ) xen kẽ các câu thất ngôn (bảy chữ) phá vỡ ít nhiều kết cấu của thơ Đường luật thất ngôn, tạo nên các điểm nhấn về cảm xúc, suy tư, hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu,... góp phần mở ra thời kì mới cho sự phát triển của thơ ca tiếng Việt.

(1) *Biền* là ngựa đi sóng đôi; *ngẫu* là từng cặp đôi. Trong văn biền ngẫu, các câu đối nhau từng đôi, từng cặp một về ý và về bằng trắc, từ loại,... tạo nên văn điệu.

4. Biện pháp liệt kê

Liệt kê là biện pháp tu từ, theo đó, người nói, người viết kể ra nhiều sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... trong cùng một câu, một đoạn văn để tạo nên một ấn tượng mạnh, hiệu quả cao trong miêu tả, kể chuyện hoặc biểu lộ tình cảm, cảm xúc. Phép liệt kê được dùng trong cả văn xuôi và văn vần.

Xét theo cấu tạo, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo từng cặp hoặc không theo từng cặp. Ví dụ, trong câu: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả **tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải** để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy." (Hồ Chí Minh), tác giả liệt kê sự vật theo từng cặp: *tinh thần và lực lượng; tính mạng và của cải*. Cách liệt kê này làm nổi bật quyết tâm của dân tộc ta bảo vệ nền độc lập bằng cả sức mạnh tinh thần và vật chất, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng và tài sản của mình.

Xét theo ý nghĩa, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo kiểu tăng tiến hoặc không tăng tiến. Ví dụ, trong ba câu nối tiếp nhau: "Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước." (Hồ Chí Minh), tác giả liệt kê sự vật theo thứ tự tăng dần, từ những vũ khí chuyên dùng để chiến đấu như *súng, gươm* đến những vật dụng hằng ngày như *cuốc, thuổng, gậy gộc* để động viên toàn dân tham gia đánh giặc, giữ nước.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



NGUYỄN TRÃI, NGƯỜI ANH HÙNG CỦA DÂN TỘC

1 Chuẩn bị

Văn bản *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc* của Phạm Văn Đồng là một văn bản nghị luận có tính khái quát về tác giả Nguyễn Trãi. Khi đọc hiểu văn bản này, các em cần chú ý:

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản.

– Đọc văn bản *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc* và tìm hiểu một số thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng và các vấn đề liên quan tới bài viết:

PHẠM VĂN ĐỒNG



Phạm Văn Đồng (1906 – 2000), quê ở Quảng Ngãi

+ Văn bản được viết trong bối cảnh nào? Tác giả là ai? Viết nhằm mục đích gì?

+ Bài nghị luận nêu lên vấn đề gì? Tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu nào để chứng minh cho luận đề, luận điểm của mình? Mối quan hệ giữa các luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đó như thế nào?

+ Ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận là gì? Giá trị của những vấn đề đó đối với thời đại ngày nay và với bản thân người học?

+ Bài nghị luận giúp em hiểu gì về tác giả Nguyễn Trãi và thơ văn của ông?

– *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc* là bài viết của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào năm 1962 nhân Kỷ niệm lần thứ 520 ngày mất của Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi (1380 – 1442) trong giai đoạn cả nước đang tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

2) Đọc hiểu

① Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, văn võ song toàn; văn là chính trị: chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị, ngoại giao, “Muôn thuở nền thái bình vững chắc, / Ngàn năm vết nhọc nhằn sạch lâu”; võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, “Lấy yếu chống mạnh”, “lấy ít địch nhiều”, “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn” (*Bình Ngô đại cáo*); văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao: “Viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời.” (Lê Quý Đôn), “Văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế⁽¹⁾.” (Phan Huy Chú). Thật là một con người vĩ đại về nhiều mặt trong lịch sử nước ta”. [...]

Tìm luận đề của văn bản.

② Nhớ Nguyễn Trãi, chúng ta nhớ người anh hùng cứu nước, người cùng Lê Lợi làm nên sự nghiệp “bình Ngô”, người thảo *Bình Ngô đại cáo*. Nguyễn Trãi là một người yêu nước, yêu nước sâu sắc, mạnh mẽ, thiết tha, với tâm hồn và khí phách của người anh hùng. Đối với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân, để cứu nước phải dựa vào dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người. Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, cuối cùng, chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phần đầu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân.

Câu mở đầu phần ② cho biết nội dung chính của phần này là gì?

Nguyễn Trãi suốt đời mang một hoài bão lớn: làm gì cho dân, người dân làm than khổ cực. Bắt đầu *Bình Ngô đại cáo* có câu “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Chữ “yên” ở đây có nghĩa “an cư lạc nghiệp”, cùng một ý với

Chú ý mối liên hệ giữa hoàn cảnh lịch sử và cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Trãi.

(1) *Kinh bang tế thế*: mở mang đất nước, cứu giúp người đời.

câu ở phần cuối của bài đại cáo: “Muôn thuở nền thái bình vững chắc”. Nguyễn Trãi là tác giả của *Dur địa chí*, một cuốn sách có giá trị về địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị của nước ta thời bấy giờ. Đáng tiếc, Nguyễn Trãi không có đủ cơ hội đem tất cả chí hướng và tài năng của mình cống hiến cho nước, cho dân, cho người đời. Nhưng nghĩ cho cùng không thể khác được. Đối với triều đình nhà Lê lúc bấy giờ, sau khi “bốn biển đã yên lặng”, Nguyễn Trãi nhân nghĩa quá, trung thực quá, thanh liêm quá. Nguồn gốc sâu xa của thâm án vô cùng đau thương của Nguyễn Trãi bị “tru di” ba họ là ở đó. [...]

③ Nhớ Nguyễn Trãi là nhớ người anh hùng cứu nước, đồng thời là nhớ nhà văn lớn, nhà thơ lớn của nước ta. Từ *Bình Ngô đại cáo* qua các bức thư gửi tướng tá quân xâm lược đến thơ chữ Hán và chữ Nôm,... ngòi bút thần của Nguyễn Trãi để lại cho chúng ta những tác phẩm gồm nhiều thể văn và tất cả đều đạt đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường! Nhiều tài hoa như vậy dồn lại ở một con người, thật là hiếm có!

Câu mở đầu phần ③ cho biết nội dung chính của phần này là gì?

Bình Ngô đại cáo là khúc ca hùng tráng bất hủ của dân tộc ta. Hãy nghe Nguyễn Trãi lên án giặc ngoại xâm:

- *Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội⁽¹⁾,*
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
- *Ngẫm thù lớn há đội trời chung,*
Căm giặc nước thề không cùng sống.

Tác giả đã vận dụng tri thức về thơ văn của Nguyễn Trãi như thế nào?

- Và đây là mấy câu diễn tả thế thắng của quân ta:
- *Guom mài đá, đá núi cũng mòn,*
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 - *Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,*
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng,
Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh⁽²⁾.

Rồi đến đoạn cuối, lúc dẹp xong giặc ngoại xâm:

(1) Người xưa thường dùng thẻ trúc để ghi chép; Nam Sơn (Trung Quốc) là nơi có rừng trúc. Câu thơ ý nói tội ác của giặc nhiều không thể ghi chép hết.

(2) *Thần vũ chẳng giết hại*: ý nói uy vũ thần thánh thiêng liêng có sức mạnh chiến thắng mà không cần phải sát hại kẻ thù. *Hiếu sinh*: quý trọng sinh mạng con người.

*Xã tắc⁽¹⁾ từ đây vững bền,
Giang sơn từ đây đổi mới.
Kiền khôn bĩ rồi lại thái⁽²⁾,
Nhật nguyệt hối rồi lại minh⁽³⁾.
Muôn thuở nền thái bình vững chắc,
Ngàn năm vết nhục nhã sạch lâu.*

Những bức thư gửi tướng tá giặc trong *Quân trung từ mệnh tập* mà Phan Huy Chú cho là “có sức mạnh như mười vạn quân” là mẫu mực của tài hùng biện. Hãy nghe Nguyễn Trãi kể tội Phương Chính: “Bảo mày giặc dữ Phương Chính: Đạo làm tướng lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cảnh. Nay bọn mày chỉ chuyên lừa dối, giết hại kẻ vô tội, hãm người vào chỗ chết mà không xót thương. Việc ấy trời đất không dung, thần người đều giận, cho nên liền năm chinh phạt, hằng đánh hằng thua.”.

Nguyễn Trãi không quên bọn nguy, quân và quan lúc bấy giờ. Trong một bức thư gửi cho chúng, Nguyễn Trãi viết:

“Người xưa có nói: “Qua đi, lại quay về quê cũ, cáo chết quay đầu về núi”. Cầm thú còn thể, huống nữa là người? [...] Quân ta đi đến đâu, nghĩa thanh vang dậy; dân chúng bốn phương cống đệu nhau mà kéo đến theo ta. Bọn các người nếu biết rửa lòng đổi dạ, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở làm nội ứng, hoặc ra để đầu hàng, thì không những rửa mối hổ thẹn ngày trước, mà cũng được phần soi xét về sau. Ta không nói lời rồi lại ăn lời. Nếu các người lại còn tiếc tham nguy chức, chống cự vương sư, thì khi hãm thành, tội ác các người tất nặng hơn giặc Ngô đây.”.

Phải nói rõ rằng, Nguyễn Trãi, một mặt vạch tội ác quân xâm lược và kiên quyết đánh chúng, mặt khác luôn luôn cố gắng hết sức mình để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh cứu nước một cách đỡ tổn thất nhất, đồng thời sớm khôi phục bang giao bình thường với Trung Quốc nhà Minh. Trong một bức thư gửi Vương Thông, người chỉ huy quân xâm lược, Nguyễn Trãi đem hết tài hùng biện của mình để chỉ rõ thể tất bại của địch. [...] Biết rằng Vương Thông chỉ còn mong chờ viện binh nên bức thư nhấn mạnh: “Người xưa có câu: “Nước xa không thể cứu lửa gần”. Giá viện binh có đến, cũng chẳng ích gì cho sự bại vong.”. Cuối cùng Nguyễn Trãi đưa sào cho Vương Thông: “Nếu muốn kéo quân về nước, thì cầu đường sửa sang, thuyền ghe sắm đủ, thủy bộ hai đường, tùy theo ý muốn, đưa quân ra khỏi cõi, yên ổn muôn phần.”.

Nguyễn Trãi quả thật là một nhà chính trị có tầm mắt cao xa, rộng lớn, đồng thời là một nhà ngoại giao khôn khéo.

(1) *Xã tắc*: nơi tế thần đất gọi là xã, nơi tế thần lúa gọi là tắc. Nghĩa bóng chỉ đất nước, bờ cõi.

(2) *Kiền khôn* (hoặc càn, khôn): hai quẻ trong *Kinh Dịch* chỉ trời, đất. *Bĩ*: bế tắc; *thái*: thông suốt. *Bĩ rồi lại thái*: qua cơn bế tắc, trở lại thái bình.

(3) *Hối rồi lại minh*: tối rồi lại sáng.

Về thơ của Nguyễn Trãi, chúng ta nên quý trọng hơn nữa thơ chữ Nôm, tiếng ta của Nguyễn Trãi, đó là vốn quý của văn học dân tộc. Bình luận về thơ tưởng không bằng đọc một vài câu thơ:

Nước biếc non xanh, thuyền gối bãi

Đêm thanh nguyệt bạc, khách lên lầu...

Thơ của Nguyễn Trãi hay là như vậy! Vườn văn học của nước nhà có những hoa quả đẹp và thơm ngon, thế mà chúng ta hình như chưa thấy hết giá trị. Tiếng nói của chúng ta có cái giàu và đẹp, phải biết yêu quý, sử dụng, trau dồi, vì sao lại phải đi mượn ở đâu đâu?

Thơ của Nguyễn Trãi là tâm hồn của Nguyễn Trãi, trong sáng và đầy sức sống. Có người nói thơ của Nguyễn Trãi buồn vì cảnh đời của ông buồn. Thơ của Nguyễn Trãi có bài buồn, có câu buồn, vì lẽ gì chúng ta đều biết, nhưng cả tập thơ của Úc Trai là thơ của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn của Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui.

④ Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã ca ngợi Nguyễn Trãi như sau: “Gió thanh hây hây giắc vàng, người như một ông tiên ở trong toà ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước từ xưa chưa có bao giờ...”. Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên, Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lồng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng người dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta.

Kỉ niệm Nguyễn Trãi là nhớ Nguyễn Trãi, nhắc Nguyễn Trãi, làm quen với Nguyễn Trãi hơn nữa: người làm chính trị, người làm quân sự, người nghiên cứu lịch sử nước nhà, người làm văn, làm thơ đều nên hiểu biết, học hỏi Nguyễn Trãi hơn nữa.

Vì sao cần phải quý trọng hơn nữa thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi?

Chú ý việc nêu bằng chứng rồi lật lại vấn đề để khẳng định quan điểm của tác giả.

Vì sao những người ở các lĩnh vực khác nhau đều có thể học hỏi ở Nguyễn Trãi?

(Bảo Nhân Dân, ngày 19-9-1962)

?

1. Từ những nội dung được thể hiện trong văn bản *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc*, xác định mục đích của tác giả khi viết bài nghị luận; chỉ ra sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung của bài viết.

2. Xác định quan điểm (luận đề), các luận điểm mà tác giả đã nêu lên trong bài nghị luận. Phân tích và làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố đó.

3. Tác giả đã vận dụng hiểu biết về bối cảnh lịch sử, xã hội như thế nào khi bàn về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi?

4. Hãy chỉ ra những biểu hiện cụ thể của việc tác giả đã vận dụng thơ văn Nguyễn Trãi để làm sáng tỏ nhiều luận điểm của mình trong phần ② và ③ của văn bản.

5. Sau khi đọc bài viết của Phạm Văn Đồng và từ những tư liệu tìm kiếm được, em hãy bổ sung thêm thông tin về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi (Lưu ý: Các tư liệu đều phải có nguồn rõ ràng).

6. Bài viết của Phạm Văn Đồng đã giúp em hiểu được gì về cuộc đời và thơ của người Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi, về vị trí, đóng góp của ông cho lịch sử văn hoá dân tộc? Hãy viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu lên bài học mà em rút ra được từ cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi.



BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO^(*)

(Đại cáo bình Ngô)

NGUYỄN TRÃI

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và nội dung bài *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc* (Phạm Văn Đồng) để vận dụng vào đọc hiểu văn bản *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi.

– Tìm hiểu và ghi chép thêm thông tin về Nguyễn Trãi giúp cho việc đọc hiểu văn bản này. Chú ý các thông tin chính sau đây:

a) Nguyễn Trãi sinh năm 1380, hiệu làỨc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương), sau dời về làng Ngọc Ổi, xã Sơn Nam Thượng, huyện Thượng Phúc, lộ Đông Đô (nay thuộc Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Ứng Long (sau đổi tên là Nguyễn Phi Khanh), đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) thời Trần.



Nguyễn Trãi (1380 – 1442),
đại thi hào, Anh hùng dân tộc –
Danh nhân văn hoá

(*) Tên bài đại cáo là do người đời sau đặt. *Đại Việt sử kí toàn thư* (quyển 10, Kỉ nhà Lê), cuốn sách đầu tiên chép văn bản *Bình Ngô đại cáo* có ghi: “Sau khi dẹp (bình) yên giặc Ngô, vua ban *đại cáo*...”. Giặc Ngô ở đây chỉ nhà Minh vì Minh Thành Tổ – hoàng đế khai quốc của nhà Minh vốn là người đất Ngô.

Mẹ là Trần Thị Thái, con quan Tư đồ (chức ngang Tể tướng) Trần Nguyên Đán. Dòng họ bên nội, bên ngoại của Nguyễn Trãi đều có truyền thống yêu nước, truyền thống văn hoá, văn học.

Năm 1400, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, hai cha con ông đều ra làm quan nhà Hồ. Năm 1406, giặc Minh cướp nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị bắt sang Trung Quốc. Tương truyền, Nguyễn Trãi để giữ tròn đạo hiếu định đi cùng cha, nhưng nghe lời cha dặn, ông đã quay về tìm đường cứu nước. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, dâng *Bình Ngô sách* (Kế sách đánh đuổi quân Minh), cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc việc quân, vạch ra đường lối chiến lược của cuộc khởi nghĩa. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi soạn thảo chiếu lệnh, văn thư, đấu tranh ngoại giao với quân Minh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Cuối năm 1927 đầu năm 1928, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Đại cáo bình Ngô*. Sau ngày hoà bình lập lại, Nguyễn Trãi đem hết tâm huyết, tài năng, sức lực tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước. Tuy nhiên, do những mâu thuẫn nội bộ của triều đình phong kiến, do bọn quyền thần, gian thần lộng hành, Nguyễn Trãi không còn được tin dùng như trước. Ông lui về ở ẩn tại Côn Sơn nhưng rồi lại hăm hở ra giúp đời, giúp nước khi được vua Lê Thái Tông trọng dụng. Giữa lúc Nguyễn Trãi đang giữ trọng trách công việc quốc gia thì năm 1442 xảy ra vụ án Lê Chi viên (Trại Vải ở Gia Lương, Bắc Ninh) đầy oan khuất khiến ông bị khép tội “tru di tam tộc” (giết cả ba họ). Năm 1464, Lê Thánh Tông đã minh oan cho Nguyễn Trãi, cho sưu tầm lại thơ văn của ông. Năm 1980, nhân Kỷ niệm 600 năm sinh của ông, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) đã vinh danh Nguyễn Trãi là Danh nhân văn hoá kiệt xuất.

b) Nguyễn Trãi là một tài năng lỗi lạc về tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hoá, văn học,... Ngoài những đóng góp quan trọng trong các hoạt động thực tiễn, ông còn để lại một di sản to lớn trên các lĩnh vực với nhiều tác phẩm có giá trị: *Tập văn từ lệnh trong quân*, *Đại cáo bình Ngô*, *Ức Trai thi tập*,... Các tác phẩm trên đều được viết bằng chữ Hán. Nguyễn Trãi có tập thơ viết bằng chữ Nôm *Quốc âm thi tập* đánh dấu sự hình thành, phát triển của thơ ca tiếng Việt.

“Yêu nước thương dân” và “nhân nghĩa vì dân” là hai nội dung lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi. Ông luôn đau đáu một tấm lòng vì nước: “Đêm ngày cuộn cuộn nước triều Đông” (*Thuật hứng* – Bài 5), chiến đấu quên mình để giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ giặc Minh, đề cao nhân nghĩa cứu nước, cứu dân (*Đại cáo bình Ngô*). Ông không chỉ đề cao vai trò của người dân là “gốc của nước”, “lật thuyền mới biết sức dân như nước” (*Quan hải*) mà còn biết ơn họ: “Ăn lộc biết ơn kẻ cấy cày” (*Bảo kính canh giới* – Bài 19).

Thơ văn Nguyễn Trãi phản ánh bức chân dung Nguyễn Trãi với vẻ đẹp của sự hài hoà giữa một vĩ nhân và một con người hết sức đời thường. Tìm hiểu thơ văn của ông, ta sẽ thấy một Nguyễn Trãi vô cùng gần gũi, bình dị. Đó là người con chí hiếu, luôn canh cánh nỗi niềm chưa báo đáp công ơn sinh thành: “Tình phụ cơm trời, áo cha” (*Ngôn chí* – Bài 7). Đó là người bạn chí tình, qua bao thăng trầm, thành bại của cuộc đời vẫn hẹn ước có buổi về lại nơi quê nhà cùng bạn vác cuốc ra đồng trong một ngày xuân: “Nhị Khê năm khác hẹn / Nón chụp cuốc xuân nhà” (*Tặng bạn*). Nguyễn Trãi yêu thương, gắn bó với quê hương từ một ánh trăng trên bến Bình Than, một con đường làng Chi Ngại, một dòng suối, một cây tùng nơi “núi nhà” Côn Sơn,... Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên, chan hoà cùng tạo vật: “Núi láng giềng, chim bầu bạn / Mây khách khứa, nguyệt anh tam” (*Thuật hứng* – Bài 19). Ước Trãi nâng niu, giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên, cũng là giữ gìn môi trường sống tự nhiên: “Rừng tiếc (muốn) chim về ngại phát cây” (*Mạn thuật* – Bài 6),... Đến với thơ văn Nguyễn Trãi, chúng ta đến với một con người vừa lớn lao, cao cả, vừa rất đời thường, gần gũi. Trên hai trụ cầu dân tộc và nhân bản, thơ văn Nguyễn Trãi nối xưa với nay, nối Việt Nam với nhân loại.

c) Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm *Đại cáo bình Ngô*: Cuối tháng 12 năm Đinh Mùi, 1427, sau khi chiến tranh kết thúc, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết Đại cáo, trình trọng tuyên bố trước toàn dân: cuộc kháng chiến của nhân dân Đại Việt chống quân Minh xâm lược đã toàn thắng, khẳng định chủ quyền độc lập của nước Đại Việt. *Đại cáo bình Ngô* được đánh giá là áng “thiên cổ hùng văn” (áng văn hùng tráng muôn đời), là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc”.

Bài Đại cáo được viết bằng văn biên ngẫu, bố cục gồm bốn phần.

2 Đọc hiểu



Trang đầu bài *Đại cáo bình Ngô*
trong *Đại Việt sử ký toàn thư*

① Việc nhân nghĩa⁽¹⁾ cốt ở yên dân⁽²⁾,

Quân điều phạt⁽³⁾ trước lo trừ bạo.

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến⁽⁴⁾ đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu⁽⁵⁾, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế
một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung⁽⁶⁾ tham công nên thất bại, Triệu Tiết⁽⁷⁾ thích lớn phải tiêu vong.

Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô,

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã⁽⁸⁾.

Việc xưa xem xét,

Chứng cứ còn ghi.

② Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà,

Đề trong nước lòng dân oán hận.

Chỉ ra luận đề và tác dụng của nghệ thuật đối trong các câu văn biến ngẫu.

Những tư tưởng, chân lí khách quan nào được khẳng định làm căn cứ triển khai toàn bộ nội dung bài Đại cáo?

(1) *Nhân nghĩa*: nhân là yêu thương, quý trọng con người; nghĩa là theo lẽ phải. *Nhân nghĩa* là lòng thương người và tôn trọng lẽ phải, điều phải.

(2) *Yên dân*: đem lại cho người dân cuộc sống bình yên, no ấm.

(3) *Điều phạt*: hai chữ này được rút gọn từ cụm từ “điều dân phạt tội” trong *Kinh thư* với ý: vì thương dân (điều) mà trừng phạt kẻ có tội.

(4) *Văn hiến*: nước có truyền thống văn hoá, văn minh và hiền tài thì gọi là nước văn hiến (văn: theo quan niệm thời Nguyễn Trãi dùng để chỉ ngôn ngữ, văn tự, thư tịch, văn chương, giáo dục khoa cử, điển chương chế độ, phong tục,...; hiến: chỉ người hiền tài).

(5) Theo quan niệm của một số sử gia thời trung đại (như nhóm Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử kí toàn thư*) thì thời kì nhà Triệu cai trị nước ta (từ 207 đến 137 trước Công nguyên) cũng được coi là một triều đại của Đại Việt.

(6) *Lưu Cung*: vua Nam Hán, năm 938, sai con là Hoảng Tháo đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại trên sông Bạch Đằng.

(7) *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống cùng Quách Quỳ đem quân xâm chiếm Đại Việt bị Lý Thường Kiệt đánh đuổi trên phòng tuyến sông Như Nguyệt năm 1076.

(8) *Toa Đô, Ô Mã*: hai tướng nhà Nguyên. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Kỉ nhà Trần) thì Ô Mã Nhi bị quân dân nhà Trần bắt sống trong trận Bạch Đằng (1288), sau thả cho về nước, trên đường về thì thuyền bị đắm và chết đuối trên sông Bạch Đằng.

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ,
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen⁽¹⁾ trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ⁽²⁾ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế,
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm.
Bại⁽³⁾ nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng,
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.
Vết sân vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng,
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm⁽⁴⁾ đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.
Nặng nề những nỗi phu phen,
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần nhân chịu được?

Chú ý giọng điệu của đoạn cáo trạng và hệ thống hình ảnh, cách nêu chứng cứ để kết tội kẻ thù.

③ Ta đây:

3a. Núi Lam sơn đây nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình.
Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
Căm giặc nước thề không cùng sống.
Đau lòng, nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời,
Ném mật, nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Chú ý việc tác giả hoá thân vào Lê Lợi để diễn tả nỗi lòng của lãnh tụ cuộc khởi nghĩa.

(1), (2) *Dân đen, con đỏ*: chỉ người dân thường.

(3) *Bại*: làm cho hư hỏng.

(4) *Lưới, cạm*: dụng cụ đánh bắt chim, thú. *Chim trả, hươu đen*: động vật quý hiếm.

Quên ăn vì giận, sách lược thao⁽¹⁾ suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế⁽²⁾ đắn đo cang kị.

Những trần trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi⁽³⁾.

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu.

Việc bôn tẩu⁽⁴⁾ thiếu kẻ đỡ đần,
Nơi duy ác⁽⁵⁾ hiểm người bàn bạc.

Chỉ vì:

Tám lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông⁽⁶⁾,
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả⁽⁷⁾.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như chốn bể khơi;
Tự ta, ta phải độc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phản vì giận quân thù ngang dọc,
Phản vì lo vận nước khó khăn.

Khi Linh Sơn⁽⁸⁾ lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện⁽⁹⁾ quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nghĩa quân đã gặp những khó khăn nào và điều gì đã giúp họ vượt qua?

(1) *Sách lược thao*: sách dạy về cách dùng binh, đánh trận.

(2) *Hưng phế*: hưng là thịnh vượng; *phế* là tàn lụi. *Lẽ hưng phế* là nói về quy luật hưng thịnh và suy tàn của các triều đại.

(3) *Đồ hồi*: mưu tính việc khôi phục lại đất nước.

(4) *Bôn tẩu*: chạy ngược, chạy xuôi lo công việc.

(5) *Duy ác*: màn che. Ở đây chỉ nơi bộ chỉ huy nghĩa quân bàn bạc mưu kế đánh giặc.

(6) *Tiến về đông*: mượn điển từ *Hán thư* để nói việc nghĩa quân từ núi rừng Lam Sơn muốn tiến ra Đông Đô.

(7) *Dành phía tả*: lấy ý từ chuyện Tín Lãng Quân nước Ngụy (Trung Quốc) nghe nói Hầu Doanh là người hiền tài, đưa xe đi đón, mời ngồi bên tả (trái), bên được tôn trọng hơn. Ở đây ý nói Lê Lợi trân trọng nhân tài, mong muốn tìm được người hiền tài ra giúp nước.

(8) *Linh Sơn*: núi Chí Linh thuộc huyện Lang Chánh, Thanh Hoá.

(9) *Khôi Huyện*: vùng gần huyện Nho Quan, Ninh Bình. Có ý kiến cho rằng địa danh này ở gần Bá Thước, Thanh Hoá.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc⁽¹⁾, ngọn cờ phấp phới,
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông⁽²⁾, chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kì⁽³⁾, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

3b. Trọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân⁽⁴⁾ để thay cường bạo.
Trận Bỏ Đàng sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân⁽⁵⁾ trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng,
Quân thanh⁽⁶⁾ càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh⁽⁷⁾ quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm,
Tốt Động⁽⁸⁾ thầy chắt đầy nội, như để ngàn năm.
Phúc tâm⁽⁹⁾ quân giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Một gian⁽¹⁰⁾ kẻ thù, Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy,
Mã Anh cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bỏ tay để đợi bại vong, giặc đã tri cùng lực kiệt,

Nhịp điệu câu văn diễn tả cuộc chiến đấu và các chiến công ở đây có gì đặc biệt?

Cách thể hiện khí thế chiến thắng của quân ta và thất bại của quân Minh ở đây có gì khác với đoạn trước?

(1) *Dựng cần trúc*: lấy điển cũ nói về Trần Thắng, Ngô Quang khởi nghĩa chống lại chế độ bạo tàn của nhà Tần. Do việc chuẩn bị khởi nghĩa quá gấp gáp, không kịp may cờ, giờ cần trúc làm cờ để tiến quân. *Dựng cần trúc* mang tính biểu tượng chỉ các cuộc khởi nghĩa.

(2) *Hoà nước sông*: theo điển trong sách *Văn tuyển*: xưa có viên tướng giỏi, được biếu một bình rượu quý, bèn đổ xuống dòng sông để quân sĩ đang tham gia chiến trận cùng được uống, tỏ ý chia ngọt, sẻ bùi, đoàn kết một lòng cùng nhau đánh giặc. Ở Thanh Hoá, huyện Lang Chánh có truyền thuyết về *Suối rượu*, huyện Thường Xuân có truyền thuyết *Hòn đá khao* kể tích Lê Lợi đổ rượu xuống sông, bày tiệc để khao quân sĩ.

(3) *Thế trận xuất kì*: thế trận đánh bất ngờ vào nơi quân địch không đề phòng.

(4) *Chí nhân*: lòng nhân nghĩa ở mức độ cao.

(5) *Bỏ Đàng*: một ngọn núi thuộc Quỳnh Châu, Nghệ An; *Trà Lân*: thuộc huyện Con Cuông, Nghệ An.

(6) *Sĩ khí, quân thanh*: chí khí và thanh thế của quân sĩ.

(7) *Tây Kinh*: tức thành Tây Đô do Hồ Quý Ly (1336 – 1407) xây dựng ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

(8) *Ninh Kiều, Tốt Động*: đều thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội ngày nay.

(9) *Phúc tâm*: người đáng tin cậy.

(10) *Một gian*: kẻ gian tà sâu mọt. *Phúc tâm... Một gian*: ý nói tướng giặc từ kẻ được chúng tin cậy đến kẻ gian tà sâu mọt đều bị ta tiêu diệt.

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công⁽¹⁾.

Tướng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ,

Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.

Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,

Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế:

Thăng nhải con Tuyên Đức⁽²⁾ động binh không ngừng,

Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy.

Đình Mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn⁽³⁾ kéo lại,

Năm ấy tháng Mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong,

Sau lại sai tướng chen đường, tuyệt nguồn lương thực.

Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế,

Ngày hai mươi, trận Mã Yên⁽⁴⁾, Liễu Thăng cụt đầu.

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong,

Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn.

Thuận đà, ta đưa lưỡi dao tung phá,

Bí nước, giặc quay mũi giáo đánh nhau.

Lại thêm quân bốn mặt vây thành,

Hẹn đến giữa tháng Mười diệt giặc.

Sĩ tốt kén người hùng hổ,

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận, sạch không kình ngạc⁽⁵⁾,

Đánh hai trận, tan tác chim muông.

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hồng sứt toang đẽ vỡ.

Đồ đốc Thôi Tụ lê gỏi dâng tờ tạ tội,

Tính chất hùng tráng, hào sảng của đoạn văn được thể hiện thế nào qua việc sử dụng hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu câu văn, cách so sánh,...?

(1) *Mưu phạt*: dùng mưu lược để đập tan mọi âm mưu, quỷ kế của địch; *tâm công*: đánh vào lòng người, dùng lí lẽ nhân nghĩa để làm tan rã tư tưởng, tinh thần đối phương.

(2) *Tuyên Đức*: niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh. Khi lên ngôi mới 16 tuổi, đã điều binh tiếp viện cho đội quân xâm lược Đại Việt.

(3), (4) *Khâu Ôn, Mã Yên*: địa điểm thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(5) *Kình ngạc* (*kình*: cá voi, là loại cá to, mạnh; *ngạc*: cá sấu, rất hung dữ): ở đây chỉ sức mạnh và sự hung dữ của quân giặc.

Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng.
 Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chắt đầy đường,
 Xương Giang⁽¹⁾, Bình Than⁽²⁾, máu trôi đỏ nước.
 Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,
 Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.
 Bị ta chặn ở Lê Hoa⁽³⁾, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật,
 Nghe Thăng thua ở Cần Trạm⁽⁴⁾, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
 Suối Lãnh Câu máu chảy trôi chày⁽⁵⁾, nước sông ghen ngào tiếng khóc,
 Thành Đan Xá⁽⁶⁾ thầy chắt thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
 Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
 Quân giặc các thành khốn đốn, cỡi giáp ra hàng.
 Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng,
 Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời, ta mở đường hiếu sinh.
 Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc,
 Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
 Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng,
 Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
 Chẳng những mưu kế kì diệu,
 Cũng là chưa thấy xưa nay.

④ Xả tắc từ đây vững bền,
 Giang sơn từ đây đổi mới.
 Kiền khôn bĩ rồi lại thái,
 Nhật nguyệt hối rồi lại minh.
 Muôn thuở, nền thái bình vững chắc,
 Ngàn thu vết nhục nhã sạch lâu.
 Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng ngấm giúp đỡ mới được như vậy.
 Than ôi!

Phán kết đã thể hiện tư tưởng, khát vọng gì của dân tộc và với một cảm xúc nghệ thuật như thế nào?

(1) *Lạng Giang, Xương Giang*: địa danh thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) *Bình Than*: thuộc vùng Phả Lại (Hải Dương) ngày nay.

(3) *Lê Hoa*: một cửa ải xưa, giữa Lào Cai (Việt Nam) và Vân Nam (Trung Quốc).

(4) *Cần Trạm*: một địa điểm ở vùng Kép (Bắc Giang).

(5) *Máu chảy trôi chày*: điển lấy từ *Kinh Thư*. Ý nói cuộc chiến ác liệt, đầm máu. Chày là một loại vũ khí thời xưa.

(6) *Lãnh Câu, Đan Xá*: những địa danh ở gần Lê Hoa.

Một cỗ nhung y⁽¹⁾ chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm,
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo,
Ai nấy đều hay.

(Đại cáo do văn thần Nguyễn Trãi soạn thảo)⁽²⁾

(Theo bản dịch của BÙI KỶ, BÙI VĂN NGUYỄN
trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1976;
tham khảo *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam*, tập một, NXB Giáo dục, 2004)

?

1. Tìm hiểu bài *Bình Ngô đại cáo* theo bố cục sau và tóm tắt nội dung cơ bản của từng phần:

- Phần mở đầu (“Việc nhân nghĩa... chứng cớ còn ghi”).
- Phần 2 (“Vừa rồi... Ai bảo thần nhân chịu được”).
- Phần 3 (“Ta đây... Cũng là chưa thấy xưa nay”).
- Phần kết (“Xã tắc từ đây... Ai nấy đều hay”).

Chỉ ra mối liên hệ giữa các phần trong tác phẩm này và cho biết: Bài Đại cáo viết về vấn đề gì?

2. Tư tưởng nổi bật được thể hiện xuyên suốt *Bình Ngô đại cáo* là gì? Hãy làm sáng tỏ tư tưởng ấy.

3. Chọn một đoạn tiêu biểu trong bài Đại cáo, phân tích để thấy được tác dụng của nghệ thuật lựa chọn hình ảnh, ngôn từ, nghệ thuật đối và nhịp điệu của câu văn biến ngẫu đã tạo nên âm hưởng của *Bình Ngô đại cáo*.

4. Hãy phân tích vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài Đại cáo qua các dẫn chứng cụ thể.

5. Quan niệm về quốc gia, dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong bài Đại cáo như thế nào? Vì sao *Bình Ngô đại cáo* được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” của dân tộc?

6. Theo em, những bài học lịch sử nào được Nguyễn Trãi thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo*? Bài học nào em thấy vẫn có ý nghĩa với ngày nay?

7. Vận dụng những hiểu biết về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Trãi, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) triển khai ý chính sau đây: “Nguyễn Trãi không chỉ là người anh hùng đánh giặc mà còn là nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc.”.

(1) Nhung y: áo giáp mặc ra trận. Ở đây chỉ việc đánh trận.

(2) Nguyễn chủ trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (Quyển 10, Kỉ nhà Lê), Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.



BẢO KÍNH CẢNH GIỚI (BÀI 43)

(Gương báu khuyên răn)

NGUYỄN TRÃI

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và những hiểu biết về Nguyễn Trãi trong các bài đã học để đọc bài *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43).

– *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43) là bài thơ Nôm Đường luật viết theo thể thất ngôn xen lục ngôn của Nguyễn Trãi trong tập thơ *Quốc âm thi tập*, mục *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu khuyên răn).

– Đọc trước bài thơ; tìm hiểu kĩ các chủ thích để hiểu rõ các từ Việt cổ.

2 Đọc hiểu

Rồi⁽¹⁾ hóng mát thuở ngày trường⁽²⁾,
Hoè⁽³⁾ lục đùn đùn tán rợp giương⁽⁴⁾.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ⁽⁵⁾,
Hồng liên⁽⁶⁾ tri⁽⁷⁾ đã tiễn⁽⁸⁾ mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ⁽⁹⁾,
Dắng dỏi⁽¹⁰⁾ cầm ve⁽¹¹⁾ lầu tịch dương⁽¹²⁾.

Chú ý số chữ trong các câu; những từ thuần Việt; động từ; từ chỉ màu sắc, hương vị, âm thanh trong bài thơ.

(1) *Rồi*: nhàn, rỗi.

(2) *Thuở ngày trường*: thuở ngày dài.

(3) *Hoè*: một loại cây mùa hè ra hoa có màu vàng tươi. Hình tượng cây hoè xum xuê, tươi tốt là biểu trưng cho sự thanh bình, phát đạt, sum họp.

(4) *Tán rợp giương*: tán cây toả rộng che rợp mặt đất.

(5) Cây thạch lựu nở hoa đỏ thắm vào mùa hè (*thức*: màu).

(6) *Hồng liên*: sen hồng.

(7) *Tri*: ao.

(8) *Tiễn*: đẩy, thừa; nghĩa trong câu là ngát hoặc nức. *Tiễn mùi hương*: ngát mùi hương.

(9) *Làng ngư phủ*: làng nghề chài lưới đánh bắt cá.

(10) *Dắng dỏi*: tiếng kêu liên tục không dứt.

(11) *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn.

(12) *Tịch dương*: nắng chiều.

Lẽ có⁽¹⁾ Ngu cầm⁽²⁾ đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi⁽³⁾ phương.

(Quốc âm thi tập, PHẠM LUẬN phiên âm và chú giải,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)



1. Bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43) viết về chủ đề gì? Từ chủ đề bài thơ, em có suy nghĩ gì về việc tác phẩm được đặt trong mục *Bảo kính cảnh giới* của tập *Quốc âm thi tập*?
2. Phân tích vai trò của các từ chỉ màu sắc, âm thanh, từ láy và phép đối trong việc thể hiện cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống trong bài thơ.
3. Điểm khác biệt về hình thức của bài thơ này so với các bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật là gì? Nêu ý nghĩa của sự khác biệt đó.
4. Phân tích mối quan hệ giữa cảnh và tình trong bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43).
5. Theo em, bài thơ đã thể hiện tâm trạng và mong ước gì của Nguyễn Trãi?
6. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi qua bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Hai câu in đậm dưới đây áp dụng biện pháp tu từ nào để khẳng định chủ quyền quốc gia và nền độc lập của nước ta? Tên các triều đại Việt Nam, Trung Hoa được sắp xếp như thế nào?

*Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Nguyễn Trãi)

2. Tìm trong các câu dưới đây những cụm từ liệt kê sự vật, hoạt động, trạng thái theo từng cặp. Cho biết tác dụng của cách liệt kê đó.

(1) *Lẽ có*: lẽ ra nên có.

(2) *Ngu cầm*: đàn của vua Ngu Thuần. Ngu là tên một triều đại huyền thoại do vua Thuần lập nên, nơi thanh bình, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

(3) *Đòi*: nhiều, muốn.

a) Dưới con mắt sáng suốt đầy nhiệt tình của chúng ta, Nguyễn Trãi, đời sống và hoạt động, tâm tư và chí hướng, thơ và văn, tóm lại toàn bộ sự nghiệp và con người của Nguyễn Trãi sống dậy, lớn lên và hướng tới chúng ta. (Phạm Văn Đồng)

b) Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, cuối cùng, chẳng qua là lòng yêu nước, thương dân: cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân. (Phạm Văn Đồng)

c) Ngòi bút của Nguyễn Trãi để lại cho chúng ta những tác phẩm gồm nhiều thể văn và tất cả đều đạt đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường! (Phạm Văn Đồng)

3. Tìm biện pháp liệt kê trong các câu dưới đây. Ngoài cách sắp xếp từ ngữ trong phép liệt kê của tác giả, em có thể sắp xếp lại như thế nào? Giải thích cách sắp xếp từ ngữ của em.

a) Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lồng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng người dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc.

b) Kỉ niệm Nguyễn Trãi là nhớ Nguyễn Trãi, nhắc Nguyễn Trãi, làm quen với Nguyễn Trãi hơn nữa: người làm chính trị, người làm quân sự, người nghiên cứu lịch sử nước nhà, người làm văn, làm thơ đều nên hiểu biết, học hỏi Nguyễn Trãi hơn nữa. (Phạm Văn Đồng)

c) Muốn biến hoài bão đó thành hiện thực thì trong hành trang của chúng ta càng cần đến tinh cần cù, lòng hiếu học, trí thông minh. (Vũ Khoan)

4. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) bàn về giá trị nội dung của Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi); trong đoạn văn đó có sử dụng biện pháp liệt kê. Nhận xét về tác dụng tu từ của biện pháp này.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1 Định hướng

a) Kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội đã được học ở Bài 1. Ở đây, tiếp tục rèn luyện viết bài nghị luận xã hội, nhưng bàn về một tư tưởng, đạo lí. Đọc văn bản sau đây và lí giải: Vì sao văn bản này được coi là bài nghị luận về một vấn đề xã hội?

Sự nghiệp anh hùng của một dân tộc bao gồm sự nghiệp của những người trí thức.

Nguyễn Trãi luôn coi mình là trí thức và ông đã có những đóng góp vẻ vang của người trí thức vào sự nghiệp của dân tộc anh hùng. Là trí thức, đó là niềm vinh dự và đó cũng là nỗi khổ đau đã theo đuổi Nguyễn Trãi suốt cả cuộc đời [...].

Ưu hoạn⁽¹⁾ của Nguyễn Trãi là ưu hoạn của người gắn bó với nhân dân, là ưu hoạn của bản thân nhân dân, là ưu hoạn đã tạo nên chính sự nghiệp của người trí thức.

Sao có thể gọi là trí thức những kẻ chỉ lo lắng cho bản thân và chỉ băn khoăn trước sự mất còn nhỏ nhặt của cuộc sống?

Sao có thể gọi là trí thức những kẻ không ra khỏi cái vỏ ốc của thân phận mình, không thấy được lẽ sống của nhân loại, không xác định được trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc và nhân dân?

Khi Trần Hưng Đạo “ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nước mắt đầm đìa, lòng đau như cắt” thì ưu hoạn của ông chính là ưu hoạn của người trí thức anh hùng trước sự tàn bạo của quân thù và nguy cơ diệt vong của cả dân tộc.

Đau khổ của người trí thức chân chính là đau khổ được nhân lên gấp đôi, bởi đó là đau khổ của nhân dân được cộng thêm những suy tư của người trí thức.

Nguyễn Trãi đã suốt đời suy tư trước nỗi đau khổ của nhân dân. Bao nhiêu bài thơ đã phản ánh những suy tư ấy của Nguyễn Trãi trước cảnh nước mất, nhà tan, quân thù bạo ngược:

Bình sinh độc bảo tiên ưu niệm,

Toạ ửng hàn khâm dạ bất miên.

(Suốt đời ôm mãi lòng “lo trước”,

Chăn lạnh choàng vai thức suốt đêm.)

(Hải khẩu dạ bạc hữu cảm –

Cảm xúc trong đêm đậu thuyền ở cửa biển)

Khác hẳn với những nhà nho đương thời mà một bộ phận đã theo giặc, một bộ phận khác đi với các vua Hậu Trần, Nguyễn Trãi tìm đến Lê Lợi, một người áo vải ở Lam Sơn. Người ấy chẳng thuộc dòng họ vua chúa nào, nhưng lại có khả năng tập

Văn bản bàn về vấn đề gì?

Xác định luận đề và luận điểm của văn bản.

Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng.

Nhận biết các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh,...

(1) *Ưu hoạn*: (ưu: lo, buồn; hoạn: tai hoạ, hoạn nạn) ưu tư và hoạn nạn. Ở đây có thể hiểu là nỗi lo lắng, buồn đau.

hợp quảng đại nhân dân để giải phóng đất nước. Chẳng ngại mình là cháu ngoại của nhà Trần, lại đã đỗ tiến sĩ và làm quan Ngự sử của triều cũ, Nguyễn Trãi đã tình nguyện suốt đời chiến đấu trung thành dưới cờ của Lê Lợi.

(Vũ Khiêu, *Người trí thức từ tinh hoa của dân tộc*,
in trong *Kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982)

Nhận biết các tri thức về bối cảnh lịch sử, văn hoá, hiểu biết về Nguyễn Trãi được nêu trong bài.

b) Để viết được bài nghị luận về một vấn đề xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí, các em cần lưu ý:

– Lựa chọn một vấn đề tư tưởng, đạo lí nổi bật trong đời sống xã hội để làm đề tài cho bài nghị luận. Loại đề nghị luận này thường thông qua các câu danh ngôn, tục ngữ, ca dao hoặc lời phát biểu nổi tiếng của các nhân vật lịch sử... để yêu cầu người viết bàn luận, làm rõ.

– Nên tìm tòi các vấn đề tư tưởng, đạo lí có tính thời sự và liên quan đến thế hệ trẻ. Ví dụ như: lí tưởng sống của thanh niên xưa và nay, quan niệm về lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc của lớp trẻ thời kì hội nhập,...

– Tìm hiểu kĩ vấn đề được lựa chọn, xác định nội dung cần được trình bày.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết: xác định luận đề, các luận điểm, lựa chọn dẫn chứng. Bố cục bài viết theo ba phần; các luận điểm, lí lẽ được triển khai phải gắn bó mật thiết và xuất phát từ luận đề đã nêu. Các dẫn chứng có thể lấy từ đời sống, trong lịch sử và trong tác phẩm văn học.

– Xác định rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề đã nêu. Vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm trong thực tế để bài viết trở nên sâu sắc và có ý nghĩa xã hội hơn.

2) Thực hành

Bài tập: *Quan niệm của em về lòng yêu nước.*

a) Chuẩn bị

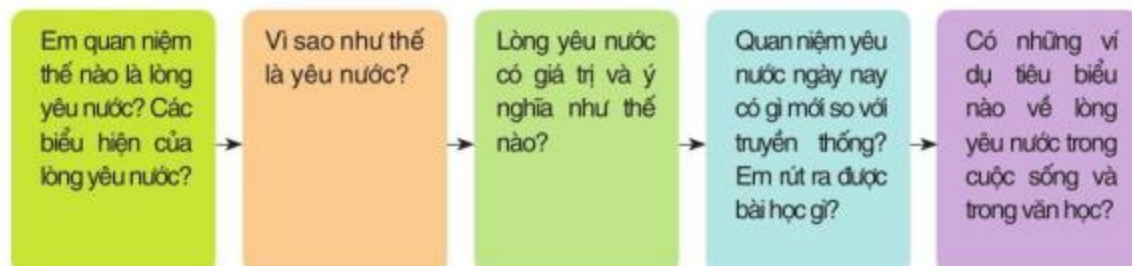
– Xác định yêu cầu của đề. Xem lại mục *Định hướng* ở trên.

– Tìm hiểu quan niệm và những biểu hiện cụ thể (con người, sự việc, nhân vật, sự kiện,...) về lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong cuộc sống và trong lịch sử dựng nước, giữ nước từ xưa đến nay của dân tộc ta.

– Liên hệ với một số tác phẩm văn học đã học, đã đọc viết về lòng yêu nước (từ văn học dân gian đến văn học viết).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo gợi dẫn:



– Lập dàn ý bằng cách lựa chọn và sắp xếp các ý theo ba phần lớn của bài văn:

Mở bài	Dẫn dắt và nêu vấn đề xã hội cần nghị luận. Có thể dẫn dắt vào bài bằng nhiều cách khác nhau như trích các câu thơ viết về lòng yêu nước; dẫn ra những tấm gương hi sinh cao cả vì Tổ quốc; trích câu nói nổi tiếng về lòng yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh hoặc các danh nhân từ xưa đến nay; từ đó, nêu vấn đề cần nghị luận.
Thân bài	+ Nêu quan niệm (ý kiến) của em về lòng yêu nước (Thế nào là yêu nước?). Lí giải (lí lẽ) vì sao như thế là yêu nước. + Dẫn ra và phân tích các biểu hiện về lòng yêu nước (bằng chứng): Các biểu hiện trong lịch sử dân tộc từ xưa đến nay; biểu hiện trên nhiều lĩnh vực như trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động xây dựng đất nước, học tập, nghiên cứu khoa học hoặc trong lĩnh vực thể thao, văn hoá,... Trong đó, lưu ý các dẫn chứng gắn liền với đời sống thực tế hiện nay, nhất là các tấm gương chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn lịch sử mới, các tấm gương lao động sản xuất và các nhà khoa học có thành tựu nghiên cứu ứng dụng thực tế và có đóng góp tầm quốc tế,... + Có thể dẫn ra một số tác phẩm thơ văn viết về lòng yêu nước đã và đang học. + Phân tích giá trị và ý nghĩa của lòng yêu nước. + Nêu lên các quan niệm khác nhau, chứng minh hoặc bác bỏ cách hiểu chưa đúng về lòng yêu nước, so sánh những biểu hiện giống và khác nhau về lòng yêu nước, nhất là lòng yêu nước và tự hào dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong thời kì hội nhập quốc tế ngày nay,... + Chỉ ra điểm mới trong quan niệm về lòng yêu nước trong thời đại ngày nay.
Kết bài	+ Khẳng định lại ý nghĩa và giá trị của lòng yêu nước. + Phát biểu suy nghĩ và cách thức thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc của cá nhân mình.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập, có thể viết các đoạn văn hoặc cả bài văn theo yêu cầu của đề. Chẳng hạn:

+ Rèn luyện viết mở bài, kết bài.

+ Viết đoạn văn triển khai các biểu hiện sinh động về tình thân yêu nước qua một số tấm gương về con người, sự việc cụ thể từ xưa đến nay trong một lĩnh vực nào đó (chiến đấu, học tập, nghiên cứu, thể thao hoặc xây dựng đất nước,...).

+ Viết đoạn văn phân tích lòng yêu nước biểu hiện qua một số tác phẩm thơ văn đã học.

+ Viết đoạn văn trao đổi, chứng minh, phản bác những quan niệm chưa đúng về lòng yêu nước qua một số ví dụ cụ thể thường thấy trong cuộc sống,...

– Trong khi viết, các em cần chú ý:

+ Lấy dẫn chứng trong cả cuộc sống và các tác phẩm văn học, nêu và phân tích các dẫn chứng ấy để làm rõ vấn đề (tránh việc chỉ nêu ra các dẫn chứng mà không phân tích, nhận xét).

+ Phát biểu cảm nghĩ và quan niệm của cá nhân về lòng yêu nước một cách trung thực, giản dị, tránh hô hào, khuôn sáo, bắt chước,...

+ Trích dẫn cần chính xác, tôn trọng các ý kiến của người khác, phải trích dẫn theo đúng quy định, tránh việc chép lại ý và lời văn của người khác.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài, đoạn văn đã viết để xem xét theo hướng dẫn sau:

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể
Bố cục ba phần	– Mở bài: Đã giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận chưa? – Thân bài: + Có nêu được quan niệm về lòng yêu nước và lí giải vì sao như thế là yêu nước? + Đã dẫn ra và phân tích các biểu hiện về lòng yêu nước trong lịch sử dân tộc từ xưa đến nay trên nhiều lĩnh vực chưa? + Có nêu ra được điểm mới trong quan niệm về lòng yêu nước trong thời đại ngày nay? – Kết bài: Đã khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của lòng yêu nước và phát biểu cảm nghĩ của cá nhân mình về vấn đề yêu nước chưa?
Các lỗi còn mắc	Tham khảo yêu cầu về lỗi đã nêu ở Bài 5 (trang 30).
Đánh giá chung	Tham khảo yêu cầu về đánh giá chung đã nêu ở Bài 5 (trang 30).

THUYẾT TRÌNH VÀ THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1) Định hướng

a) Ở Bài 1, các em đã thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội có thực trong cuộc sống hoặc được gợi ra từ một hay một số tác phẩm văn học. Phần này tiếp tục luyện tập thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội nhưng là vấn đề tư tưởng, đạo lý.

b) Để thuyết trình, thảo luận về một vấn đề xã hội, các em cần:

– Lựa chọn vấn đề thuyết trình (những tư tưởng, đạo lý có ý nghĩa thời sự, ảnh hưởng tới đời sống xã hội, được nhiều người quan tâm,...) như đã gợi ý trong phần *Viết ở trên*.

– Tìm hiểu kĩ nội dung vấn đề cần thuyết trình, tránh trường hợp không phù hợp với thời gian.

– Xác định rõ người nghe bài thuyết trình là ai để có cách trình bày phù hợp.

– Xác định thời lượng trình bày bài thuyết trình.

– Chuẩn bị dàn ý cho bài thuyết trình, tránh viết thành văn để đọc.

– Chuẩn bị các tư liệu, thiết bị hỗ trợ như máy tính, máy chiếu, video, tranh, ảnh,... (nếu cần).

– Người nghe cần chuẩn bị vấn đề và câu hỏi để tham gia thảo luận. Người nghe cũng có thể đề xuất các vấn đề mà bản thân thấy cần được đưa ra thảo luận. Tuy nhiên, cần chú ý đến thời gian cho phép của buổi thuyết trình.

2) Thực hành

Bài tập: *Hãy thuyết trình quan niệm của em về lòng yêu nước.*

a) Chuẩn bị

– Sử dụng dàn ý phần *Viết ở trên* để thuyết trình.

– Sắp xếp lại tranh, ảnh, chuẩn bị video, máy tính, máy chiếu phục vụ cho buổi thuyết trình (nếu cần).

– Trao đổi với bạn trong nhóm về nội dung và hướng trình bày, thuyết trình.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý bài viết thành đề cương bài thuyết trình.

– Lựa chọn, bổ sung, thêm bớt nội dung cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian và điều kiện thuyết trình.

c) Thực hành nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 32).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 33).

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tải dụ Vương Thông thư^(*)

(Thư dụ Vương Thông lần nữa)

① Kính cẩn gửi thư tới trước cửa quân của quan Tổng binh cùng các vị đại nhân!

Kể ra người dùng binh⁽¹⁾ giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thế, thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là hạng thất phu⁽²⁾ hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được?

② Trước đây, các ông bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào, đắp lũy, ngồi đợi viện binh, tâm tính không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến ta tin tưởng mà không nghi ngờ cho được. Cổ nhân có câu: “Bụng dạ người khác, ta lường đoán biết.”, nghĩa là thế đó. [...]

Sự thế ngày nay, cho dầu ngôi cao⁽³⁾ có đem quân cả nước sang chằng nữa, cũng chỉ thúc nhanh sự bại vong mà thôi, huống là Trương Phụ⁽⁴⁾ chỉ tự đến nộp mạng thì đâu có gì đáng nói!

(*) Nhan đề bức thư là do người đời sau đặt. *Tải*: lần nữa; *dụ*: lời bảo ban, khuyên nhủ; *Vương Thông*: quan Tổng binh, thống lĩnh quân đội nhà Minh từ tháng 9-1426 đến tháng 12-1427 trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.

(1) *Dùng binh*: sử dụng quân đội trong chiến trận.

(2) *Thất phu*: người đàn ông tầm thường.

(3) *Ngôi cao*: chỉ vua nhà Minh.

(4) *Trương Phụ*: tướng nhà Minh, đem quân xâm lược nước ta (1406 – 1407), đánh bại quân đội của Hồ Quý Ly, đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa của Đại Việt.

[...] Nay các ông kể cùng lực kiệt, quân sĩ nhọc mệt, trong thiếu lương thực, ngoài không viện binh, bầm hồ cụm đất nhỏ nhoi, nghỉ tạm cái thành trơ trọi, há chẳng phải như thịt trên thớt, cá trong nồi sao? Thế mà lại còn muốn lừa dối dân nước ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Họ là những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ngay cả khi thời cùng vận khốn, “nắm mặt nằm gai”⁽¹⁾, cũng còn chẳng chịu mưu đồ kia khác, lẽ nào ngày nay lại đi tin nghe những lời bất nghĩa của bọn các ông hay sao? Chỉ e người Nam trong thành nhớ mền chủ cũ⁽²⁾, cũng như người Ngô ở đây không kham nổi khổ, họ sẽ cùng hùa lại các ông rồi dẫn nhau ra hàng, giống như Trương Phi, Lã Bố⁽³⁾, lại bị chính thuộc hạ giết hại, đó là lẽ tất nhiên thôi.

Nay ở các thành, từ Đô ti⁽⁴⁾ trở xuống, đều căm giận bọn các ông đã lừa dối họ, ai cũng buông lời oán thán. Hoặc đã có người hiến kế hạ thành, lại có kẻ trèo lũy trốn ra ngoài, chế tạo chiến cụ, sửa đóng xe thang. Ngay bọn người đang bị khốn ấy sẽ giết lẫn nhau, hà tất phải đợi đến quân sĩ của ta nữa.

Nay ta suy tính họ các ông thì có sáu điều phải thua.

Nước lũ mùa hạ chảy tràn, cầu sà, rào lũy sụp lở, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết, quân ốm. Đó là điều phải thua thứ nhất!

[...] Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính và voi chiến của ta đồn giữ, nếu viện binh có đến, thì cũng muôn phần tất phải thua; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai!

Nước ông quân mạnh, ngựa khỏe, nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc để phòng bị quân Nguyên, không rồi mà nhìn đến phương nam được. Đó là điều phải thua thứ ba!

Luôn luôn động binh đao, liên tiếp bày đánh dẹp, dân sống không yên, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư!

Gian thần chuyên chính⁽⁵⁾, bạo chúa giữ ngôi, người cốt nhục hại nhau, chốn cung đình sinh biến⁽⁶⁾. Đó là điều phải thua thứ năm!

Nay ta dấy nghĩa binh, trên dưới đồng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng lại vừa đánh giặc. Còn quân sĩ trong thành thì đều mỗi mệt, tự chuốc bại vong. Đó là điều phải thua thứ sáu!

(1) *Nắm mặt nằm gai*: điển tích nói việc Việt Vương Câu Tiễn, khi nước Việt thời Xuân Thu (722 – 479 trước Công nguyên) bị nước Ngô thôn tính, đêm thường ngủ trên đồng củi gai, ngày thường nắm mặt đắng để không quên chí phục quốc.

(2) *Chủ cũ*: ở đây nói người nước Nam (Đại Việt) ở thành Đông Quan tuy tạm sống trong vùng quân Minh chiếm đóng nhưng lòng vẫn nhớ chủ cũ là vua nhà Trần.

(3) *Trương Phi, Lã Bố*: hai nhân vật trong tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung. Cả hai người do hà khắc với người dưới quyền nên bị họ làm phản, giết chết.

(4) *Đô ti*: chức quan thời Minh, nắm binh quyền của một tỉnh.

(5) *Chuyên chính*: nắm quyền cai trị độc đoán.

(6) *Chốn cung đình sinh biến*: chỉ việc chém giết lẫn nhau nhiều đời trong triều đình nhà Minh.

③ Nay giữ cái thành cồn con để chờ sáu điều tất bại, ta lấy làm tiếc cho các ông lắm! Người xưa có câu: “Nước xa không thể cứu lửa gần.”. Giá viện binh có đến, cũng chẳng ích gì cho sự bại vong. Trước, Phương Chính, Mã Kỳ⁽¹⁾ chuyên làm điều hà khắc bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp ta, bắt vợ con của dân ta, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kĩ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua⁽²⁾ dứt hẳn. Nếu muốn kéo quân về nước, thì cầu đường sửa sang, thuyền ghe sắm đủ, thủy bộ hai đường, tùy theo ý muốn, đưa quân ra khỏi cõi, yên ổn muôn phần. Ta sẽ giữ phận bề tôi, không thiếu chức cống.

Nếu như không nghe theo như thế, thì nên chinh quân bày trận, giao chiến với ta ở chốn đồng bằng, quyết một trận được thua, đừng xem tài hơn kém, chứ không nên ở chúi trong xó hang cùng, bắt chước cái lối đàn bà mà mang cái nhục khăn yếm như thế!⁽³⁾

(PHAN DUY TIẾP dịch – NGUYỄN VĂN NGUYỄN hiệu chính,
in trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 1,
NXB Văn học – Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001)

1. Sắp xếp lại các câu sau cho đúng với trình tự: luận điểm – lí lẽ – dẫn chứng mà Nguyễn Trãi đã trình bày trong bức thư:

a) Được thời có thể, thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển thành nguy.

b) Trước đây, các ông bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào, đắp lũy, ngồi đợi viện binh, tâm tính không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến ta tin tưởng mà không nghi ngờ cho được.

c) Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi.

2. Bức thư của Nguyễn Trãi chỉ ra *sáu điều phải thua* của quân Minh. Em hãy diễn những nội dung còn thiếu ở cột B rồi ghép thứ tự *điều phải thua* ở cột A với các nội dung ở cột B sao cho chính xác.

(1) *Phương Chính, Mã Kỳ*: hai tướng chỉ huy của quân Minh trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.

(2) *Can qua*: được dùng với nghĩa là chiến tranh, loạn lạc (*can*: cái mộc, *qua*: cái mác; đều là các binh khí dùng trong chiến trận).

(3) Ở đây, Nguyễn Trãi có ý nhắc đến câu chuyện trong *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung), hồi 103: Khổng Minh đóng quân ở gò Ngũ Thượng, dụ mãi quân Ngụy không ra khiêu chiến, bèn cho người mang thư và traps có đựng khăn, yếm và y phục của đàn bà đến cho Từ Mã Ý.

A	B
a) Điều phải thua thứ nhất	1) ... dân sống không yên, nhao nhao thất vọng.
b) Điều phải thua thứ hai	2) Gian thần chuyên chính, bạo chúa giữ ngôi...
c) Điều phải thua thứ ba	3) Nước lũ mùa hạ... củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết, quân ốm.
d) Điều phải thua thứ tư	4) Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính... bọn các ông tất bị bắt.
đ) Điều phải thua thứ năm	5) ... anh hùng hết sức, quân lính càng luyện, khí giới càng tinh... Còn quân sĩ trong thành thì đều mỏi mệt...
e) Điều phải thua thứ sáu	6) ... nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc... không rồi mà nhìn đến phương nam được.

3. Tìm hiểu cách xưng hô của Nguyễn Trãi với quân Minh trong bức thư, cho biết nhận định nào sau đây **không** đúng?

A. Nguyễn Trãi đã quá nhún nhường trước kẻ thù khi quân ta đang ở thế mạnh hơn chúng.

B. Nguyễn Trãi có lúc tỏ ra tôn trọng kẻ thù nhưng rất kiên quyết khi chúng động chạm đến quyền lợi dân tộc.

C. Ông đã phân loại kẻ thù để có cách xưng hô tỏ thái độ rõ ràng với từng loại người. Ngay với Tổng binh Vương Thông, khi cần thiết Nguyễn Trãi vẫn có cách xưng hô cứng rắn mang tính cảnh cáo.

D. Mục đích của bức thư là nhằm mở đường cho kẻ thù rút quân về nước, chấm dứt chiến tranh, đem lại hoà bình, độc lập cho dân tộc nên sự nhún nhường trong cách xưng hô là hợp lí.

4. Trong *Tái dụ Vương Thông thư*, có đoạn viết: “Trước, Phương Chính, Mã Kỳ chuyên làm điều hà khắc, bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp ta, bắt vợ con của dân ta, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kĩ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua dứt hẳn.”. Em hãy cho biết câu nào sau đây thể hiện đúng mục đích của đoạn thư trên?

A. Việc đòi chém Phương Chính, Mã Kỳ là điều kiện để hai bên giảng hoà, chấm dứt chiến tranh.

B. Đoạn văn kể tội Phương Chính, Mã Kỳ trong bức thư nhằm chia rẽ nội bộ kẻ địch, khiến chúng nghi kỵ, sát phạt lẫn nhau.

C. Đoạn này của bức thư nhằm lên án tội ác quân Minh, chỉ đích danh thủ phạm để người dân và binh lính người Việt trong thành căm phẫn nổi dậy, kết hợp trong ngoài cùng đánh thành.

D. Viết những câu đó, Nguyễn Trãi thể hiện ý chí và quyết tâm của quân dân Đại Việt trong việc tiêu diệt quân Minh nếu chúng không chịu giảng hoà và rút quân về nước.

5. Từ những tư liệu mà em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của *Tái dụ Vương Thông thư* và cho biết quan điểm của Nguyễn Trãi được thể hiện trong bức thư.

6. Phân tích nghệ thuật lập luận được Nguyễn Trãi thể hiện trong bức thư (từ quan niệm thời thế, chỉ rõ âm mưu và tình thế của đối phương, vạch ra các nguyên nhân dẫn đến thất bại của chúng đến việc đưa ra giải pháp kết thúc chiến tranh) để làm rõ chiến lược “mưu phạt, tâm công” của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

7. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh trong bức thư để làm nổi bật tư thế, niềm tin, ý chí và tinh thần yêu chuộng hoà bình của cha ông ta trước kẻ thù xâm lược.

8. Bức thư giúp em hiểu biết thêm điều gì về tư tưởng và tài năng của Nguyễn Trãi?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Truy cập Internet để tìm hiểu các thông tin về Nguyễn Trãi và các tác phẩm đã học:

- Thu thập tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video liên quan.
- Đánh giá tư liệu xem các thông tin này đã đầy đủ và phù hợp chưa? Không sử dụng tư liệu nếu: a) Không có thông tin liên quan đến đề tài; b) Thông tin đó không có nguồn tin cậy và không chính xác.

2. Đọc thêm một số bài nghị luận xã hội thời trung đại và các bài viết liên quan đến bài học này như:

– *Lại thư trả lời Phương Chính* (Thư số 5), *Lại thư cho Vương Thông* (Thư số 37),... trong *Quân trung từ mệnh tập*, Văn bia Vĩnh Lăng; hai tập thơ *Ức Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

- Các bài viết về Nguyễn Trãi và thơ văn của ông.

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Hiểu được yêu cầu về mục tiêu nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc đánh giá kết quả học tập cuối học kì II.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Hãy kê bảng hoặc vẽ sơ đồ về các bài đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Tham khảo và hoàn thành bảng sau:

Loại văn bản đọc	Thể loại hoặc kiểu văn bản	Tên văn bản
Văn bản văn học		
Văn bản nghị luận		

Câu 2. Nêu tên các văn bản đọc hiểu tiêu biểu cho mỗi thể loại truyện trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai và chỉ ra đặc điểm cơ bản cần chú ý khi đọc mỗi thể loại đó.

Câu 3. Nêu đặc điểm chung về nội dung và hình thức của các văn bản thơ được học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Phân tích ý nghĩa của những nội dung chủ đề đặt ra trong các bài thơ được học. Xác định những điểm cần chú ý về cách đọc hiểu các văn bản thơ này.

Câu 4. Nhận xét về đặc điểm của các văn bản nghị luận văn học được học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Phân tích yêu cầu và ý nghĩa của việc đọc hiểu các văn bản nghị luận ấy.

Câu 5. Cấu trúc của bài *Thơ văn Nguyễn Trãi* gồm những nội dung gì? Văn bản *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc* của Phạm Văn Đồng có vai trò gì trong bài học này? Nhận xét về các tác phẩm của Nguyễn Trãi (nội dung và hình thức thể loại) được học trong bài này.

VIẾT

Câu 6. Nêu tên các kiểu văn bản nghị luận được rèn luyện viết trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai; nhận xét điểm khác nhau của các kiểu văn bản viết được rèn luyện ở *Ngữ văn 10*, tập hai so với *Ngữ văn 10*, tập một. Ví dụ:

Kiểu bài	Tập một	Tập hai
Nghị luận xã hội	 Bàn về một vấn đề gắn với các tác phẩm văn học.	 Bàn về một tư tưởng, hiện tượng trong cuộc sống.

Câu 7. Chỉ ra các điểm giống nhau và khác nhau về yêu cầu viết (mục đích và nội dung) của bài nghị luận *Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học* và *Nghị luận về một vấn đề xã hội* đã học. Hoàn thành yêu cầu của bài tập vào vở theo bảng sau:

Tên kiểu văn bản	Mục đích và nội dung
Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học	
Nghị luận về một vấn đề xã hội	

Câu 8. Nêu mục đích, yêu cầu và nội dung chính của việc làm báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề về thơ. Hoàn thành yêu cầu của bài tập vào vở theo bảng sau:

Mục đích	
Yêu cầu	
Nội dung chính	

NÓI VÀ NGHE

Câu 9. Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kỹ năng thuyết trình và thảo luận ở sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Những nội dung thuyết trình và thảo luận liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết như thế nào?

TIẾNG VIỆT

Câu 10.

a) Nêu một số biện pháp tu từ có trong Bài 6 và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật trong các bài thơ đã học ở Bài 6.

b) Nêu một ví dụ về biện pháp tu từ chêm xen chưa học trong sách giáo khoa (Bài 6) và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ấy.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung	– Kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết văn bản. – Đánh giá sự vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học. – Đánh giá sự sáng tạo trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.
Hình thức	– Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút). – Phạm vi đánh giá là những yêu cầu cần đạt đã nêu trong các bài học ở <i>Ngữ văn 10</i>, tập hai. – Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học, thuộc hai loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận. – Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và tự luận; tăng tỉ lệ yêu cầu viết tự luận (câu trả lời ngắn). – Đánh giá năng lực viết qua một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã được học (nghị luận là chính).

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

I. Đọc hiểu

a) Đọc bài thơ sau, ghi vào vở chữ cái đầu phương án trả lời đúng của mỗi câu hỏi (từ 1 đến 5) và làm bài tập câu 6.

THƯƠNG VỢ

Quanh năm buôn bán ở mom sông⁽¹⁾,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo⁽²⁾ mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không.

(TRẦN TẾ XƯƠNG, *Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1984)

- Bài thơ *Thương vợ* là lời của ai, nói về ai?
 - Vợ nhà thơ Trần Tế Xương nói về chồng
 - Vợ nhà thơ Trần Tế Xương tự nói về mình
 - Người chồng nói về người vợ của mình
 - Nhà thơ Trần Tế Xương tự nói về mình
- Bài thơ nêu trên có đặc điểm như thế nào?
 - 8 câu, không có hình ảnh
 - 8 câu, mỗi câu 7 chữ
 - 8 câu, không có nhịp
 - 8 câu, không có vần
- Câu thơ nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ?
 - Cha mẹ thói đời ăn ở bạc*
 - Có chồng hờ hững cũng như không*
 - Một duyên hai nợ âu đành phận*
 - Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

(1) *Mom sông*: phần đất ở bờ nhô ra phía lòng sông, nơi thuận tiện thuyền bè qua lại và người dân thường tụ tập mua bán.

(2) *Eo sèo*: kì kèo, kêu ca phàn nàn một cách khó chịu.

4. Câu thơ nào sau đây sử dụng thành ngữ?

- A. *Quanh năm buôn bán ở mom sông*
- B. *Nuôi đủ năm con với một chồng*
- C. *Năm nắng mười mưa dám quản công*
- D. *Eo sèo mặt nước buổi đò đông*

5. Điểm giống nhau giữa bài thơ trên với các bài *Tự tình* (Bài 2) (Hồ Xuân Hương); *Cảm xúc mùa thu* (Đỗ Phủ); *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến) là gì?

- A. Viết về tình cảm với quê hương
- B. Viết về đề tài người phụ nữ
- C. Viết về thiên nhiên, mùa thu
- D. Làm theo thể thơ Đường luật

6. Nội dung chính của đoạn thơ trên trong 4 – 5 dòng.

b) Đọc đoạn trích sau và làm các bài tập ở bên dưới:

Nguyễn Trãi đã dùng văn học phục vụ chiến đấu, viết văn để đánh giặc. Văn chính luận của ông có nội dung yêu nước sâu sắc và tính chiến đấu cao, *Quân trung từ mệnh tập* “có sức mạnh như mười vạn quân” (Phan Huy Chú), từng đợt tiến công mãnh liệt vào kẻ thù. *Bình Ngô đại cáo* cháy bỏng khát vọng chiến đấu cho độc lập dân tộc, bùng dậy hùng khí của những năm “đoạt sáo, cầm Hồ”⁽¹⁾, trào dâng khí thế chiến đấu và chiến thắng của những năm tháng “Bình Ngô phục quốc”. Trong *Quân trung từ mệnh tập*, Nguyễn Trãi đã dùng trí mưu để phân tích *thời – thế – lực* nhằm chứng minh ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Nguyễn Trãi đã vận dụng đạo lý lên án vua quan triều Minh về tội ác xâm lược, dối trá, tàn bạo,... tuyên dương nghĩa quân về việc làm chính nghĩa, quang minh chính đại, trung thực, khoan hồng,... Sức mạnh chiến đấu của văn chính luận Nguyễn Trãi là sức mạnh của chiến lược “lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo”, của sự ưu thắng khi phân tích về *thời – thế – lực*. Từ nhu cầu “tâm công” và từ nhận thức về tính năng chiến đấu của văn chương, với tinh thần chiến đấu không mệt mỏi, không khoan nhượng, trên những điểm căn bản và tuân theo một sách lược linh hoạt, Nguyễn Trãi đã viết thư giáng cho địch những đòn tới tấp, đánh cho kẻ địch phải thua trên mặt trận tư tưởng. Chiến đấu là tính đặc thù của văn chính luận dân tộc. Nhưng chiến đấu ngoan cường, trực diện, tập trung, thường xuyên và có hiệu quả cao, xuất

(1) *Đoạt sáo, cầm Hồ*: cướp lấy giáo, bắt giặc Nguyên Mông (*Hồ*: từ do người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các dân tộc thiểu số và ngoại tộc ở phía bắc với thái độ khinh miệt, ở đây dùng để chỉ giặc Nguyên Mông).

phát từ trí tuệ nhạy bén, tình cảm chân thành và nhất là từ ý thức dùng văn chương làm vũ khí “mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao” (Phạm Văn Đồng), thì chỉ có thể tìm thấy sớm nhất trong văn chính luận Nguyễn Trãi.

(BÙI DUY TÂN, in trong *Nguyễn Trãi, Về tác gia tác phẩm*, NXB Giáo dục, 1999)

1. Văn bản trên viết về vấn đề gì? Tóm tắt trong khoảng 3 – 4 dòng.
2. Nêu các biểu hiện cụ thể giúp em nhận biết được phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.
3. Đoạn trích trên được triển khai theo kiểu diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp? Em dựa vào đâu để xác định cấu trúc ấy?
4. Viết 6 – 8 dòng nêu cảm nghĩ của em về nội dung và hình thức của đoạn trích trên.

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn ngắn:

Đề 1. Phân tích, đánh giá nội dung và hình thức một trong các tác phẩm văn xuôi đã học trong *Ngữ văn 10*, tập hai.

Đề 2. Phân tích bài thơ *Thương vợ* của tác giả Trần Tế Xương đã nêu ở trên.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
ẩn dụ	119	Hồ Xuân Hương	43, 44, 47, 48,...
bài văn	29, 30, 31, 79,...	kết bài	30, 79, 80, 108,...
bài văn nghị luận	29, 31, 85	kết cấu	3, 43, 59, 78,...
biện pháp tu từ	3, 4, 66, 79,...	kết luận	51, 52, 54, 72,...
biểu cảm	4, 59, 66, 87,...	không gian	3, 15, 20, 41,...
bối cảnh	6, 20, 29, 30,...	La Quán Trung	4, 20, 28, 31,...
Ca-ren Ca-xây	70, 74, 75, 76,...	lập luận	52, 61, 115,...
cảm xúc	4, 30, 35, 38,...	li lẽ	27, 52, 59,...
câu chuyện	4, 20, 24, 26,...	liên kết	40, 59, 60, 61,...
chêm xen	3, 4, 24, 25,...	liệt kê	86, 88, 104, 105,...
chi tiết	3, 10, 12, 16,...	luận đề	59, 89, 92, 96,...
chủ đề	3, 5, 41, 43,...	luận điểm	30, 52, 59, 61,...
chủ thể trữ tình	39, 40, 44, 46,...	mạch lạc	29, 32, 59, 60,...
chủ thích	103	mở bài	29, 30, 79, 80,...
Chu Văn Sơn	66, 70, 76, 78,...	mở đầu	16, 26, 28, 41,...
cốt truyện	3, 20, 26, 28,...	nghị luận	3, 29, 31, 59,...
dẫn chứng	52, 55, 59, 61,...	nghị luận văn học	29, 66, 85, 117,...
đánh giá	3, 12, 24, 26,...	Ngô gia văn phái	4, 5, 6, 28,...
đề tài	3, 5, 38, 41,...	ngôn từ	59, 60, 66, 78,...
điểm nhìn	3, 4, 20	người kể chuyện	3, 4, 6, 8,...
đoạn trích	5, 6, 12, 20,...	người kể chuyện hạn tri	3, 4
đoạn văn	20, 24, 25, 30,...	người kể chuyện toàn tri	3, 4
đọc hiểu	5, 12, 20, 29,...	Nguyễn Duy Bình	77
Đỗ Phủ	41, 42, 43, 58,...	Nguyễn Khuyến	45, 46, 47, 58,...
giọng điệu	31, 33, 66, 70,...	Nguyễn Trãi	47, 58, 63, 86,...
giới thiệu	3, 6, 20, 26,...	nhà thơ	39, 40, 41, 42,...
hình ảnh	10, 12, 20, 29,...	nhà văn	36, 46, 59, 77,...
hình thức	3, 5, 6, 26,...		
hình thức nghệ thuật	5, 59, 78, 79,...		

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
nhân đề	43, 44, 48, 59,...	thơ Đường luật	39, 40, 41, 44,...
nhân vật	3, 4, 5, 8,...	thơ Nôm Đường luật	40, 43, 54, 57,...
nội dung	3, 5, 6, 20,...	thời gian	3, 15, 17, 20,...
Phạm Ngũ Lão	56	thuyết trình và thảo luận	29, 86, 110, 118,...
phân tích	3, 20, 24, 25,...	thực hành	20, 29, 30, 31,...
phương án	36, 56, 72, 83,...	tiểu thuyết	5, 13, 18, 20,...
phương thức biểu đạt	121	tiểu thuyết chương hồi	3, 4, 5, 6,...
quan điểm	4, 12, 59, 61,...	tính cách	5, 13, 18, 20,...
sơ đồ	20, 32, 55, 116,...	tính hướng	3, 5, 13, 18,...
sự kiện	3, 5, 12, 20,...	trật tự từ	39, 40, 46, 47,...
sự việc	4, 13, 24, 26,...	trích dẫn	49, 52, 53, 54,...
Sương Nguyệt Minh	4, 12, 13, 25,...	truyện ngắn	3, 4, 12, 13,...
tác phẩm	3, 5, 6, 20,...	tư tưởng	3, 13, 40, 65,...
tâm lí	3, 4, 20, 70,...	văn bản	2, 3, 5, 6,...
tâm trạng	14, 15, 16, 29,...	văn bản nghị luận	3, 59, 61, 62,...
thân bài	29, 30, 79, 80,...	văn bản truyện	12, 27, 29, 31,...
thân phận	39, 43, 48, 106,...	viết	2, 3, 6, 7,...
thất ngôn xen lục ngôn	57, 87, 103	Vũ Cao Phan	4, 24, 25,...
thể thơ	40, 43, 53, 87,...	ý nghĩa	4, 16, 20, 24,...
thông điệp	13, 29, 30, 70,...	yếu tố	3, 28, 32, 39,...
thông tin	4, 6, 13, 19,...		

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Bu-san	Busan	40
Ca-ren Ca-xây	Karen Casey	70, 76
Cô-lôm-bi-a	Colombia	46
Gác-xi-a Mác-két	García Márquez	46
Giê-su	Jesus	35
Giu-li-ét	Juliet	83, 84
Go-rơ-ki	Gorki	77, 82
Lia	Lear	83, 84, 85
Ô-then-lô	Othello	83, 84, 85
Phlô-be	Flaubert	77, 82
Rô-mê-ô	Romeo	83, 84
Sêch-xpia	Shakespeare	83, 84, 85
Sô-ni	Sony	35
Ta-go	Tagore	83, 84, 85

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
1	ấn	5	phủ hiệu, con dấu của vua, quan	<i>ấn thụ // ấn kiểm, ấn tín</i>
2	bá	8	tước thứ ba sau tước hầu, trong bậc thang chức tước hàng quan lại thời phong kiến (công, hầu, bá, tử, nam)	<i>bá tước</i>
3	bản	1	gốc của mọi vật, thực chất cơ bản bên trong sự vật	<i>bản chất // bản chính, bản tính</i>
4	bảo	6	quý báu	<i>bảo kính, bảo kiểm // bảo vật, gia bảo</i>
5	bảo	5, 8	giữ gìn, chăm sóc	Tiếp <i>bảo</i> (đội thân binh hầu hạ), <i>bảo tồn, bảo quản // bảo an, bảo hộ, bảo mạng, bảo tàng, bảo toàn, bảo trì, bảo vệ</i>
6	bĩ	8	bê tắc, rũi ro	<i>hết bĩ rồi lại thái // bĩ cực</i>
7	biên	2	chỗ giáp giới với nước khác	<i>biên cương, biên giới // biên thủy, biên vực, đường biên</i>
8	biện	5	xét sự việc rồi phân ra tốt xấu	<i>biện lại // biện lí</i>
9	biểu	4	bày ra để làm rõ, biểu hiện một cách tượng trưng và tiêu biểu nhất	<i>biểu trưng // biểu thị, biểu đồ, biểu hiện, biểu lộ, biểu tượng</i>
10	bôn	8	chạy	<i>bôn tẩu // bốn ba</i>
11	can	8	cái mộc	<i>can qua</i>

(*) Cột này bao gồm các từ có trong sách giáo khoa (phía trước dấu //) và một số từ thông dụng ở ngoài sách giáo khoa (phía sau dấu //) chứa yếu tố được giải thích.

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
12	canh	6	khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm, thời trước dùng làm đơn vị tính thời gian về ban đêm	trông <i>canh</i> // <i>canh</i> bạc, năm <i>canh</i> , <i>canh</i> chầy, <i>canh</i> gà, <i>canh</i> khuya, <i>canh</i> thâu
13	cầm	6	đàn	Ngu <i>cầm</i> // dương <i>cầm</i> , Hồ <i>cầm</i> , thụ <i>cầm</i> , vĩ <i>cầm</i>
14	chí	2	ý muốn bền bỉ theo đuổi một việc gì tốt đẹp	bền <i>chí</i> // ý <i>chí</i> , <i>chí</i> hướng, <i>chí</i> khí
15	chính	8	đánh trận	<i>chính</i> chiến // <i>chính</i> phạt, <i>chính</i> phục
16	chính	3, 8	việc của nhà nước	<i>chính</i> sự, chuyên <i>chính</i> , phò <i>chính</i> , <i>chính</i> biến // <i>chính</i> phủ, <i>chính</i> quyền, <i>chính</i> sách, <i>chính</i> thể, <i>chính</i> trị
17	chính	7	ngay thẳng, đúng đắn, chuẩn mực	<i>chính</i> chuyên // đoan <i>chính</i> , liêm <i>chính</i> , <i>chính</i> đạo, <i>chính</i> nhân, <i>chính</i> nghĩa, <i>chính</i> quy, <i>chính</i> thống
18	chung	2	trộn vụn, cuối, kết cục	thuy <i>chung</i> // <i>chung</i> cuộc, <i>chung</i> kết
19	chứng	8	cái đưa ra để đảm bảo sự việc là có thật	<i>chứng</i> cứ // vật <i>chứng</i> , <i>chứng</i> dẫn, <i>chứng</i> minh, <i>chứng</i> nhân, <i>chứng</i> nhận, <i>chứng</i> thực, <i>chứng</i> tích, <i>chứng</i> từ
20	cô	7	chỉ có một mình	<i>cô</i> trúc // <i>cô</i> độc, <i>cô</i> đơn, <i>cô</i> lập, <i>cô</i> liêu, <i>cô</i> nhi, <i>cô</i> quả, <i>cô</i> trung, thân <i>cô</i> , thể <i>cô</i>
21	cơ	5	khả năng ứng phó linh hoạt trước sự biến hoá của sự vật, khéo léo	<i>cơ</i> trí // <i>cơ</i> mưu, thấp <i>cơ</i> , kém <i>cơ</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
22	cơ	5	nền móng, gốc	cơ nghiệp // cơ bản, cơ đồ, cơ sở
23	danh	1, 7	tên gọi, danh vọng, tiếng tăm, nổi tiếng	danh tiếng, danh dự, lừng danh // danh gia, danh hiệu, danh lợi, danh nghĩa, danh phận, danh sách, danh tinh, nổi danh, hám danh, thanh danh
24	di	7	dời đi, chuyển đi	di trú // di căn, di chuyển, di cư, di dân, di dịch, di động, di tản, di thực
25	dinh	7	toà nhà ở, làm việc của quan lại	dinh thự, dinh cơ // dinh quan, dinh Tổng thống
26	duy	8	màn vây xung quanh	duy ác (màn che quân doanh)
27	duy	8	chỉ một	duy tân // duy nhất, duy chỉ
28	duyên	3	mối ràng buộc (tình cảm) như được định sẵn	giao duyên, nhân duyên, duyên tình, cơ duyên
29	đương	2, 6	Mặt Trời	tịch dương, vầng dương // bóng dương, dương khí
30	điều	4	chỉnh đốn, sắp xếp cho thích hợp	điều tiết // điều chỉnh, điều động, điều hành, điều hoà, điều phối, điều vận
31	điều	8	thương xót, viếng	điều phạt // điều văn, phúng điều
32	đồ	8	mưu tính, lo liệu	đồ hỏi // đồ mưu, đồ tính
33	gian	1, 8	khó khăn, khốn khổ	gian nguy, gian nan // gian khó, gian khổ, gian truân
34	giới	3, 6	răn bảo, ngăn cấm, điều cấm	– cảnh giới (bảo kính cảnh giới), phá giới // giới đàn, giới luật, giới sắc

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
35	hà	8	– bạo ngược, khe nứt – nhỏ mọn	– <i>hà khắc // hà hiếp, hà khóc, hà lam, hà ngược</i> – <i>phiền hà // hà tiện</i>
36	hành	1, 8	cử chỉ, hành động, thực thi	<i>hành vi, hành hình // hành đạo, hành hạ, hành hung, hành lương, hành lễ, hành nghề, hành quyết, hành sự, hành tội, hành xử</i>
37	hào	8	tài trí hơn người	<i>hào kiệt</i>
38	hằng	3	thường, luôn luôn, giữ được lâu	<i>đạo hằng // hằng đẳng thức, hằng năm, hằng ngày, hằng số</i>
39	hiếu	8	coi trọng, ham thích, yêu thương	<i>hiếu sinh // hiếu chiến, hiếu danh, hiếu đế, hiếu động, hiếu học, hiếu nghĩa, hiếu sắc, hiếu sự, hiếu thắng, hiếu thuận, đạo hiếu</i>
40	hoá	7	quy luật hoặc biến hoá của tự nhiên	<i>tạo hoá // hoá công, hoá kiếp, hoá sinh</i>
41	hoài	8	nung nấu, ấp ủ	<i>hoài bão // hoài cảm, hoài mong, hoài tưởng, hoài vọng</i>
42	hối	8	tội	<i>hối rồi lại mình</i>
43	khâm	8	tôn kính	<i>khâm phục</i>
44	khởi	3, 8	dấy lên, bắt đầu một hoạt động	<i>khởi binh, khởi sự // khởi chiến, khởi công, khởi đầu, khởi điểm, khởi động, khởi hành, khởi nguyên, khởi phát, khởi sắc, khởi thảo, khởi thủy, khởi tố, khởi xướng</i>
45	khuất	1, 8	hàng phục, chịu thua	<i>khuất phục, chịu khuất</i>
46	kiền	8	trời	<i>kiền khôn (càn khôn: trời đất)</i>
47	kinh	8	sửa trị	<i>kinh bang (trị nước) // kinh luân</i>
48	kinh	5	trung tâm đầu não quốc gia, nơi vua và triều đình ngự trị thời phong kiến	<i>kinh kì, kinh thành // kinh đô, kinh sư</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
49	liên	6	sen, hoa sen	<i>hồng liên // bạch liên</i>
50	linh	4, 7	– thuộc về tinh thần – thuộc về thần thánh	– <i>tâm linh // linh cảm, linh nghiệm, linh tính</i> – <i>thần linh // linh thiêng</i>
51	lược	3, 8	mưu kế, mưu lược	<i>lược thao, lược kế</i>
52	lưu	5	chuyển động, chuyển đi, truyền bá	<i>lưu truyền // lưu chuyển, lưu động, lưu hành, lưu thông, lưu vong</i>
53	mai	8	ẩn, ẩn nấp	<i>mai phục // mai danh, mai tích</i>
54	mạo	1	liều lĩnh	<i>mạo hiểm</i>
55	minh	5	sáng, rõ ràng	<i>hồi rồi lại minh, minh bạch // minh chứng, minh định, minh họa, minh xác, minh xét</i>
56	môn	3	cửa	<i>nha môn // huyện môn, môn đăng, môn hạ, môn khách</i>
57	mưu	8	cách khôn khéo nghĩ ra để đánh lừa đối phương	<i>mưu phạt // mưu chước, mưu đồ, mưu đoạt, mưu hại, mưu kế, mưu lược</i>
58	nghi	4	khuôn mẫu, lễ tiết	<i>nghi lễ, nghi thức // nghi tiết</i>
59	nha	3	cơ quan hành chính cấp cao trong tổ chức chính quyền thời trước, nơi làm việc của quan lại	<i>huyện nha // nha môn, quan nha</i>
60	nhân	2, 8	– người – lòng thương người	– <i>nhân tài, nhân dân // nhân chứng, nhân chứng, nhân công, nhân khẩu, nhân loại, nhân luân, nhân lực, nhân mạng, nhân sĩ, nhân sự, nhân tài, nhân tâm, nhân tình, nhân tính, nhân văn, nhân vật, nhân viên</i> – <i>nhân nghĩa, chí nhân, nhân hậu // nhân đạo, nhân từ</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
61	phách	8	vía (điều tạo nên sức mạnh tinh thần của con người theo quan niệm dân gian)	<i>phách lạc // hồn phách</i>
62	phạm	3	người có tội	<i>phạm gian // phạm đồ, phạm nhân</i>
63	phát	4	mở ra, dựng lên	<i>phát huy // phát minh, phát triển, phát sinh</i>
64	phủ	5	đơn vị hành chính thời phong kiến, lớn hơn và có vị trí quan trọng hơn cấp huyện	<i>phủ đường</i>
65	phục	8	làm việc	<i>phục dịch // phục vụ</i>
66	phương	1, 3	– cách giải quyết sự việc – hướng, phương diện	– <i>phương thức // phương án, phương châm, phương kế, phương pháp, phương sách, phương thức</i> – <i>thập phương // quan phương, tam phương, tứ phương, phương diện, phương hướng</i>
67	quả	3	người phụ nữ góa chồng	<i>quả phụ // cô quả</i>
68	quân	1, 5, 8	đội binh, việc binh, binh lính	<i>quân thù, trung quân, quân thanh, quân kì, quân mã // quân bản bộ, quân báo, quân bị, quân bưu, quân cảnh, quân chính, quân chủng, quân công, quân cơ, quân nhân, quân dịch, quân dụng, quân đoàn, quân đội, quân hàm, quân hành, quân hiệu, quân khu, quân kì, quân lệnh, quân lính, quân ngũ, quân phục, quân sĩ,...</i>
69	quy	7	phép tắc	<i>quy luật, quy định // quy cách, quy chế, quy chuẩn, quy củ, quy ước, nội quy</i>
70	sa	6, 8	rơi vào tình trạng không may mắn	<i>sa sạm, sa cơ // sa chân, sa đà, sa lầy, sa ngã, sa sẩy</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
71	song	8	cùng, hai	<i>song</i> toàn // <i>song</i> ca, <i>song</i> hỉ, <i>song</i> kiểm, <i>song</i> mã, <i>song</i> ngữ, <i>song</i> phi, <i>song</i> phương, <i>song</i> song, <i>song</i> tầu, <i>song</i> thân, <i>song</i> thất lục bát, <i>song</i> tiết
72	tai	8	điều rủi ro bất ngờ tới	<i>tai</i> vạ // <i>tai</i> ách, <i>tai</i> bay vạ gió, <i>tai</i> biến, <i>tai</i> hoạ, <i>tai</i> nạn, <i>tai</i> ương
73	tang	3	vật làm chứng cho việc làm sai trái, phi pháp	nguyên <i>tang</i> , vu <i>tang</i> // <i>tang</i> chứng, <i>tang</i> vật, <i>tang</i> tích
74	tao	7	thanh cao, nhã nhặn (như thơ li tao)	<i>tao</i> nhã // <i>tao</i> nhân, thanh <i>tao</i>
75	tắc	8	thần lúa	xã <i>tắc</i>
76	tâm	7, 8	– lòng người – bản tính, tính tình – tinh thần	– <i>tâm</i> công // <i>tâm</i> địa, <i>tâm</i> khảm, <i>tâm</i> sự, <i>tâm</i> tình, <i>tâm</i> tư – <i>tâm</i> tính // <i>tâm</i> huyết, <i>tâm</i> phúc – <i>tâm</i> linh // <i>tâm</i> bệnh, <i>tâm</i> hồn, <i>tâm</i> lý, <i>tâm</i> lực, <i>tâm</i> thần, <i>tâm</i> trạng, <i>tâm</i> trí
77	tận	7, 8	đến đó là hết, là giới hạn kết thúc	<i>tận</i> tụy, bắt <i>tận</i> // <i>tận</i> cùng, <i>tận</i> dụng, <i>tận</i> hưởng, <i>tận</i> lực, <i>tận</i> số, <i>tận</i> tâm, <i>tận</i> thể, <i>tận</i> thu
78	tế	8	cứu, giúp	<i>tế</i> thể // <i>tế</i> bản, <i>tế</i> độ, cừu <i>tế</i> , cừu thể, y <i>tế</i>
79	thái	8	thông thuận, may mắn	bĩ rồi lại <i>thái</i>
80	thái	5, 7	an bình, vô sự, tuyệt đối	<i>thái</i> bình, thư <i>thái</i> // <i>thái</i> hoà, thông <i>thái</i>
81	thảm	8	đau thương, u sầu, ảm đạm	<i>thảm</i> đạm // <i>thảm</i> bại, <i>thảm</i> cảnh, <i>thảm</i> hoạ, <i>thảm</i> khóc, <i>thảm</i> kịch, <i>thảm</i> sầu, <i>thảm</i> thiết

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
82	thủ	8	phòng giữ, chờ thời cơ tấn công	<i>thủ hiểm</i> (chiếm giữ nơi hiểm yếu) // <i>phòng thủ, cổ thủ, thủ môn, thủ thành</i>
83	thụ	4	nhận, dung nạp	<i>thụ lộc</i> // <i>thụ bệnh, thụ giáo, thụ mệnh, thụ phần, thụ phần, thụ phong, thụ tinh, hưởng thụ</i>
84	tí	3	thấp hèn	<i>tí tiện</i>
85	tịch	6	buổi chiều	<i>tịch dương</i>
86	tiết	3	lòng ngay thẳng, trong sạch, giữ trước sau như một	<i>tiết hạnh</i> // <i>tiết nghĩa, khí tiết, phẩm tiết, tiết phụ, tiết tháo, trinh tiết</i>
87	tiêu	6, 8	– rơi rụng, thê lương – mất đi	– <i>tiêu điều</i> // <i>tiêu sơ, tiêu tao</i> – <i>tiêu vong</i> // <i>tiêu hao, tiêu hoá, tiêu huỷ, tiêu ma, tiêu mòn, tiêu phí, tiêu tan, tiêu thổ</i>
88	tinh	8	– phần tinh túy, tốt đẹp nhất – những hoạt động thuộc về đời sống nội tâm của con người (suy tư, tình cảm,...) – khôn ngoan và lanh lợi	– <i>tinh hoa</i> // <i>tinh khiết, tinh khôi, tinh nhuệ, tinh tế, tinh túy, tinh vi, tinh xảo</i> – <i>tinh thần</i> // <i>tinh anh, tinh lực</i> – <i>tinh khôn</i> // <i>tinh ma, tinh nghịch, tinh nhanh, tinh quái, tinh ranh, tinh thông, tinh thực, tinh ý</i>
89	tôn	3, 5	đề cao, kính trọng	<i>tôn phù, tôn kinh</i> // <i>tôn sùng, tôn thờ, tôn sùng, tôn trọng, tôn vinh</i>
90	tôn	4	giáo phái	<i>tôn giáo</i>
91	trang	8	làm tôn vẻ đẹp hình thức, tô điểm	<i>trang sức</i> // <i>trang điểm, trang hoàng</i>
92	trang	3	nhà trại, trang trại	<i>gia trang</i> // <i>thôn trang, trang viên</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
93	tru	8	giết	<i>tru</i> di (hình phạt thời phong kiến: giết người có tội và cả gia đình họ)
94	trữ	4	cất, chứa	<i>trữ</i> lượng // dự <i>trữ</i> , <i>trữ</i> kim
95	tuyệt	1, 4, 8	– dứt, dứt, hết, từ vong – ở mức độ tốt đỉnh	– <i>tuyệt</i> mệnh // <i>tuyệt</i> chủng, <i>tuyệt</i> diệt, <i>tuyệt</i> giao, <i>tuyệt</i> nọc, <i>tuyệt</i> tình, cự <i>tuyệt</i> , <i>tuyệt</i> tự, <i>tuyệt</i> vọng – <i>tuyệt</i> sắc, <i>tuyệt</i> diệu, <i>tuyệt</i> vời // <i>tuyệt</i> bút, <i>tuyệt</i> đích, <i>tuyệt</i> đỉnh, <i>tuyệt</i> đối, <i>tuyệt</i> mỹ, <i>tuyệt</i> phẩm, <i>tuyệt</i> sắc, <i>tuyệt</i> thể, <i>tuyệt</i> trần, <i>tuyệt</i> vời, <i>tuyệt</i> hảo
96	văn	4, 7, 8	chỉ ngôn ngữ, văn tự, thư tịch, văn chương, giáo dục khoa cử, điển chương, phong tục,...	<i>văn</i> hiến, <i>văn</i> chương, <i>văn</i> hoá, <i>văn</i> vật // <i>văn</i> học, <i>văn</i> liệu, <i>văn</i> nhân, <i>văn</i> nghệ, <i>văn</i> thơ, <i>văn</i> võ
97	vũ	8	võ	thần <i>vũ</i> // <i>vũ</i> dũng, <i>vũ</i> đài, <i>vũ</i> lực, <i>võ</i> (<i>vũ</i>) nghệ, <i>vũ</i> (<i>võ</i>) sĩ, <i>văn</i> <i>vũ</i>
98	vũ	4	múa	đàn <i>vũ</i> // <i>vũ</i> đạo, <i>vũ</i> điệu, <i>vũ</i> khúc, <i>vũ</i> kịch, <i>vũ</i> nữ
99	xã	8	thần đất	<i>xã</i> tắc // <i>xã</i> đàn
100	xuân	3	cây xuân, loại cây sống lâu, thường được ví với người cha	<i>xuân</i> huyên (cha mẹ) // <i>xuân</i> đường

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Bài	Nội dung	Trang
5. Tiểu thuyết và truyện ngắn	Yêu cầu cần đạt	3
	Kiến thức ngữ văn	3
	Độc	5
	• Đọc hiểu văn bản	5
	— <i>Kiều binh nổi loạn</i> (Ngô gia văn phái)	5
	— <i>Người ở bên sông Châu</i> (Sương Nguyệt Minh)	12
	• Thực hành đọc hiểu	20
	<i>Hỏi trống Cổ Thành</i> (La Quán Trung)	20
	Thực hành tiếng Việt	24
	Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện	26
	Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện	31
	Tự đánh giá: <i>Ngày cuối cùng của chiến tranh</i> (Vũ Cao Phan)	33
	Hướng dẫn tự học	38
6. Thơ Đường luật	Yêu cầu cần đạt	39
	Kiến thức ngữ văn	39
	Độc	41
	• Đọc hiểu văn bản	41
	— <i>Thu hĩnh</i> – Bài 1 (Đỗ Phủ)	41
	— <i>Tự tình</i> – Bài 2 (Hồ Xuân Hương)	43
	• Thực hành đọc hiểu	45
	<i>Thu điếu</i> (Nguyễn Khuyến)	45
	Thực hành tiếng Việt	46
	Viết: Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	47
	Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	55
	Tự đánh giá: <i>Thuật hoài</i> (Phạm Ngũ Lão)	56
	Hướng dẫn tự học	58

Bài	Nội dung	Trang
7. Văn bản nghị luận	Yêu cầu cần đạt	59
	Kiến thức ngữ văn	59
	Đọc	61
	• Đọc hiểu văn bản	61
	– Con phải hơn cha để nhà có phúc (Vũ Ngọc Hoàng)	61
	– Gió thanh lay động cảnh cô trù (Chu Văn Sơn)	66
	• Thực hành đọc hiểu	70
	Đừng gây tổn thương (Ca-ren Ca-xây)	70
	Thực hành tiếng Việt	75
	Viết: Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học	77
	Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá vẻ đẹp của tác phẩm văn học	80
	Tự đánh giá: “ <i>Phép mầu</i> ” kì diệu của văn học (Nguyễn Duy Bình)	82
	Hướng dẫn tự học	85
8. Thơ văn Nguyễn Trãi	Yêu cầu cần đạt	86
	Kiến thức ngữ văn	86
	Đọc	88
	• Đọc hiểu văn bản	88
	– Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc (Phạm Văn Đồng)	88
	– Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi)	93
	• Thực hành đọc hiểu	103
	Bảo kính cảnh giới – Bài 43 (Nguyễn Trãi)	103
	Thực hành tiếng Việt	104
	Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội	105
	Nói và nghe: Thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội	110
	Tự đánh giá: <i>Tái dụ Vương Thông thư</i> (Nguyễn Trãi)	111
	Hướng dẫn tự học	115
	Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II	116
	Bảng tra cứu từ ngữ	122
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	124
	Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng	125

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 07 Hà Nội, Tp. Huế
Điện thoại: 0234.3834486 – Website: <http://huph.hueuni.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: TRẦN BÌNH TUYẾN

Chịu trách nhiệm nội dung:

Quyển Tổng biên tập: NGUYỄN CHÍ BẢO

Biên tập:

NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

LƯƠNG QUỐC HIỆP – PHAN THỊ TÚ UYÊN

Mình họa:

NGÔ XUÂN KHÔI

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ HƯƠNG CÚC

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

Tranh bìa: *Nhớ một chiều Tây Bắc* (PHAN KẾ AN).

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 10 – TẬP HAI

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Ngữ văn 10* vừa kế thừa mô hình sách *Ngữ văn* ở Trung học cơ sở vừa có những thay đổi phù hợp với đối tượng học sinh và yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo hướng tích hợp thông qua bốn hoạt động: đọc, viết, nói và nghe. Điểm khác biệt của *Ngữ văn 10* được thể hiện qua các yêu cầu đọc hiểu, viết, thuyết trình và thảo luận với những nội dung mới ở mức độ cao hơn.

Các tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục *Ngữ văn* cấp Trung học phổ thông.